

Cẩm nang doanh nghiệp

TÓM LƯỢC

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC

**RCEP**

Nhóm Biên soạn

Nguyễn Thị Thu Trang  
Phùng Thị Lan Phương  
Nguyễn Thị Thùy Dung  
Nguyễn Thanh Trà



*Trung tâm WTO và Hội nhập  
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*

Cẩm nang doanh nghiệp

TÓM LƯỢC  
HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC

**RCEP**





Thông tin trong Cẩm nang này chỉ phục vụ mục đích tham khảo. Để biết nội dung chính xác của các cam kết, doanh nghiệp cần tra cứu Văn kiện chính thức của Hiệp định RCEP (tại <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/16567-van-kien-hiep-dinh-rcep>).

Mọi quan điểm trong Cẩm nang này là của Nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.

## LỜI MỞ ĐẦU

---

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership - RCEP) là Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa 10 nước ASEAN (trong đó có Việt Nam) và 05 đối tác kinh tế ngoài ASEAN là Australia, Hàn Quốc, New Zealand, Nhật Bản và Trung Quốc, được ký kết vào ngày 15/11/2020. Hiệp định có hiệu lực sau khi có đủ 6 nước ASEAN và 03 đối tác ngoài ASEAN hoàn tất quá trình phê chuẩn nội bộ.

Việt Nam có mối quan hệ thương mại – đầu tư đặc biệt lớn với các nước thành viên ký kết RCEP. Những đối tác thuộc топ đầu các nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, các nguồn nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam đều có mặt trong khu vực này. Trong so sánh với các FTA của ASEAN và ASEAN với các đối tác, Hiệp định RCEP có phạm vi cam kết rộng, mức độ tự do hóa mạnh và/hoặc có tiêu chuẩn cao hơn ở nhiều khía cạnh. Do đó, việc thực thi RCEP được dự báo sẽ có tác động mạnh mẽ tới nền kinh tế cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.

Văn kiện Hiệp định bao gồm 20 Chương và 04 Phụ lục, với nhiều ngàn trang cam kết có nội dung và ngôn ngữ phức tạp. Việc tìm hiểu và tận dụng được cơ hội từ các cam kết này là thách thức lớn với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam.

Để hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu và có sự chuẩn bị đầy đủ hơn cho việc thực thi hiệu quả Hiệp định này, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (Trung tâm WTO và Hội nhập) đã tiến hành biên soạn cuốn Cẩm nang doanh nghiệp “Tóm lược Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)”.

Đây là tài liệu tóm tắt các nội dung cốt lõi của RCEP, lựa chọn trong số các cam kết có tác dụng trực tiếp nhất và dự kiến có ảnh hưởng nhiều nhất tới lợi ích của doanh nghiệp. Trên cơ sở phân tích nội dung các cam kết RCEP, đánh giá ảnh hưởng của chúng tới doanh nghiệp, tham khảo các nghiên cứu, phân tích, tóm tắt của chuyên gia trong và ngoài nước về cam kết, Cẩm nang diễn giải các cam kết theo cách thức ngắn gọn, dễ hiểu, đồng thời lưu ý doanh nghiệp về những vấn đề cần quan tâm, tập trung chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các cam kết liên quan.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform) cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Cẩm nang doanh nghiệp này.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

---

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEAN+	ASEAN và các đối tác đã có FTA với ASEAN
ATIGA	Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN
C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GATT	Hiệp định chung về thuế quan và thương mại của WTO
GATS	Hiệp định chung về thương mại dịch vụ của WTO
ISDS	Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài
MFN	Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc
NT	Nguyên tắc đối xử quốc gia
NTM	Biện pháp phi thuế quan
PSR	Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng
QTXX	Quy tắc xuất xứ
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
SPS	Các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật trong thương mại
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

# MỤC LỤC

## Phần thứ nhất

### ▶ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. RCEP là gì? .....	10
2. RCEP bao gồm những thành viên nào? .....	12
3. RCEP có hiệu lực khi nào? .....	15
4. Các nền kinh tế có thể rút lui hoặc gia nhập RCEP không? .....	16
5. Mối quan hệ giữa RCEP và các thỏa thuận quốc tế khác? .....	17
6. RCEP vận hành và giám sát thực thi thông qua các thiết chế nào? .....	19
7. Có ngoại lệ nào cho các cam kết của RCEP không? .....	22
8. Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý như thế nào? .....	24
9. RCEP có quy định gì về các hỗ trợ kỹ thuật giữa các nước thành viên? .....	28

## Phần thứ hai

### ▶ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

#### THUẾ QUAN

10. Các cam kết về thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP? .....	30
11. Khác biệt thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP? .....	32
12. Các nước đối tác có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của Việt Nam trong RCEP? .....	35
13. Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam? .....	37
14. Việt Nam có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của các nước đối tác trong RCEP? .....	42
15. Cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam cho một số nhóm sản phẩm nhập khẩu từ các nước thành viên RCEP? .....	44

### QUY TẮC VÀ THỦ TỤC XUẤT XỨ

16. Các quy tắc và thủ tục về xuất xứ được quy định ở đâu trong RCEP?	47
17. Để được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP hàng hoá phải đáp ứng các tiêu chí xuất xứ nào?	49
18. Tiêu chí “xuất xứ thuần túy” (WO) trong RCEP có gì đáng lưu ý?	50
19. Tiêu chí “Hàm lượng giá trị khu vực” (RVC) trong RCEP được quy định như thế nào?	52
20. Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa” (CTC) trong RCEP được quy định như thế nào? Có ngoại lệ/linh hoạt nào khi áp dụng hay không?	54
21. Quy tắc “Cộng gộp” trong RCEP có gì đặc biệt? Có phải nguyên liệu từ tất cả các nước thành viên RCEP đều được phép cộng gộp khi xác định xuất xứ của hàng hóa không?	57
22. Hàng hóa thuộc diện áp dụng khác biệt thuế quan có QTXX gì khác biệt không?	59
23. Ngoài các quy định về tiêu chí xuất xứ, doanh nghiệp cần lưu ý vấn đề gì khác về QTXX trong RCEP?	61
24. Quy tắc xuất xứ RCEP đối với một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?	63
25. Cơ chế chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong RCEP có gì đặc biệt?	64
26. Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của RCEP như thế nào? Thời điểm cấp và thời hạn hiệu lực của C/O RCEP?	66
27. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ trong RCEP cần có những thông tin gì?	68
28. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng được quy định như thế nào trong RCEP?	69
29. Theo quy định của RCEP, hóa đơn bên thứ ba không phải là thành viên Hiệp định có được chấp nhận không?	70
30. Trường hợp nào hàng hóa được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa?	71
31. Quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ trong RCEP được quy định như thế nào?	72
32. Trường hợp nào hàng hoá bị từ chối cho hưởng ưu đãi vì lý do xuất xứ?	73

### CÁC CAM KẾT KHÁC VỀ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

33. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp phi thuế quan?	74
34. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi thương mại?	77
35. Cam kết về các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch (SPS) của RCEP có gì đáng chú ý?	79
36. Cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của RCEP có gì đáng chú ý?	82
37. RCEP có cam kết gì về phòng vệ thương mại?	85



## Phần thứ ba

 THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ**THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ**

38. Cam kết về thương mại dịch vụ của RCEP bao trùm các lĩnh vực, phương thức cung cấp thương mại dịch vụ nào? .....	90
39. Phương pháp cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ trong RCEP? .....	92
40. Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cụ thể của các nước RCEP? .....	94
41. RCEP quy định các nguyên tắc cơ bản nào về mở cửa thị trường dịch vụ? .....	97
42. RCEP có cam kết gì về cách thức quản lý thị trường dịch vụ? .....	100
43. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ tài chính? .....	103
44. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ viễn thông? .....	106
45. Cam kết về các dịch vụ chuyên môn trong RCEP có gì đáng chú ý? .....	108
46. Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường dịch vụ trong RCEP ở mức nào? .....	109

**ĐẦU TƯ**

47. Cam kết về đầu tư của RCEP có đặc điểm gì đáng chú ý? .....	110
48. RCEP ghi nhận các nguyên tắc tự do hóa đầu tư nào? .....	112
49. RCEP có cam kết nào đáng chú ý về bảo hộ đầu tư? .....	115
50. RCEP có cam kết gì về xúc tiến và tạo thuận lợi cho đầu tư? .....	118
51. Các nước thành viên RCEP cam kết mở cửa đầu tư như thế nào? .....	119
52. Cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam trong RCEP? .....	121
53. RCEP cam kết như thế nào về việc nhập cảnh tạm thời cho cá nhân kinh doanh? .....	124
54. Cam kết của Việt Nam trong RCEP về di chuyển thể nhân? .....	125



Phần thứ tư

**SỞ HỮU TRÍ TUỆ - MUA SẮM CÔNG**

**SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

55. RCEP có cam kết về các vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT) nào? .....	128
56. RCEP có yêu cầu các nước thành viên tham gia các Điều ước quốc tế về SHTT cụ thể nào không? .....	130
57. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về quyền tác giả và quyền liên quan? .....	131
58. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về nhãn hiệu? .....	132
59. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về chỉ dẫn địa lý? .....	133
60. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về sáng chế? .....	134
61. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về kiểu dáng công nghiệp? .....	136
62. RCEP có cam kết gì đáng chú ý liên quan tới tên miền, tên quốc gia? .....	137
63. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về tổ tụng dân sự nhằm thực thi quyền SHTT? .....	138
64. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về tổ tụng hình sự nhằm thực thi quyền SHTT? .....	140
65. RCEP có cam kết gì đáng chú ý về thủ tục thực thi quyền SHTT tại biên giới? .....	141
66. Cam kết RCEP về hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật trong vấn đề SHTT? .....	164

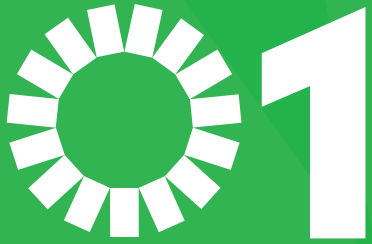
**MUA SẮM CÔNG**

67. RCEP có cam kết gì về mua sắm công? .....	143
---	-----

Phần thứ năm

**CẠNH TRANH - THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

68. RCEP có cam kết gì về cạnh tranh? .....	146
69. RCEP có cam kết gì về thương mại điện tử? .....	148
70. RCEP có cam kết gì về SME? .....	151



CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

# CÁC VẤN ĐỀ CHUNG





## RCEP là gì?

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership – viết tắt là RCEP) là hiệp định thương mại tự do (FTA) ký giữa 10 nước ASEAN (trong đó có Việt Nam) và 05 nước đối tác bên ngoài ASEAN, bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand.

Việc đàm phán Hiệp định bắt đầu từ tháng 5/2013 (khi đó còn có cả Ấn Độ) và cơ bản hoàn tất vào cuối năm 2019 (vào giai đoạn cuối, Ấn Độ tuyên bố rút khỏi RCEP). Hiệp định được ký kết trực tuyến ngày 15/11/2020 nhân Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

Văn kiện Hiệp định gồm 20 Chương và 04 Phụ lục (là các Biểu/Danh mục cam kết của từng nước thành viên về thuế quan, dịch vụ, đầu tư, di chuyển thể nhân).

Về phạm vi, RCEP được nhận diện là một FTA thế hệ mới, với cam kết về cả các vấn đề thương mại truyền thống (như hàng hóa, dịch vụ, đầu tư...) và các vấn đề mới (như mua sắm công, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...). Tuy nhiên, RCEP không bao gồm các cam kết về doanh nghiệp nhà nước, lao động, môi trường hay phát triển bền vững.

Về nội dung, các cam kết RCEP trong một số khía cạnh/lĩnh vực có mức tự do hóa cao hơn so với các FTA đã có giữa ASEAN và từng đối tác bên ngoài (còn gọi là FTA ASEAN+). RCEP cũng bổ sung thêm nhiều cam kết quy tắc có tiêu chuẩn cao hơn các FTA ASEAN+. Mặc dù vậy, so với các FTA thế hệ mới - tiêu chuẩn cao mà Việt Nam đang thực thi như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), mức độ mở cửa thị trường và tiêu chuẩn cam kết quy tắc trong RCEP cơ bản bằng hoặc thấp hơn.

RCEP là nỗ lực của các nước ASEAN và 05 đối tác nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế sâu rộng hơn trong khu vực. Việc ký kết và thực thi Hiệp định này được kỳ vọng sẽ giúp tăng cường quan hệ đối tác, cơ hội việc làm và thu nhập cho khu vực kinh tế với quy mô 2,2 tỷ dân (khoảng 30% dân số thế giới) và GDP trên 26 nghìn tỷ USD (30% GDP toàn cầu).

➤ RCEP là gì?

**Bảng 1** Các FTA đã có giữa ASEAN với các đối tác ngoài ASEAN trong RCEP

Tên Hiệp định	Thời điểm có hiệu lực	Thành viên
Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	7/2005	ASEAN, Trung Quốc
Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)	6/2007	ASEAN, Hàn Quốc
Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)	12/2008	ASEAN, Nhật Bản
Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Ấn Độ (AIFTA)	1/2010	ASEAN, Ấn Độ
Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Australia, New Zealand (AANZFTA)	1/2010	ASEAN, Australia, New Zealand



## RCEP bao gồm những thành viên nào?

Vào thời điểm ký kết (tháng 11/2020), RCEP có tổng cộng 15 nước thành viên, bao gồm 10 nước ASEAN và 05 nước đối tác bên ngoài ASEAN (Xem Bảng 2 dưới đây).

Các nước thành viên RCEP có quy mô GDP và trình độ phát triển kinh tế không đồng đều, trong đó có cả các nền kinh tế phát triển (gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Singapore) và các nền kinh tế đang phát triển ở mức độ khác nhau. Các cam kết RCEP vì vậy cũng được thiết kế theo cách thức phù hợp để tính tới sự khác biệt này trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu chung về hợp tác và tự do hóa. Nhiều nhà quan sát gọi đây là cách tiếp cận “tiệm tiến”. Cụ thể:

- RCEP có các cam kết chung thống nhất áp dụng cho tất cả các thành viên, đồng thời có những cam kết với phương án khác nhau về cùng một vấn đề, cho phép các nước thành viên lựa chọn hướng cam kết phù hợp hơn với trình độ phát triển và điều kiện cụ thể của mình;
- Cam kết của RCEP về một số vấn đề được thiết kế theo hướng mở lộ trình thực hiện linh hoạt cho từng nhóm nước thành viên;
- Một số khía cạnh được RCEP ghi nhận nhưng các cam kết cụ thể sẽ được đàm phán trong tương lai;
- Sau khi Hiệp định có hiệu lực, các nước thành viên sẽ định kỳ tiến hành rà soát để cập nhật và nâng cấp các cam kết trong Hiệp định (dự kiến là định kỳ 05 năm/lần trừ khi các nước có thỏa thuận khác).

Ấn Độ tham gia vào toàn bộ quá trình đàm phán RCEP từ khi khởi động năm 2013, tuy nhiên đã tuyên bố rút khỏi Hiệp định vào giai đoạn cuối cùng (2019). Là một nền kinh tế lớn và có mức độ mở cửa còn hạn chế trong khu vực, việc Ấn Độ tham gia Hiệp định có ý nghĩa đáng kể với quá trình hội nhập khu vực. Do đó, các nước ký RCEP tuyên bố sẵn sàng tiếp tục đàm phán với Ấn Độ nếu nước này quay lại theo một cơ chế riêng (dựa trên các kết quả đàm phán đã có tới hiện tại với Ấn Độ).

➤ RCEP bao gồm những thành viên nào?

**Bảng 2** Các nước thành viên ký kết RCEP

Tên nước	Dân số năm 2020 (triệu dân)	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Quy mô GDP năm 2020 (tỷ USD)
Australia	25,687	7.692.020	1.330,9
Brunei	0,437	5.270	12,016
Campuchia	16,719	176.520	25,291
Hàn Quốc	51,781	97.520	1.630,525
Indonesia	273,524	1.877.519	1.058,424
Lào	7,276	230.800	19,136
Malaysia	32,366	328.550	336,664
Myanmar	54,41	652.790	76,186
New Zealand	5,084	263.310	212,482
Nhật Bản	125,836	364.500	5.064,873
Philippines	109,581	298.170	361,489
Singapore	5,686	709	339,998
Thái Lan	69,8	510.890	501,795
Trung Quốc	1.402,112	9.424.703	14.722,731
Việt Nam	97,339	310.070	271,158

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2021

➤ RCEP bao gồm những thành viên nào?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các nước đối tác thành viên trong RCEP là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trong топ 10 nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam (tính lũy kế tới hết 6/2021) có 6 nước RCEP (gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Malaysia và Thái Lan), với tổng vốn đăng ký lũy kế chiếm 61% tổng vốn đầu tư nước ngoài mà Việt Nam thu hút được. Do đó, việc ký kết và thực thi RCEP được kỳ vọng sẽ làm gia tăng đầu tư từ khu vực này. Đây có thể là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam đang tìm kiếm hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng cần thận trọng trong lựa chọn đối tác liên doanh, tránh nguy cơ bị lợi dụng trong các dự án kém chất lượng, hoặc đầu tư trá hình.

Từ góc độ thương mại, các nước RCEP là nguồn cung nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam, đặc biệt là các nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị phục vụ nhiều ngành sản xuất, xuất khẩu. Đây là cơ hội để doanh nghiệp có nguồn đầu vào giá tốt, nguồn công nghệ có chất lượng để cải thiện năng lực sản xuất, cạnh tranh. Đồng thời, doanh nghiệp có thể dễ dàng đáp ứng các quy tắc xuất xứ hơn để hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu trong RCEP. Tuy nhiên, nguồn cung từ các nước RCEP cũng có thể sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp cạnh tranh trên thị trường nội địa Việt Nam.



## RCEP có hiệu lực khi nào?



Sau khi ký kết, các nước thành viên RCEP phải tiến hành các bước sau để Hiệp định có hiệu lực:

- *Bước 1:* Thực hiện thủ tục phê chuẩn/phê duyệt hoặc chấp thuận nội bộ theo quy trình thủ tục pháp lý nội địa của nước mình;
- *Bước 2:* Nộp Văn kiện phê chuẩn/phê duyệt/chấp thuận nội bộ cho Cơ quan lưu chiểu của RCEP (được thống nhất là Tổng Thư ký ASEAN).

Hiệp định có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày Cơ quan lưu chiểu nhận được Văn kiện phê chuẩn/phê duyệt/chấp thuận nội địa của ít nhất 6 nước thành viên ASEAN và 3 nước thành viên không thuộc ASEAN.

Trường hợp nước thành viên hoàn thành Bước 2 sau thời điểm Hiệp định đã có hiệu lực chung thì Hiệp định sẽ bắt đầu có hiệu lực với nước đó sau 60 ngày kể từ ngày hoàn thành Bước 2.



## Các nền kinh tế có thể rút lui hoặc gia nhập RCEP không?

### Về việc rút lui khỏi Hiệp định

Theo quy định, ngay cả khi Hiệp định đã có hiệu lực, bất kỳ thành viên nào cũng có thể rút ra khỏi Hiệp định chỉ bằng cách gửi văn bản thông báo về việc rút lui khỏi Hiệp định cho Cơ quan lưu chiểu.

Hiệp định sẽ chính thức hết hiệu lực với thành viên đó sau 06 tháng kể từ ngày nộp văn bản thông báo, trừ khi các Bên thống nhất một thời hạn khác. Việc một nước rút khỏi Hiệp định sẽ không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của Hiệp định với các nước thành viên còn lại đang thực thi Hiệp định.

### Về việc gia nhập Hiệp định

Bất kỳ quốc gia hay vùng lãnh thổ hải quan độc lập nào ngoài 15 nước đã ký RCEP đều có thể gia nhập Hiệp định với các điều kiện sau:

- Hiệp định đã có hiệu lực ít nhất 18 tháng (riêng Ấn Độ có thể gia nhập bất kỳ thời điểm nào sau khi Hiệp định có hiệu lực);
- Phải nhận được sự đồng ý của tất cả các nước đã ký Hiệp định; và
- Nước muốn gia nhập chấp thuận tất cả điều kiện, yêu cầu, cam kết thống nhất với các nước đã ký Hiệp định.

Thủ tục gia nhập được thực hiện thông qua Ủy ban hỗn hợp của RCEP.

Hiệp định có hiệu lực với thành viên mới gia nhập sau mốc nào muộn hơn trong 02 mốc sau:

- Ngày thứ 60 sau ngày Cơ quan lưu chiểu nhận được Văn kiện chấp thuận tất cả các điều kiện, yêu cầu, cam kết liên quan; hoặc
- Ngày tất cả các nước thành viên RCEP nộp thông báo đã hoàn tất thủ tục nội bộ để chấp thuận việc gia nhập của thành viên mới đó.

## Mối quan hệ giữa RCEP và các thỏa thuận quốc tế khác?



### Đối với các Thỏa thuận quốc tế liên quan tới Thuế nội địa

RCEP về cơ bản không can thiệp vào quyền của các nước thành viên trong ban hành, áp dụng các loại thuế nội địa (như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển nhượng tài sản, thuế môi trường...). Theo RCEP, ngoài việc phải tuân thủ các nguyên tắc liên quan tới thuế, phí nội địa trong WTO (ví dụ nguyên tắc thuế, phí nội địa phải được áp dụng không phân biệt đối xử giữa hàng trong nước và hàng nhập khẩu, giữa hàng nhập khẩu từ các nguồn khác nhau...) và cam kết về chuyển tiền qua biên giới theo Chương 10 của RCEP về đầu tư (các nguyên tắc liên quan tới thuế đối với các khoản tiền chuyển qua biên giới, nếu có), các nước thành viên RCEP không bị ràng buộc gì về vấn đề này.

RCEP cũng không làm ảnh hưởng tới bất kỳ thỏa thuận quốc tế nào mà các thành viên RCEP có với nhau hoặc với đối tác khác về thuế nội địa. Trường hợp RCEP có đề cập tới biện pháp nào về thuế nội địa mâu thuẫn với một thỏa thuận quốc tế về thuế nội địa của nước thành viên thì thỏa thuận về thuế nội địa được ưu tiên áp dụng.

### Đối với các Thỏa thuận quốc tế khác đang có giữa ít nhất hai thành viên RCEP

Cam kết của RCEP cùng tồn tại song song với cam kết tại bất kỳ Hiệp định, Điều ước, Thỏa thuận quốc tế nào khác đang có hiệu lực mà hai hoặc nhiều hơn các thành viên RCEP đều cùng tham gia (ví dụ WTO, các FTA ASEAN+, CPTPP...).

Trường hợp có bất kỳ cam kết nào mâu thuẫn giữa RCEP với một Điều ước, Thỏa thuận khác giữa ít nhất hai thành viên, các thành viên liên quan sẽ tham vấn để đạt được giải pháp xử lý thích hợp, hoặc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Chính phủ quy định tại Chương 19 của RCEP.

Như vậy, các nước thành viên có với nhau các thỏa thuận quốc tế khác ngoài RCEP vẫn tiếp tục thực thi các thỏa thuận đó một cách độc lập với RCEP.

### Đối với các Thỏa thuận quốc tế được viện dẫn trong RCEP

Trường hợp Thỏa thuận quốc tế được dẫn chiếu, viện dẫn hoặc tích hợp trong cam kết RCEP được sửa đổi hoặc kế thừa thỏa thuận khác thì nếu có yêu cầu của một Bên, các thành viên RCEP sẽ tham vấn về việc có cần thiết phải sửa đổi RCEP tương ứng hay không.

Tuy nhiên, trường hợp cam kết cụ thể liên quan của RCEP đã có quy định về cách thức xử lý trong trường hợp Thỏa thuận quốc tế được viện dẫn/tích hợp trong RCEP có thay đổi thì thực hiện theo cách xử lý đó.



- ➔ Mối quan hệ giữa RCEP và các thỏa thuận quốc tế khác?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Việc các Thỏa thuận quốc tế khác đã có giữa các nước thành viên RCEP có hiệu lực song song với RCEP đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng thỏa thuận nào có lợi cho mình với cùng một vấn đề.

Ví dụ giữa Việt Nam và Nhật Bản có chung tới 4 FTA (ASEAN – Nhật Bản, Việt Nam – Nhật Bản, CPTPP, và RCEP), cả 4 FTA này sẽ có hiệu lực song song, đồng thời với nhau. Doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản hoặc nhập khẩu từ Nhật Bản về Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế quan theo FTA nào có lợi nhất cho mình theo yêu cầu về xuất xứ FTA thích hợp nhất với mình.

## RCEP vận hành và giám sát thực thi thông qua các thiết chế nào?



Để bảo đảm sự vận hành ổn định và giám sát thực thi, RCEP quy định một số thiết chế sau:

### Phiên họp của các Bộ trưởng RCEP

Theo Hiệp định, các Bộ trưởng (thường là Bộ trưởng phụ trách thương mại) của các nước thành viên RCEP sẽ tổ chức các Phiên họp về việc thực thi RCEP, cụ thể:

- Về hoạt động: Phiên họp đầu tiên của các Bộ trưởng RCEP sẽ tiến hành vào một thời điểm nào đó trong năm đầu tiên kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực; và trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, sau đó hàng năm sẽ có Phiên họp các Bộ trưởng RCEP;
- Về chủ đề họp: Xem xét tất cả các vấn đề liên quan tới RCEP;
- Về cách thức quyết định: Mọi quyết định được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận (tức là phải được sự đồng ý của tất cả các Bộ trưởng RCEP).

### Ủy ban hỗn hợp RCEP

Với thành viên là các quan chức cấp cao do mỗi nước RCEP chỉ định, Ủy ban hỗn hợp RCEP là cơ quan có trách nhiệm giám sát ở phạm vi bao trùm nhất việc thực thi RCEP.

Ủy ban được đồng chủ trì bởi 01 đại diện do các nước ASEAN chỉ định và 01 đại diện do các nước ngoài ASEAN chỉ định, trên cơ sở luân phiên.

Ủy ban có chức năng chủ yếu sau đây:

- Xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực thi Hiệp định;
- Thảo luận các khác biệt phát sinh khi giải thích, áp dụng Hiệp định; đưa ra các giải thích nội dung cam kết của Hiệp định khi phù hợp và cần thiết;
- Xem xét các đề xuất sửa đổi Hiệp định;
- Thành lập Ban Thư ký RCEP, giám sát cơ quan này;
- Giám sát, điều phối, giao nhiệm vụ/ủy quyền chức năng cho các cơ quan trực thuộc Ủy ban; xem xét quyết định các vấn đề mà các cơ quan trực thuộc đề nghị; sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các cơ quan này;
- Tổ chức các diễn đàn đối thoại với các bên liên quan về các chủ đề được RCEP thống nhất;
- Các chức năng khác nếu được các nước RCEP đồng ý.

➤ RCEP vận hành và giám sát thực thi thông qua các thiết chế nào?

Về cơ chế hoạt động của Ủy ban:

- Quy trình thủ tục hoạt động nội bộ của Ủy ban được thiết lập trong cuộc họp đầu tiên tổ chức trong vòng một năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực;
- Ủy ban họp hàng năm, luân phiên, lần lượt tại một nước ASEAN rồi đến một nước ngoài ASEAN, trừ khi các nước có thỏa thuận khác;
- Ủy ban quyết định theo nguyên tắc đồng thuận phủ quyết (quyết định được thông qua nếu không có thành viên nào có mặt tại cuộc họp phản đối – nước nào không có thành viên tại cuộc họp sẽ được gửi thông báo và có thể nêu ý kiến trong vòng 14 ngày sau đó);
- Ủy ban phải báo cáo với các Bộ trưởng RCEP (tại Hội nghị Bộ trưởng RCEP) và chuyển các vấn đề lên các Bộ trưởng RCEP để xem xét và quyết định nếu cần thiết.

**Các cơ quan trực thuộc Ủy ban hỗn hợp**

Theo quy định của Hiệp định, sau khi Hiệp định có hiệu lực, có ít nhất các Ủy ban sau đây sẽ được thành lập, trực thuộc Ủy ban hỗn hợp, phụ trách chuyên sâu về từng lĩnh vực cụ thể của Hiệp định:

- Ủy ban Hàng hóa (phụ trách về thương mại hàng hóa; quy tắc xuất xứ; thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại; các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp; và các biện pháp phòng vệ thương mại);
- Ủy ban Dịch vụ và Đầu tư (phụ trách mảng thương mại dịch vụ, di chuyển thể nhân, đầu tư);
- Ủy ban Phát triển Bền vững (phụ trách các vấn đề doanh nghiệp vừa và nhỏ; hợp tác kinh tế kỹ thuật; và các vấn đề mới nổi);
- Ủy ban Môi trường Kinh doanh (phụ trách về sở hữu trí tuệ; thương mại điện tử; cạnh tranh; và mua sắm của chính phủ).

Các Ủy ban này được thành lập trong Phiên họp đầu tiên của Ủy ban hỗn hợp, bao gồm đại diện của tất cả các nước thành viên RCEP, hoạt động thông qua các cuộc họp (tổ chức định kỳ hàng năm, hoặc tổ chức đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban hỗn hợp hoặc thỏa thuận của các thành viên RCEP), quyết định theo nguyên tắc đồng thuận phủ quyết (trương tự Ủy ban hỗn hợp).

Chức năng của mỗi Ủy ban được xác định theo Phụ lục 18A của Hiệp định RCEP. Ngoài các Ủy ban trực thuộc đã được xác định trong Hiệp định, Ủy ban hỗn hợp có thể thành lập thêm các cơ quan trực thuộc khác nếu cần.

**Ban thư ký RCEP**

Ban Thư ký RCEP được thành lập bởi Ủy ban hỗn hợp, đảm nhiệm công việc thư ký và hỗ trợ kỹ thuật cho Ủy ban hỗn hợp RCEP và các cơ quan trực thuộc của Ủy ban này.

➤ RCEP vận hành và giám sát thực thi thông qua các thiết chế nào?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các thiết chế được thành lập trong RCEP, đặc biệt là các Ủy ban, có vai trò quan trọng trong việc giám sát cũng như xử lý, điều chỉnh một cách kịp thời, linh hoạt các vấn đề bất cập có thể phát sinh trong thực tiễn thực thi RCEP.

Kinh nghiệm từ các FTA khác cho thấy việc giải quyết các vướng mắc thực tế trong thực thi các cam kết trong khuôn khổ các cuộc họp, thảo luận của các thiết chế như thế này linh hoạt hơn, nhanh hơn và nhiều trường hợp hiệu quả hơn là thông qua Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Chính phủ của Hiệp định. Hơn thế nữa, các giải pháp đạt được thông qua các thiết chế này thường nhận được sự đồng thuận dễ dàng hơn, cũng bớt tính căng thẳng/đối đầu hơn.

Vì vậy, các doanh nghiệp trong quá trình thực thi RCEP nếu gặp vướng mắc với các cơ quan có thẩm quyền của nước đối tác nên thông tin/phản ánh với các cơ quan đầu mối liên quan của Việt Nam để các cơ quan này tập hợp, đưa ra thảo luận và tìm giải pháp trong khuôn khổ hoạt động của các Ủy ban RCEP.



## Có ngoại lệ nào cho các cam kết của RCEP không?

RCEP ghi nhận 03 nhóm ngoại lệ mà nếu rơi vào các tình huống như vậy nước thành viên sẽ không phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan trong RCEP dù đã cam kết.

### Các ngoại lệ chung của GATT, GATS

Theo RCEP, các nước thành viên được miễn trừ nghĩa vụ theo các cam kết tại các Chương về thương mại hàng hóa trong RCEP (Chương 2-6), về đầu tư (Chương 10) và thương mại điện tử (Chương 12) của Hiệp định này nếu thuộc các trường hợp ngoại lệ theo Điều XX Hiệp định về thương mại hàng hóa (GATT) 1994 của WTO.

Sau đây là một số ngoại lệ đáng chú ý theo Điều XX GATT:

- Các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng;
- Các biện pháp bảo vệ cuộc sống, sức khỏe của con người, động vật hay thực vật;
- Các biện pháp liên quan đến các sản phẩm sử dụng lao động của tù nhân; xuất hoặc nhập khẩu vàng và bạc;
- Các biện pháp cần thiết để bảo đảm tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc không trái GATT;
- Các biện pháp để bảo vệ di sản quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử hay khảo cổ;
- Các biện pháp gìn giữ nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt (nếu áp dụng cả với sản xuất và tiêu dùng trong nước).

Đối với các cam kết tại Chương 8-10 (thương mại dịch vụ, di chuyển thể nhân, đầu tư) và Chương 12 (thương mại điện tử), RCEP cho phép các nước thành viên hưởng các ngoại lệ theo Điều XIV Hiệp định về thương mại dịch vụ (GATS) của WTO.

Một số ngoại lệ đáng chú ý theo Điều XIV của GATS:

- Các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng hoặc duy trì trật tự công cộng khỏi các xâm hại nghiêm trọng tới các lợi ích cơ bản của cộng đồng;
- Các biện pháp bảo vệ cuộc sống, sức khỏe của con người, động thực vật;
- Các biện pháp cần thiết để bảo đảm tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc không trái GATS;
- Các biện pháp đối xử khác biệt nhằm đảm bảo đánh thuế hoặc thu thuế nhà thầu nước ngoài công bằng, hiệu quả, hay để thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần.



➔ Có ngoại lệ nào cho các cam kết của RCEP không?

### Các ngoại lệ về an ninh

Theo RCEP, các nước thành viên trong bất kỳ tình huống nào theo Hiệp định cũng có quyền:

- Từ chối cho phép tiếp cận bất kỳ thông tin nào gây bất lợi cho an ninh thiết yếu của mình;
- Thực hiện hành động cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình liên quan đến tách/làm giàu vật liệu chứa hạt nhân; mua bán vũ khí, đạn dược, vật dụng chiến tranh, sản phẩm mục đích cung cấp cho quân đội; để bảo vệ cơ sở hạ tầng công cộng trọng yếu (thông tin liên lạc, điện và nước), hoặc được tiến hành trong tình huống khẩn cấp;
- Triển khai các biện pháp thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiến chương Liên Hợp Quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

### Các ngoại lệ về bảo đảm cán cân thanh toán quốc tế

RCEP có các quy định rất cụ thể về nội dung, điều kiện, giới hạn, cách thức cho phép áp dụng các ngoại lệ nhằm bảo đảm cán cân thanh toán.

Ví dụ, RCEP cho phép các nước thành viên được áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu hàng hóa, hạn chế thanh toán/chuyển tiền cho các dịch vụ nếu nước đó trong tình trạng mất cân đối thanh toán nghiêm trọng do các khó khăn/nguy cơ tài chính từ bên ngoài.

Cũng như vậy, đối với các khoản đầu tư nước ngoài, thành viên RCEP được phép áp dụng các hạn chế đối với việc thanh toán hoặc chuyển tiền liên quan đến các khoản đầu tư trong các trường hợp:

- Đang trong tình trạng mất cân đối thanh toán nghiêm trọng do các khó khăn/nguy cơ tài chính từ bên ngoài; hoặc
- Các khoản thanh toán hoặc chuyển tiền liên quan đến việc chuyển vốn gây ra hoặc đe dọa gây ra khó khăn nghiêm trọng cho quản lý kinh tế vĩ mô.



## Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý như thế nào?

Tương tự như các FTA khác, RCEP có quy định về một Cơ chế giải quyết tranh chấp nhằm xử lý các tranh chấp giữa các nước thành viên RCEP phát sinh từ hoặc có liên quan tới Hiệp định (tranh chấp cấp Chính phủ). Trong Văn kiện Hiệp định, Cơ chế này được quy định tại Chương 19 – Giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, không phải tranh chấp cấp Chính phủ nào liên quan tới cam kết RCEP cũng có thể được xử lý theo Cơ chế tại Chương 19:

- Theo quy định tại RCEP thì các tranh chấp liên quan tới các cam kết tại các Chương 5 (Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật), Chương 6 (Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp), Chương 12 (Thương mại điện tử), Chương 13 (Cạnh tranh) và Chương 16 (Mua sắm của chính phủ) sẽ không được giải quyết theo Cơ chế tại Chương 19;
- Trong một số trường hợp cụ thể, tranh chấp trước hết phải được xem xét thông qua các thủ tục nhất định nêu tại các Chương liên quan của RCEP trước khi sử dụng Cơ chế tại Chương 19 (như tham vấn, hòa giải, trao đổi trong khuôn khổ Ủy ban phụ trách chuyên môn của RCEP...).

Sau đây là tóm tắt một số nội dung đáng chú ý trong Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Chính phủ của RCEP.

### Về phạm vi các tranh chấp

Cơ chế giải quyết tranh chấp trong RCEP chỉ áp dụng để giải quyết các tranh chấp đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Về nội dung: Tranh chấp giữa các nước thành viên về giải thích và áp dụng Hiệp định này (ngoại trừ các nội dung tại các Chương đã loại trừ khỏi phạm vi áp dụng của Cơ chế này như nêu ở trên); và
- Về tính chất: Tranh chấp liên quan tới việc một nước thành viên (i) có biện pháp không phù hợp với các nghĩa vụ của Hiệp định này hoặc (ii) Nước thành viên khác đó đã không thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp định này.

Như vậy, các tranh chấp “không vi phạm” (tranh chấp mặc dù có liên quan tới các vấn đề của RCEP nhưng không vi phạm cam kết cụ thể nào của RCEP) sẽ không được xử lý theo Cơ chế này.

➤ Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý như thế nào?

### Về các nguyên tắc áp dụng pháp luật

Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý theo Cơ chế này sử dụng một số nguyên tắc áp dụng pháp luật đáng chú ý sau:

- Cam kết tại Hiệp định được giải thích theo các quy tắc tập quán về giải thích công pháp quốc tế;
- Trường hợp RCEP dẫn chiếu tới cam kết WTO thì việc giải thích các cam kết này dựa trên cả các báo cáo của Ban Hội thẩm WTO và Cơ quan Phúc thẩm WTO trong các vụ tranh chấp đã được xử lý trong WTO;
- Các kết luận và phán quyết của hội đồng trọng tài không được làm gia tăng hoặc giảm đi các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan theo Hiệp định RCEP.

### Các bước giải quyết tranh chấp cơ bản

- *Tham vấn*

Khi phát sinh tranh chấp, Bên muốn khởi kiện trước hết phải gửi Yêu cầu tham vấn tới Bên bị kiện và một bản sao Yêu cầu tới tất cả các nước thành viên khác. Các Bên có trách nhiệm phải tham vấn một cách thiện chí, nỗ lực đạt được giải pháp chung.

Việc tham vấn được tiến hành bí mật. Các nước thành viên khác nếu quan tâm có thể gửi yêu cầu tham gia tham vấn và chỉ được tham gia nếu các Bên tranh chấp đồng ý.

- *Ban Hội thẩm (Panel)*

Nếu việc tham vấn không đạt kết quả trong một thời hạn nhất định hoặc nếu Bên được yêu cầu tham vấn không trả lời/tiến hành tham vấn, Bên khởi kiện có thể gửi Yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm xử lý vụ tranh chấp.

Trên cơ sở Yêu cầu này, một Ban Hội thẩm gồm ba hội thẩm viên sẽ được thành lập phù hợp với quy định của RCEP về việc chỉ định, đề cử, tiêu chí hội thẩm viên.

Ban hội thẩm thực hiện việc đánh giá các tình tiết của vụ việc, xác định các cam kết cụ thể của Hiệp định liên quan, phân tích liệu có sự vi phạm các nghĩa vụ theo cam kết RCEP hay không trên cơ sở các điều khoản Hiệp định, các bản đệ trình và lập luận của các Bên (bao gồm cả các Bên tranh chấp và các Bên thứ ba đã đăng ký và được chấp nhận), các thông tin/tư vấn kỹ thuật của chuyên gia.

Trong thời hạn và theo thủ tục chi tiết được quy định tại Chương 19, Ban Hội thẩm sẽ ban hành Báo cáo sơ bộ, gửi tới các Bên để họ bình luận, sau đó tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện và ra Báo cáo cuối cùng của Ban Hội thẩm về vụ việc. Báo cáo này mô tả tóm tắt lập luận của các Bên, kết luận của Ban Hội thẩm về các tình tiết vụ việc và việc áp dụng các cam kết RCEP liên quan, các phán quyết cụ thể về việc vi phạm/không vi phạm trong vụ việc và các lý do/căn cứ để Ban Hội thẩm ra các phán quyết này.

Chú ý là trong quá trình Ban Hội thẩm làm việc, vào bất kỳ thời điểm nào các Bên tranh chấp đều có thể thống nhất yêu cầu đình chỉ hoạt động của Ban Hội thẩm trong một thời gian, hoặc thông báo hủy bỏ thủ tục tố tụng tại Ban Hội thẩm (nếu đã đạt được giải pháp giải quyết tranh chấp thỏa đáng).

➤ Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý như thế nào?

● *Thực thi phán quyết*

Báo cáo cuối cùng (bao gồm kết luận và các phán quyết cụ thể) của Ban Hội thẩm một khi được thông qua sẽ có giá trị chung thẩm (không thể kháng cáo hay phản đối).

Trường hợp Bên bị kiện bị phán quyết là có vi phạm RCEP thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày Ban Hội thẩm ban hành Báo cáo cuối cùng, Bên bị kiện phải thông báo cho Bên khởi kiện về dự kiến thực hiện các biện pháp để thực thi phán quyết của mình. Trường hợp không thể thực hiện ngay lập tức các biện pháp thì Bên bị kiện cần thông báo rõ về lộ trình và thời hạn thực thi. Nếu Bên khởi kiện không đồng ý với thời hạn này, một trong hai Bên có thể yêu cầu Chủ tịch Ban Hội thẩm sẽ quyết định một thời hạn hợp lý (thường là không quá 15 tháng).

Trường hợp sau khi Bên bị kiện đã thực thi phán quyết mà Bên khởi kiện không thỏa mãn với điều này thì có thể yêu cầu thành lập Ban Rà soát thực thi (Compliance Review Panel). Ban này sẽ rà soát lại các hoạt động thực thi phán quyết và đánh giá về việc tuân thủ của Bên bị kiện.

● *Bồi thường và tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác*

Trường hợp Bên bị kiện thông báo không thực hiện phán quyết, hoặc không thông báo về dự kiến thực hiện phán quyết, Bên bị kiện phải đàm phán với Bên khởi kiện về phương án bồi thường thỏa đáng nếu được yêu cầu.

Nếu không thể đạt được thống nhất về phương án bồi thường trong vòng 30 ngày, hoặc mặc dù đạt được thỏa thuận bồi thường nhưng Bên bị kiện không thực hiện, Bên khởi kiện có quyền thông báo cho Bên bị kiện và các nước khác về việc tạm ngừng các ưu đãi/nhượng bộ theo RCEP với Bên bị kiện. Mức độ tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác sẽ phải tương đương với mức độ thiệt hại và ảnh hưởng. Bên bị kiện nếu phản đối có thể yêu cầu triệu tập lại Ban Hội thẩm để xem xét việc này.

**VỀ trung gian, hòa giải**

RCEP khuyến khích các Bên tranh chấp giải quyết tranh chấp thông qua các thủ tục thiện chí như trung gian hay hòa giải, cụ thể:

- Tại bất cứ thời điểm nào của quy trình tố tụng giải quyết tranh chấp nêu trên, các Bên tranh chấp đều có thể sử dụng các phương thức lựa chọn như trung gian, hòa giải để giải quyết tranh chấp;
- Thủ tục trung gian, hòa giải có thể được tiến hành mà không nhất thiết phải dừng quy trình tố tụng nếu các Bên tranh chấp đồng ý;
- Thủ tục cũng như các quan điểm mà các Bên tranh chấp nêu trong quá trình trung gian, hòa giải sẽ được bảo mật, và không ảnh hưởng đến quyền của các Bên tranh chấp trong quy trình tố tụng.

RCEP không có cam kết nào về vấn đề giải quyết tranh chấp thương mại – đầu tư giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh với nhau. Đồng thời hiện Hiệp định cũng chưa cam kết về cơ chế giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước nơi nhận đầu tư (ISDS).

➔ Các tranh chấp liên quan tới RCEP được xử lý như thế nào?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cơ chế giải quyết tranh chấp nêu tại Chương 19 RCEP là cơ chế chỉ áp dụng để xem xét, xử lý các tranh chấp giữa các nước thành viên RCEP liên quan tới việc thực thi RCEP (tranh chấp cấp Chính phủ). Cơ chế này không được sử dụng để giải quyết các tranh chấp liên quan tới doanh nghiệp (dù đó là giữa các doanh nghiệp các nước RCEP với nhau hay giữa doanh nghiệp nước này với Chính phủ nước khác).

Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp nhận thấy một biện pháp nào đó của Chính phủ nước RCEP không tuân thủ cam kết gây thiệt hại cho mình và doanh nghiệp trong ngành thì đều có thể phản ánh để Chính phủ xem xét và nếu thấy cần thiết sẽ đứng ra bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp mình thông qua việc sử dụng cơ chế tại Chương 19 này.



## RCEP có quy định gì về các hỗ trợ kỹ thuật giữa các nước thành viên?

Do các nước thành viên RCEP có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển cũng như năng lực thực thi cam kết, RCEP không chỉ ghi nhận nhiều bảo lưu về lộ trình thực thi các cam kết nhất định cho một số thành viên, nhấn mạnh nghĩa vụ hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật trong từng lĩnh vực, mà còn dành riêng một Chương để quy định về các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật giữa các nước thành viên (Chương 15).

- *Về phạm vi*, theo Chương 15 này, các nước thành viên RCEP có nghĩa vụ phải tìm hiểu và thực hiện các hoạt động hợp tác xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật trong ít nhất là 07 lĩnh vực gồm: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh và SME.
- *Về nguồn lực*, RCEP tôn trọng sự tự nguyện và tự thống nhất của các nước thành viên liên quan về nguồn lực phục vụ cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật này cũng như cách thức huy động cụ thể. Thậm chí, nguồn lực cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật thực thi RCEP có thể đến từ các nước ngoài RCEP hoặc các tổ chức quốc tế trong khu vực hoặc trên thế giới.
- *Về hình thức*, các nước thành viên có thể xây dựng các chương trình làm việc về hỗ trợ kỹ thuật cụ thể, ưu tiên các biện pháp hỗ trợ nâng cao nhận thức cộng đồng về RCEP và tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.
- *Về đối tác*, RCEP nhấn mạnh ưu tiên hỗ trợ kỹ thuật giữa các nước thành viên phát triển cho các nước thành viên kém phát triển.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Về nguyên tắc các cam kết về hỗ trợ kỹ thuật trong RCEP là thỏa thuận giữa các nước thành viên. Tuy nhiên trong khá nhiều các trường hợp, doanh nghiệp là đối tượng hưởng lợi (đối tượng thụ hưởng) của các hỗ trợ kỹ thuật này. Hỗ trợ kỹ thuật là vấn đề được nhấn mạnh trong RCEP, dự kiến các hoạt động hỗ trợ cũng rất đa dạng, đặc biệt cho các nước đang hoặc kém phát triển trong RCEP.

Do đó, các doanh nghiệp có nhu cầu nên lưu ý theo dõi các hoạt động hỗ trợ này để có thể (i) tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các hoạt động khi chúng được tiến hành, qua đó hưởng lợi từ các hỗ trợ này (ví dụ các hỗ trợ đào tạo năng lực, xây dựng nhận thức...); hoặc (ii) thụ hưởng các kết quả của các hoạt động hỗ trợ (ví dụ các hỗ trợ về thông tin, hệ thống kết nối kinh doanh...).

# 02

CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

## THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA





## Các cam kết về thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP?

Các cam kết về thuế quan trong RCEP được quy định tại Chương 2 – Thương mại Hàng hoá và Phụ lục I – Các Biểu cam kết thuế quan tại Văn kiện Hiệp định. Cụ thể:

- *Chương 2 – Thương mại hàng hoá*: bao gồm các nguyên tắc đối xử cụ thể đối với hàng hoá trao đổi trong khu vực RCEP, trong đó quan trọng nhất là các cam kết thuế nhập khẩu (nguyên tắc cắt giảm, nghĩa vụ đối xử quốc gia...) và các cam kết về biện pháp phi thuế quan (thuế - phí nội địa, các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu, cấp phép nhập khẩu...);
- *Phụ lục I – Các Biểu cam kết thuế quan*: bao gồm các Biểu cam kết cắt giảm thuế quan của từng nước thành viên RCEP, được cam kết chi tiết đến từng năm cụ thể (thay vì dùng ký hiệu như nhiều FTA khác).

### Về nguyên tắc cắt giảm thuế quan

RCEP chỉ có cam kết về việc cắt giảm, loại bỏ thuế nhập khẩu. Việc cắt giảm thuế nhập khẩu trong RCEP được quy định như sau:

- Hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về xuất xứ của RCEP sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo như cam kết của nước nhập khẩu trong Hiệp định;
- Nếu tại thời điểm nhập khẩu, thuế MFN (mức thuế suất theo WTO) áp dụng đối với hàng hoá thấp hơn so với mức thuế ưu đãi trong RCEP thì nhà nhập khẩu được quyền yêu cầu áp dụng mức thuế MFN. Trong trường hợp hàng hoá đã bị áp mức thuế cao hơn, thì tùy thuộc vào quy định của nước nhập khẩu, nhà nhập khẩu có thể yêu cầu hoàn thuế đối với khoản chênh lệch thuế do đã phải trả mức thuế cao hơn đó;
- Các nước thành viên, tùy thuộc nhu cầu trong nước, có thể đơn phương đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế quan hoặc cải thiện các cam kết thuế quan của mình trong RCEP (tức là có quyền được áp thuế thấp hơn mức cam kết RCEP, hoặc giảm thuế trước khi đến lộ trình thực hiện), miễn là việc đẩy nhanh hoặc cải thiện này được áp dụng cho tất cả các thành viên còn lại. Đồng thời, khi cần thiết, nước nhập khẩu có thể tăng mức thuế quan trở lại miễn là không vượt quá mức cam kết. Mọi hành động tăng giảm thuế này đều phải thông báo cho các thành viên khác sớm nhất có thể trước khi áp dụng.

Chú ý là thông thường thuế quan có thể bao gồm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu, tuy nhiên RCEP chỉ có cam kết về thuế nhập khẩu ưu đãi mà không có cam kết về thuế xuất khẩu ưu đãi như một số FTA thế hệ mới gần đây của Việt Nam (CPTPP hay EVFTA). Vì vậy các nước thành viên vẫn được tiếp tục áp dụng các loại thuế xuất khẩu phù hợp với cam kết WTO.



➤ Các cam kết về thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP?

## VỀ BIỂU CAM KẾT THUẾ QUAN

Cam kết cắt giảm thuế quan trong RCEP của mỗi nước thành viên dành cho hàng hóa của các nước thành viên khác được thể hiện trong Biểu cam kết thuế quan của nước đó. Trong Văn kiện Hiệp định RCEP, các Biểu này được nêu tại Phụ lục I.

Tương tự các FTA khu vực với nhiều thành viên, trong RCEP, một nước thành viên có thể lựa chọn dành cam kết ưu đãi thuế quan như nhau cho tất cả các đối tác còn lại, hoặc có cam kết ưu đãi thuế quan riêng cho từng đối tác/nhóm đối tác.

Có 10 nước thành viên RCEP lựa chọn áp dụng các cam kết thuế quan chung cho tất cả các thành viên còn lại. Trong Phụ lục I Văn kiện RCEP, các nước chọn cách này sẽ có 01 Biểu cam kết thuế quan thống nhất.

Có 05 nước thành viên RCEP chọn áp dụng các cam kết thuế quan riêng cho từng đối tác/nhóm đối tác trong RCEP. Do đó, các nước này có thể có nhiều Biểu cam kết thuế quan trong Phụ lục I, mỗi Biểu áp dụng cho một hoặc một nhóm đối tác (ASEAN) riêng.

Trong tổng thể, 15 nước thành viên RCEP đã đưa ra 38 Biểu cam kết thuế quan trong Phụ lục I Văn kiện RCEP.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết thuế quan trong RCEP của mỗi nước thành viên được nêu chi tiết đến từng năm cho từng dòng thuế chứ không sử dụng các kí hiệu như một số FTA khác. Do đó, trong trường hợp nhập khẩu vào Việt Nam, doanh nghiệp chỉ cần xác định xem hàng nhập khẩu từ nước thành viên nào của RCEP để tìm Biểu thuế ưu đãi RCEP của Việt Nam áp dụng đối với thành viên đó để tra cứu thuế nhập khẩu ưu đãi áp dụng cho hàng nhập khẩu từ nước đó vào Việt Nam.

Ngược lại, nếu xuất khẩu từ Việt Nam đi thị trường RCEP, doanh nghiệp cần xác định nước xuất khẩu và Biểu thuế ưu đãi RCEP mà nước đó áp dụng chung cho hàng hóa đến từ các thành viên RCEP trong đó có Việt Nam (nếu nước đó không áp dụng khác biệt thuế quan và sử dụng một Biểu thuế quan chung), hoặc Biểu thuế ưu đãi dành riêng cho Việt Nam (trong trường hợp nước đó áp dụng khác biệt thuế quan và có một Biểu thuế quan riêng cho các nước ASEAN – trong đó có Việt Nam).

Tuy nhiên, việc tra cứu các mức thuế quan trong Hiệp định chỉ có giá trị tham khảo để biết được cam kết thuế quan của từng nước. Đây là các cam kết tối thiểu, tức là các nước phải dành ưu đãi thuế quan cho các thành viên khác ít nhất là ở mức như cam kết. Trên thực tế, các nước có thể giảm thuế nhiều hơn hoặc đẩy nhanh lộ trình so với cam kết tùy thuộc vào nhu cầu trong nước. Vì thế, để biết được mức thuế ưu đãi RCEP chính xác nhất mà một nước thành viên áp dụng trên thực tế đối với một hàng hóa nhất định, cần tra cứu tại văn bản pháp luật nội địa liên quan của nước đó. Ví dụ như đối với Việt Nam, với mỗi Hiệp định sẽ có một văn bản pháp luật (thường là Nghị định) quy định về biểu thuế quan ưu đãi theo Hiệp định đó áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.



## Khác biệt thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP?

Trong RCEP, có 05 nước lựa chọn dành ưu đãi thuế quan khác biệt cho từng đối tác/nhóm đối tác RCEP, bao gồm: Trung Quốc, Indonesia, Hàn Quốc, Philippines, và Việt Nam.

### Cách thức cam kết về các khác biệt trong ưu đãi thuế quan

Cam kết về mức thuế quan ưu đãi khác biệt của mỗi nước được thể hiện trong các Biểu cam kết thuế quan khác biệt của nước đó tại Phụ lục I Văn kiện RCEP. Cụ thể:

- Với Trung Quốc, Indonesia, Hàn Quốc và Việt Nam: Mỗi nước có nhiều Biểu cam kết thuế quan (các Biểu này riêng rẽ, độc lập với nhau), trong đó 01 Biểu dành cho các nước ASEAN, và các Biểu thuế quan dành cho từng đối tác/nhóm đối tác còn lại;
- Riêng Philippines: Nước này có 01 Biểu cam kết thuế quan chung gồm tất cả các dòng thuế, với mỗi dòng thuế nếu không có ghi chú áp dụng riêng cho nước nào thì được hiểu là sẽ áp dụng chung cho tất cả các nước đối tác, còn nếu có ghi chú áp dụng riêng cho nước nào thì mức thuế quan ưu đãi cho hàng hóa thuộc dòng thuế đó từ nước đó sẽ phải xem tại Biểu thuế của Philippines dành cho nước đó (các Biểu riêng này chỉ bao gồm các dòng thuế ưu đãi áp dụng riêng cho nước đối tác liên quan).

Ngoài các Biểu cam kết thuế quan riêng cho từng đối tác/nhóm đối tác như trên, trong Phụ lục I Văn kiện RCEP của mỗi nước trong nhóm áp dụng ưu đãi thuế quan khác biệt còn có thêm 01 Tiểu phụ lục quy định về danh sách một số nhóm hàng hóa thuộc diện có cam kết ưu đãi thuế quan khác biệt *phải tuân thủ các quy tắc xuất xứ bổ sung* (ngoài các quy tắc xuất xứ chung).

*Tiểu phụ lục* của mỗi nước RCEP liệt kê một danh sách (khoảng 100 dòng hàng hóa áp dụng thuế quan khác biệt phải áp dụng “Quy tắc xuất xứ bổ sung”), và lộ trình áp dụng “QTXX bổ sung” này.

Các QTXX bổ sung này hiện đang được quy định giống nhau giữa các nước RCEP (Xem thêm tại Câu hỏi 22).

➤ Khác biệt thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP?

### Nguyên tắc xác định mức thuế ưu đãi

Khi hàng hóa RCEP nhập khẩu vào 05 nước thành viên có cam kết ưu đãi khác biệt, mức thuế quan ưu đãi áp dụng cho một lô hàng cụ thể nhập khẩu sẽ được xác định như sau:

**i** Đối với hàng hóa thuộc Tiểu phụ lục trong Phụ lục I của nước nhập khẩu

Tùy vào khả năng đáp ứng các điều kiện cụ thể về quy tắc xuất xứ bổ sung của hàng hóa (Xem cụ thể hơn trong Câu hỏi 22), mức thuế quan ưu đãi đối với hàng hóa nhập khẩu sẽ được xác định theo:

- Biểu thuế ưu đãi mà nước nhập khẩu dành cho nước xuất khẩu trong RCEP, hoặc
- Biểu thuế ưu đãi mà nước nhập khẩu dành cho nước RCEP có lệ tỷ đóng góp lớn nhất trong giá trị nguyên liệu có xuất xứ của hàng hóa.

Với cả hai trường hợp trên, nhà xuất khẩu đều phải có đủ chứng từ chứng minh hàng hóa của mình đáp ứng đầy đủ điều kiện cụ thể về xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan theo trường hợp tương ứng.

**ii** Đối với hàng hóa không thuộc Tiểu phụ lục trong Phụ lục I của nước nhập khẩu

Mức thuế quan ưu đãi cho hàng hóa xác định theo Biểu thuế ưu đãi mà nước nhập khẩu dành cho nước xuất khẩu trong RCEP (xác định theo quy tắc xuất xứ hàng hóa chung trong RCEP).

Đối với cả hai trường hợp (i) và (ii) ở trên, nhà nhập khẩu nếu không có đầy đủ các chứng từ chứng minh để hưởng ưu đãi theo quy định của từng trường hợp thì vẫn có thể yêu cầu được áp dụng thuế quan ưu đãi RCEP dành cho hàng hóa có xuất xứ theo một trong hai mức sau:

- Mức thuế quan cao nhất trong số các mức thuế quan mà nước nhập khẩu áp dụng đối với các nước xuất khẩu RCEP có đóng góp nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó (nhà nhập khẩu phải chứng minh về các nguồn đóng góp nguyên liệu này); hoặc
- Mức thuế quan cao nhất trong số các mức thuế quan ưu đãi đối với hàng hóa đó mà nước nhập khẩu dành cho các nước thành viên RCEP.

### Rà soát việc thực thi cam kết khác biệt về thuế quan ưu đãi

Việc áp dụng khác biệt thuế quan có thể gây ra nhiều khó khăn và phiền phức cho doanh nghiệp trong việc tận dụng ưu đãi RCEP. Do đó các nước thành viên RCEP đã thống nhất lộ trình rà soát lại vấn đề này như sau:

- Trong vòng 02 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, và sau đó định kỳ 03 năm một lần (hoặc theo thỏa thuận giữa các nước) sẽ tiến hành rà soát vấn đề này;
- Mục tiêu của việc rà soát là để giảm bớt hoặc loại bỏ: i) số lượng hàng hóa áp dụng "QTXX bổ sung" và điều kiện áp dụng, và (ii) các yêu cầu khác liên quan đến việc áp dụng khác biệt thuế quan.

➤ Khác biệt thuế quan được quy định như thế nào trong RCEP?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các nước thành viên RCEP có trình độ phát triển kinh tế tương đối khác biệt và quan hệ thương mại giữa các thành viên cũng ở các mức độ khác nhau. Vì vậy, một số nước đã chọn giải pháp áp dụng khác biệt thuế quan để có thể đối xử khác nhau với cùng một loại hàng hóa đến từ các nước thành viên khác nhau trong RCEP.

Tuy nhiên, việc áp dụng khác biệt thuế quan cùng với các yêu cầu bổ sung về QTXX có thể khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi thực hiện.

Vì vậy, đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, do Việt Nam cũng áp dụng khác biệt thuế quan, doanh nghiệp cần chú ý xem sản phẩm nhập khẩu có nằm trong danh mục hàng hóa thuộc Tiểu phụ lục của Phụ lục I của Việt Nam không (tức là xem hàng hóa có buộc phải áp dụng “QTXX bổ sung” hay không) để yêu cầu bên xuất khẩu cung cấp đầy đủ chứng từ xuất xứ liên quan.

Còn đối với doanh nghiệp xuất khẩu, cần xác định ngay từ đầu sản phẩm của mình có thuộc Tiểu phụ lục hàng hóa cần áp dụng “QTXX bổ sung” trong Phụ lục I của nước nhập khẩu hay không để chuẩn bị nguồn nguyên liệu và chứng từ liên quan đáp ứng đầy đủ để được hưởng mức thuế quan tốt nhất khi xuất khẩu sang nước đối tác RCEP.

## Các nước đối tác có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của Việt Nam trong RCEP?



Mặc dù là một FTA thế hệ mới nhưng cam kết cắt giảm thuế quan của các thành viên trong RCEP không cao như một số FTA thế hệ mới khác như CPTPP hay EVFTA. Cụ thể, trừ Singapore có tỷ lệ xóa bỏ thuế quan 100% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, các nước còn lại có tỷ lệ xóa bỏ thuế quan (tính tới cuối lộ trình) chỉ dao động quanh mức 90% và lộ trình cắt giảm thuế quan dài (nhiều sản phẩm có lộ trình cắt giảm và xóa bỏ thuế quan lên tới 20-21 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực).

Đối với Việt Nam, các nước đối tác RCEP có cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam trong khoảng từ 30% đến 100% số dòng thuế trong Biểu thuế, và tỷ lệ dòng thuế được cam kết xóa bỏ thuế quan ở cuối lộ trình là từ 82,7% đến 100%. Đa số các nước có lộ trình xóa bỏ thuế quan dài nhất là 20 năm, Singapore xóa bỏ 100% thuế quan ngay, New Zealand trong vòng 15 năm và Nhật Bản dài nhất 21 năm.

**Bảng 3** Tỷ lệ và lộ trình cắt giảm thuế quan của các đối tác RCEP cho Việt Nam

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	75,3%	98,3%	20 năm
2	Brunei	76,5%	97,9%	20 năm
3	Campuchia	29,9%	87,1%	20 năm
4	Hàn Quốc	64,1%	90,7%	20 năm
5	Indonesia	65,1%	92,0%	20 năm
6	Lào	29,9%	86,0%	20 năm
7	Malaysia	70,1%	90,2%	20 năm
8	Myanmar	30,0%	86,0%	20 năm
9	New Zealand	65,2%	91,4%	15 năm
10	Nhật Bản	55,6%	81,7%	21 năm

➤ Các nước đối tác có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của Việt Nam trong RCEP?

**Bảng 3** Tỷ lệ và lộ trình cắt giảm thuế quan của các đối tác RCEP cho Việt Nam

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
11	Philippines	81,4%	91,2%	20 năm
12	Singapore	100,0%	100%	0 năm
13	Thái Lan	66,3%	91,3%	20 năm
14	Trung Quốc	67,9%	90,5%	20 năm

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP*

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Trong so sánh với các FTA ASEAN+ đã có giữa Việt Nam với các nước đối tác ngoài ASEAN trong RCEP, tỷ lệ dòng thuế được xoá bỏ thuế quan theo RCEP mà các đối tác này dành cho hàng hóa Việt Nam ở cuối lộ trình có thể cao hơn, tuy nhiên mức thuế áp dụng trong những năm đầu RCEP lại hầu như không tốt bằng.

Ví dụ so sánh mức thuế quan mà Australia và New Zealand dành cho Việt Nam trong RCEP và trong FTA ASEAN – Australia/New Zealand (AANZFTA) thì:

- AANZFTA có hiệu lực từ năm 2010, hoàn tất lộ trình xoá bỏ thuế quan cho Việt Nam vào 2022, với cam kết xoá bỏ hoàn toàn thuế quan (toàn bộ Biểu thuế) cho hàng hóa của các nước ASEAN (trong đó có Việt Nam);
- Trong RCEP, giả sử Hiệp định này có hiệu lực từ năm 2022 thì theo cam kết, năm 2022 Australia và New Zealand sẽ chỉ cắt giảm thuế quan cho ASEAN với 75,3% dòng thuế (Australia) và 65,2% (New Zealand).

Như vậy, sau khi RCEP có hiệu lực thì các cam kết thuế quan của Australia và New Zealand đối với nhiều sản phẩm của Việt Nam không tốt bằng cam kết trong AANZFTA.

Tuy nhiên, để được hưởng ưu đãi thuế quan thì hàng hóa phải đáp ứng các quy tắc xuất xứ. Mỗi FTA có quy tắc xuất xứ khác nhau, quy tắc xuất xứ của RCEP cho phép cộng gộp nguyên liệu trong toàn khu vực RCEP (cả 15 nước thành viên), do đó sẽ có lợi hơn cho các sản phẩm của Việt Nam trong việc đạt được yêu cầu về xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan RCEP.

Như vậy, dù mức thuế ưu đãi có thể không tốt bằng mức thuế trong các FTA ASEAN+, với RCEP, hàng hóa của Việt Nam sẽ có thêm lựa chọn để thuế ưu đãi khi xuất khẩu sang các nước RCEP. Tùy tình huống cụ thể, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng FTA nào, với mức thuế quan và quy tắc xuất xứ nào phù hợp và có lợi hơn cho mình.

## Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?



Các Bảng dưới đây tóm tắt cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP dành cho một số nhóm sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam tổng hợp từ các Biểu cam kết thuế quan của nước đối tác RCEP trong Phụ lục I Văn kiện RCEP.

### Dệt may (Các Chương từ 50 đến 63 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	47,7%	100,0%	20 năm
2	Brunei	88,5%	97,3%	20 năm
3	Campuchia	42,8%	94,9%	20 năm
4	Hàn Quốc	90,9%	92,6%	20 năm
5	Indonesia	64,0%	82,8%	20 năm
6	Lào	26,1%	98,6%	20 năm
7	Malaysia	50,0%	99,3%	15 năm
8	Myanmar	6,1%	91,3%	20 năm
9	New Zealand	49,2%	81,7%	15 năm
10	Nhật Bản	54,8%	97,4%	16 năm
11	Philippines	83,7%	96,8%	15 năm
12	Singapore	100,0%	100,0%	Ngay
13	Thái Lan	65,3%	99,9%	20 năm
14	Trung Quốc	79,3%	96,6%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP

➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?



**Giày dép (Chương 64 trong Biểu thuế)**

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	40,0%	100,0%	20 năm
2	Brunei	7,1%	47,6%	15 năm
3	Campuchia	0,0%	81,0%	20 năm
4	Hàn Quốc	94,2%	94,2%	Ngay
5	Indonesia	53,5%	81,4%	20 năm
6	Lào	64,3%	100,0%	15 năm
7	Malaysia	70,0%	87,5%	20 năm
8	Myanmar	4,8%	76,2%	20 năm
9	New Zealand	39,2%	78,5%	15 năm
10	Nhật Bản	0,0%	47,6%	16 năm
11	Philippines	40,5%	81,0%	15 năm
12	Singapore	100,0%	100,0%	Ngay
13	Thái Lan	7,1%	100,0%	20 năm
14	Trung Quốc	36,6%	100,0%	20 năm

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP*



➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?



### Thuỷ sản (Chương 03 và Nhóm 1604, 1605 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	100,0%	100,0%	Ngay
2	Brunei	100,0%	100,0%	Ngay
3	Campuchia	61,3%	99,2%	20 năm
4	Hàn Quốc	10,5%	83,1%	20 năm
5	Indonesia	63,5%	99,5%	20 năm
6	Lào	0,0%	75,4%	20 năm
7	Malaysia	97,3%	100,0%	10 năm
8	Myanmar	37,6%	49,9%	15 năm
9	New Zealand	91,9%	99,0%	15 năm
10	Nhật Bản	7,6%	47,4%	16 năm
11	Philippines	88,4%	97,4%	15 năm
12	Singapore	100,0%	100,0%	Ngay
13	Thái Lan	48,9%	91,2%	15 năm
14	Trung Quốc	85,1%	100,0%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP

➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?



**Rau quả (Các Chương 07, 08, 20 trong Biểu thuế)**

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	87,6%	98,0%	15 năm
2	Brunei	100,0%	100,0%	Ngay
3	Campuchia	29,4%	85,7%	20 năm
4	Hàn Quốc	0,6%	39,3%	20 năm
5	Indonesia	75,2%	97,6%	15 năm
6	Lào	0,0%	11,5%	20 năm
7	Malaysia	85,2%	92,0%	15 năm
8	Myanmar	33,1%	67,2%	20 năm
9	New Zealand	69,1%	93,3%	15 năm
10	Nhật Bản	14,6%	62,8%	16 năm
11	Philippines	72,8%	82,9%	15 năm
12	Singapore	100,0%	100,0%	Ngay
13	Thái Lan	70,3%	94,8%	20 năm
14	Trung Quốc	68,8%	99,7%	20 năm

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP*

➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của các nước RCEP cho một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?

 **Đồ gỗ (Chương 44, và các Phân nhóm 940330-60 trong Biểu thuế)**

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Australia	74,0%	100,0%	20 năm
2	Brunei	22,3%	100,0%	15 năm
3	Campuchia	56,1%	95,0%	20 năm
4	Hàn Quốc	30,0%	81,8%	20 năm
5	Indonesia	87,3%	100,0%	20 năm
6	Lào	0,7%	54,0%	20 năm
7	Malaysia	95,0%	99,1%	10 năm
8	Myanmar	0,0%	52,2%	15 năm
9	New Zealand	52,7%	98,4%	15 năm
10	Nhật Bản	37,3%	54,6%	16 năm
11	Philippines	99,3%	99,3%	Ngay
12	Singapore	100,0%	100,0%	Ngay
13	Thái Lan	100,0%	100,0%	Ngay
14	Trung Quốc	66,3%	67,4%	10 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP



## Việt Nam có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của các nước đối tác trong RCEP?

Trong RCEP, Việt Nam có cam kết khác nhau về mức ưu đãi thuế quan cho các nước đối tác khác nhau.

Cụ thể, Việt Nam cam kết ưu đãi thuế quan cho các đối tác RCEP tại 06 Biểu thuế quan riêng cho ASEAN, Australia, Hàn Quốc, New Zealand, Nhật Bản, và Trung Quốc, theo đó:

- Tỷ lệ xóa bỏ thuế quan ngay khi RCEP có hiệu lực của Việt Nam cho các đối tác này giống nhau là 65,3%, còn tỷ lệ xóa bỏ thuế quan đến cuối lộ trình nằm trong khoảng 85,6% đến 90,3% tùy đối tác;
- Lộ trình xóa bỏ thuế quan của Việt Nam dài nhất là 20 năm (cho ASEAN và Trung Quốc), 16 năm (cho Nhật Bản) và 15 năm (cho Australia, Hàn Quốc và New Zealand).

So với mức độ cắt giảm thuế quan của các đối tác cho Việt Nam thì mức độ cắt giảm của Việt Nam hầu hết là thấp hơn so với đối tác.

**Bảng 4** Tỷ lệ và lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam cho các đối tác RCEP

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	65,3%	90,3%	20 năm
2	Australia	65,3%	89,6%	15 năm
3	Hàn Quốc	65,3%	86,7%	15 năm
4	New Zealand	65,3%	89,6%	15 năm
5	Nhật Bản	65,3%	86,7%	16 năm
6	Trung Quốc	65,3%	85,6%	20 năm

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP*

- Việt Nam có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hoá của các nước đối tác trong RCEP?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Mức cam kết về ưu đãi thuế quan của Việt Nam trong RCEP cho hàng hóa nhập khẩu từ các đối tác không cao hơn so với mức ưu đãi thuế quan mà Việt Nam đang dành cho hàng hóa từ các nước này theo các FTA ASEAN+ đã có với các nước này. Do đó, về cơ bản việc thực thi RCEP được dự đoán sẽ không gây thêm áp lực cạnh tranh quá lớn cho các ngành sản xuất nội địa của Việt Nam so với hiện tại.

Mặc dù vậy, với RCEP, hàng hóa từ các nước RCEP sẽ có thêm lựa chọn về ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu vào Việt Nam với quy tắc xuất xứ có thể thuận lợi hơn để được hưởng ưu đãi thuế quan. Do đó, doanh nghiệp vẫn cần chuẩn bị cho những thách thức cạnh tranh lớn hơn trên thị trường nội địa sau khi RCEP có hiệu lực.



## Cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam cho một số nhóm sản phẩm nhập khẩu từ các nước thành viên RCEP?

Các Bảng dưới đây tóm tắt cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam dành cho các nước RCEP đối với một số nhóm sản phẩm mà Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu lớn tổng hợp từ các Biểu cam kết thuế quan của Việt Nam tại Phụ lục I Văn kiện RCEP.

### Máy móc thiết bị (Chương 84, 85 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xóa bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	70,4%	91,6%	15 năm
2	Australia	70,4%	91,6%	15 năm
3	Hàn Quốc	70,4%	90,6%	15 năm
4	New Zealand	70,4%	91,6%	15 năm
5	Nhật Bản	70,4%	90,6%	16 năm
6	Trung Quốc	70,4%	89,0%	20 năm

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP*

➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam cho một số nhóm sản phẩm nhập khẩu từ các nước thành viên RCEP?

### Ô tô (Chương 87 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	9,4%	33,9%	15 năm
2	Australia	9,4%	33,9%	15 năm
3	Hàn Quốc	9,4%	27,3%	15 năm
4	New Zealand	9,4%	33,9%	15 năm
5	Nhật Bản	9,4%	27,3%	16 năm
6	Trung Quốc	9,4%	30,3%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP

### Đồ uống (Chương 22 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	7,3%	70,9%	15 năm
2	Australia	7,3%	70,9%	15 năm
3	Hàn Quốc	7,3%	20,0%	10 năm
4	New Zealand	7,3%	70,9%	15 năm
5	Nhật Bản	7,3%	20,0%	11 năm
6	Trung Quốc	7,3%	70,9%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP

➤ Cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam cho một số nhóm sản phẩm nhập khẩu từ các nước thành viên RCEP?



### Đồ nhựa (Chương 39 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	68,6%	97,0%	15 năm
2	Australia	68,6%	97,0%	15 năm
3	Hàn Quốc	68,6%	88,2%	15 năm
4	New Zealand	68,6%	97,0%	15 năm
5	Nhật Bản	68,6%	88,2%	16 năm
6	Trung Quốc	68,6%	93,0%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP



### Các loại thịt sống (Chương 02 trong Biểu thuế)

STT	Đối tác RCEP	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ ngay	Tỷ lệ dòng thuế xoá bỏ đến cuối lộ trình	Lộ trình tối đa cắt giảm thuế quan
1	Các nước ASEAN	23,1%	100,0%	15 năm
2	Australia	23,1%	100,0%	15 năm
3	Hàn Quốc	23,1%	78,2%	10 năm
4	New Zealand	23,1%	100,0%	15 năm
5	Nhật Bản	23,1%	78,2%	11 năm
6	Trung Quốc	23,1%	100,0%	20 năm

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục I Văn kiện RCEP



## Các quy tắc và thủ tục về xuất xứ được quy định ở đâu trong RCEP?



Trong các FTA, quy tắc xuất xứ (QTXX) của hàng hóa là điều kiện để xác định hàng hóa đó có thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA đó hay không. Ưu đãi thuế quan của FTA sẽ chỉ dành cho hàng hoá có “xuất xứ” trong khu vực FTA mà không dành cho hàng hoá xuất xứ từ một Bên thứ ba ngoài khu vực FTA đó.

Mỗi FTA có bộ QTXX riêng, hàng hóa đáp ứng được các QTXX đó được xem là “hàng hóa có xuất xứ”, và khi xuất khẩu vào thị trường nước thành viên FTA có thể được xem xét áp dụng mức thuế quan ưu đãi của FTA đó.

Đối với RCEP, các nội dung về QTXX được quy định trong *Chương 3 – Quy tắc xuất xứ* của Hiệp định. Chương này bao gồm các nội dung:

- **Phần Lời văn:** Bao gồm các nguyên tắc chung về QTXX và thủ tục chứng nhận xuất xứ.
- **Phụ lục 3A – Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng (PSR):** Bao gồm các QTXX cụ thể cho từng nhóm hàng hoá theo HS 4 số hoặc một số mặt hàng chi tiết đến HS 6 số.
- **Phụ lục 3B – Danh mục các thông tin tối thiểu:** RCEP không quy định mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cụ thể mà chỉ liệt kê các thông tin tối thiểu cần nêu trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (đối với trường hợp chứng nhận xuất xứ được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu), hoặc trong Chứng từ tự khai báo xuất xứ hàng hoá (đối với trường hợp nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ).

➤ Các quy tắc và thủ tục về xuất xứ được quy định ở đâu trong RCEP?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Khác với Biểu cam kết thuế quan (mỗi nước có các Biểu cam kết riêng), các QTXX và Biểu QTXX cụ thể mặt hàng trong RCEP được quy định chung, áp dụng thống nhất với tất cả các nước thành viên. Nói cách khác, hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam đi các nước đối tác hay nhập khẩu từ các đối tác về Việt Nam muốn hưởng ưu đãi thuế quan RCEP đều sử dụng chung một Biểu quy tắc xuất xứ này. Tuy nhiên, thủ tục xin chứng nhận xuất xứ thì có thể khác nhau giữa các nước RCEP, chỉ giống nhau ở các nguyên tắc chung (xem thêm phần bên dưới về thủ tục chứng nhận xuất xứ trong RCEP).

Để được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP thì hàng hoá của doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ QTXX của Hiệp định, và doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu phải có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hợp lệ. Mà việc đáp ứng QTXX này cần được thực hiện ngay từ khâu đầu vào của sản xuất, tức là nguyên liệu của hàng hoá cũng cần phải có giấy chứng nhận xuất xứ tương ứng để sau này chứng minh cho hàng hoá thành phẩm đáp ứng được QTXX. Vì vậy doanh nghiệp cần phải nghiên cứu kỹ về các quy định về QTXX và thủ tục xuất xứ RCEP để có sự chuẩn bị phù hợp khi muốn hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này.



## Để được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP hàng hoá phải đáp ứng các tiêu chí xuất xứ nào?

Tương tự như Hiệp định ATIGA cũng như các FTA ASEAN+, để được hưởng ưu đãi thuế quan theo RCEP, hàng hóa xuất nhập khẩu trong khu vực RCEP được coi là có xuất xứ nếu đáp ứng được một trong 3 tiêu chí sau:

**i** Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại một nước thành viên Hiệp định.

Hàng hoá có “xuất xứ thuần túy” là hàng hoá được sinh ra, nuôi trồng, thu hoạch... toàn bộ tại một nước thành viên (xem thêm Câu 18).

Hàng hoá được sản xuất toàn bộ từ các nguyên liệu có xuất xứ thuần túy tại một nước thành viên thì được coi là “sản xuất toàn bộ” tại nước thành viên đó.

Tiêu chí “xuất xứ thuần túy” hoặc “sản xuất toàn bộ” này thường được gọi chung là “xuất xứ thuần túy”, viết tắt là WO (Wholly-Obtained).

**ii** Hàng hóa được sản xuất tại một nước thành viên Hiệp định chỉ sử dụng nguyên liệu có xuất xứ từ các nước thành viên Hiệp định. Tiêu chí này thường được gọi là PE (Produced Exclusively).

**iii** Hàng hóa được sản xuất tại một nước thành viên Hiệp định sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ nhưng đáp ứng được các tiêu chí xuất xứ quy định tại Danh mục Quy tắc xuất xứ cụ thể một hàng (Product Specific Rules - PSR).

Tại danh mục PSR của RCEP, ngoài các tiêu chí quen thuộc được sử dụng phổ biến trong các FTA (như tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC) ở 3 cấp độ Chuyển đổi Chương (CC), Chuyển đổi Nhóm (CTH) và Chuyển đổi Phân nhóm (CTSH); tiêu chí Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)), còn có thêm tiêu chí mới là Quy tắc phản ứng hóa học (CR – Chemical Reaction) được áp dụng cho một số sản phẩm hóa chất thuộc Chương 29 và Chương 38.

Ngoài ra, để được coi là có xuất xứ thì hàng hóa cần phải đáp ứng thêm các quy định khác về xuất xứ của RCEP như Công đoạn gia công, chế biến đơn giản, nguyên liệu đóng gói và bao bì, phụ kiện, phụ tùng, vận chuyển trực tiếp... (xem thêm các Câu phía sau).

Riêng đối với một số sản phẩm thuộc diện áp dụng ưu đãi thuế quan khác biệt nằm trong danh mục cần đáp ứng “QTXX bổ sung” thì ngoài việc phải đáp ứng QTXX quy định tại PSR cần thỏa mãn thêm điều kiện về QTXX bổ sung đó (Xem thêm Câu hỏi 22).



## Tiêu chí “xuất xứ thuần túy” (WO) trong RCEP có gì đáng lưu ý?

Về cơ bản, tiêu chí “xuất xứ thuần túy” (WO) trong RCEP giống với tiêu chí WO trong Hiệp định ATIGA và các Hiệp định ASEAN+ (ngoại trừ Hiệp định AKFTA). Theo đó, một hàng hoá được coi là có xuất xứ thuần túy khi:

- Là thực vật được trồng và thu hoạch, là động vật sống khi được sinh ra và nuôi dưỡng, là sản phẩm động vật khi được nuôi dưỡng, là các sản phẩm thu được từ săn bắn, hái lượm, đánh bắt, khai thác, chế biến trên tàu, sản phẩm là phế thải, phế liệu từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng... tại MỘT nước thành viên, hoặc
- Là sản phẩm được sản xuất toàn bộ từ các sản phẩm nêu trên tại MỘT nước thành viên.

Tiêu chí WO này thường được gọi là WO-một Bên. Trong khi đó, một số ít FTA khác của Việt Nam như AKFTA hay CPTPP có quy định mở rộng về tiêu chí WO khi cho phép sử dụng nguyên liệu có xuất xứ thuần túy từ các nước thành viên khác của Hiệp định để sản xuất ra hàng hóa có xuất xứ thuần túy (tiêu chí WO này thường được gọi là WO-FTA).

Trong RCEP, tiêu chí WO được áp dụng chủ yếu cho hàng hoá nông sản (động vật, cá sống, rau củ quả, ngũ cốc...) và một số phế phẩm công nghiệp.

**Bảng 5** Một số sản phẩm áp dụng tiêu chí WO trong RCEP

Phân loại hàng hoá	Sản phẩm
Chương 01	Động vật sống
Nhóm 0301	Cá sống
Nhóm 0407 (trừ HS 040790)	Trứng chim và trứng gia cầm, nguyên vỏ, sống, đã bảo quản hoặc đã làm chín
Nhóm 0701 đến 0709	Khoai tây, cà chua, hành tỏi, xà lách, cà rốt, củ cải, dưa chuột rau đậu... tươi hoặc ướp lạnh
Phân nhóm 090210 và 090220	Chè xanh
Phân nhóm 090411	Hạt tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền
Chương 10	Ngũ cốc
Phân nhóm 170113	Đường mía thô
Thuộc các Chương khác nhau	Dầu thải, phế thải dược phẩm, hoá chất, giấy loại, phế liệu kim loại, pin đã qua sử dụng...

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục 3A Chương 3 Văn kiện RCEP*

➤ Tiêu chí “xuất xứ thuần túy” (WO) trong RCEP có gì đáng lưu ý?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Tiêu chí xuất xứ thuần túy (WO) là tiêu chí chặt nhất, khó nhất trong các loại tiêu chí xuất xứ. Do đó, với các sản phẩm có tiêu chí này các doanh nghiệp cần chú ý bảo đảm tuân thủ đầy đủ mới có thể được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP.

Một lưu ý quan trọng về tiêu chí WO trong RCEP: Đối với hàng hoá là cây trồng và sản phẩm từ cây trồng, tiêu chí WO của RCEP không yêu cầu hạt giống phải có xuất xứ tại nước xuất khẩu, mà chỉ cần được trồng và thu hoạch tại nước xuất khẩu (xem Ví dụ 1). Tuy nhiên, đối với các hàng hoá là động vật sống thì con giống phải có xuất xứ tại nước xuất khẩu (xem Ví dụ 2).

*Ví dụ 1: Sản phẩm cà chua có tiêu chí xuất xứ là “WO” trong RCEP. Người nông dân của Việt Nam nhập giống cà chua từ Mỹ về trồng, chăm sóc thành cây trưởng thành và thu hoạch quả cà chua. Khi đó, quả cà chua này được coi là có xuất xứ thuần túy theo RCEP (dù giống được nhập khẩu từ Mỹ) và sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang các nước thành viên RCEP.*

*Ví dụ 2: Các sản phẩm cá sống có tiêu chí xuất xứ là “WO” trong RCEP. Người dân Sa Pa nhập cá hồi giống của Na Uy về để nuôi thành cá hồi trưởng thành và xuất khẩu cá sống sang Trung Quốc. Trong trường hợp này con cá hồi không được coi là xuất xứ thuần túy theo RCEP vì giống nhập khẩu từ Na Uy chứ không phải giống Việt Nam mặc dù được nuôi dưỡng tại Việt Nam. Do đó con cá hồi này khi xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP.*

Ngoài ra, cần lưu ý tiêu chí xuất xứ WO trong RCEP là WO-một Bên, nên trong trường hợp sản phẩm được sản xuất từ các nguyên liệu có xuất xứ thuần túy nhưng “thuần túy” từ bất kỳ một nước thành viên nào khác mà không phải nước Xuất khẩu thì cũng không được coi là xuất xứ thuần túy theo RCEP (xem Ví dụ 3).

*Ví dụ 3: Đường mía (thô) có tiêu chí xuất xứ là “WO” trong RCEP. Một doanh nghiệp sản xuất mía đường tại Biên Hoà sử dụng một phần nguyên liệu đường sản xuất trong nước và một phần nhập khẩu từ Thái Lan để đóng gói xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong trường hợp này mặc dù Thái Lan cũng là một thành viên RCEP nhưng do tiêu chí WO trong RCEP chỉ cho phép xuất xứ thuần túy tại nước xuất khẩu nên việc là sản phẩm đường Việt Nam nói trên có nguyên liệu từ Thái Lan sẽ không được coi là xuất xứ thuần túy Việt Nam theo quy định của RCEP và sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP mà Trung Quốc dành cho Việt Nam khi xuất khẩu sang Trung Quốc.*



## Tiêu chí “Hàm lượng giá trị khu vực” (RVC) trong RCEP được quy định như thế nào?

Trong các FTA, tiêu chí “hàm lượng giá trị khu vực”, hay còn gọi là tiêu chí RVC, là tiêu chí yêu cầu hàng hóa phải đạt được một ngưỡng (tính theo tỷ lệ phần trăm) về giá trị tối thiểu được tạo thành trong khu vực FTA đó. Tùy thuộc vào FTA và tùy thuộc sản phẩm, tỷ lệ RVC có thể được quy định khác nhau. Trong các FTA đã có giữa các nước ASEAN và ASEAN+, tiêu chí RVC được quy định phổ biến là 40%.

Trong RCEP, tiêu chí RVC cũng quy định tỷ lệ duy nhất 40% và được tính theo giá FOB của hàng hóa với 02 cách tính (trực tiếp hoặc gián tiếp) cụ thể như dưới đây.

### CÁCH TÍNH RVC

- **Cách tính gián tiếp (Build-down formula):**

$RVC = (\text{Trị giá FOB hàng hóa} - \text{Trị giá nguyên liệu KHÔNG có xuất xứ}) / \text{Trị giá FOB hàng hóa} \times 100$

- **Cách tính trực tiếp (Build-up formula):**

$RVC = (\text{Nguyên liệu CÓ xuất xứ} + \text{Chi phí nhân công trực tiếp} + \text{Chi phí phân bổ trực tiếp} + \text{Lợi nhuận} + \text{Chi phí khác}) / \text{Trị giá FOB hàng hóa} \times 100$

### Ví dụ

Linh kiện cần gạt nước mã HS 8512.90 có tiêu chí xuất xứ tại trong RCEP là CTH hoặc RVC 40%. Giả sử linh kiện này được sản xuất tại Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc với giá FOB là 1.000 USD. Việc sản xuất linh kiện này có sử dụng nguyên liệu từ Chi-lê trị giá 450 USD, nguyên liệu có xuất xứ trong khối RCEP trị giá 300 USD, chi phí nhân công là 100 USD, chi phí phân bổ là 10 USD, không có chi phí khác. Lợi nhuận thu được là 140 USD.

Giả sử linh kiện này không đáp ứng được tiêu chí CTH, vậy hãy xem có đáp ứng được tiêu chí RVC hay không theo từng cách tính:

### Cách tính RVC gián tiếp:

$$RVC = (\text{FOB} - \text{Trị giá nguyên liệu KHÔNG có xuất xứ}) / \text{FOB} \times 100$$

$$= (1.000 - 450) / 1.000 \times 100 = 55\%$$

Như vậy, theo cách tính RVC gián tiếp, linh kiện này có RVC là 55% và do đó được coi là hàng hóa có xuất xứ RCEP.

➤ Tiêu chí “Hàm lượng giá trị khu vực” (RVC) trong RCEP được quy định như thế nào?

*Cách tính RVC trực tiếp:*

$$\begin{aligned} \text{RVC} &= (\text{Trị giá nguyên liệu CÓ xuất xứ} + \text{CP nhân công} + \text{CP phân bổ} + \text{Lợi nhuận} \\ &+ \text{Chi phí khác}) / \text{FOB} \times 100 \\ &= (300 + 100 + 10 + 140) / 1.000 \times 100 = 55\% \end{aligned}$$

Như vậy, với cách tính trực tiếp thì RVC của linh kiện cũng có tỷ lệ là 55% và do đó linh kiện được coi là hàng hóa có xuất xứ RCEP.

### Một số lưu ý đối với cách tính RVC

- i) Trị giá nguyên liệu KHÔNG có xuất xứ là:
  - *Đối với nguyên liệu nhập khẩu:* là giá CIF của nguyên liệu tại thời điểm nhập khẩu;
  - *Đối với nguyên liệu mua trong nước:* là giá có thể xác định được đầu tiên đã thanh toán hoặc sẽ thanh toán (the earliest ascertainable price paid or payable).
- ii) Các nguyên liệu không xác định được xuất xứ sẽ được coi là nguyên liệu không có xuất xứ.
- iii) Đối với cách tính gián tiếp, một số chi phí có thể được trừ đi khỏi trị giá nguyên liệu không có xuất xứ hoặc không xác định được xuất xứ như: Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, đóng gói và tất cả các chi phí khác phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên liệu tới nơi của nhà sản xuất.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Liên quan tới các cách tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC), về mặt công thức cách tính trực tiếp hoặc gián tiếp có thể cho cùng một kết quả. Tuy nhiên, với mỗi cách tính thì chứng từ chứng minh xuất xứ đi kèm sẽ không giống nhau. Ví dụ với cách tính trực tiếp, doanh nghiệp sẽ phải có giấy tờ chứng minh về giá FOB, về các nguyên liệu có xuất xứ, về các chi phí nhân công, chi phí phân bổ... Trong khi đó với cách tính gián tiếp, doanh nghiệp cần chứng từ chứng minh giá FOB, giá trị nguyên liệu không xuất xứ...

Vì vậy, trong trường hợp tiêu chí RVC, doanh nghiệp có thể cân nhắc để lựa chọn cách tính nào phù hợp hơn với khả năng chứng minh của mình.



## Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa” (CTC) trong RCEP được quy định như thế nào? Có ngoại lệ/linh hoạt nào khi áp dụng hay không?

### Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa”

Trong các FTA, tiêu chí “chuyển đổi mã số hàng hóa”, hay còn gọi là tiêu chí CTC, là tiêu chí yêu cầu mã số HS của hàng hóa phải khác với mã số HS của nguyên liệu sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó. Nói cách khác, phải có sự chuyển đổi mã HS giữa nguyên liệu và hàng hóa sử dụng nguyên liệu đó.

Tương tự Hiệp định ATIGA và các FTA ASEAN+, trong Hiệp định RCEP, tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa” (viết tắt là CTC) được quy định theo ba cấp độ chính gồm:

- **Chuyển đổi Chương (CC):** Nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa phải có mã HS thuộc **Chương** (02 số đầu) **khác** với Chương HS của hàng hóa thành phẩm;
- **Chuyển đổi Nhóm (CTH):** Nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa phải có mã HS thuộc **Nhóm** (04 số đầu) **khác** với Nhóm HS của hàng hóa thành phẩm;
- **Chuyển đổi Phân nhóm (CTSH):** Nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa phải có mã HS thuộc **Phân nhóm** (06 số đầu) **khác** với Phân nhóm HS của hàng hóa thành phẩm.

Ngoài ra, trong RCEP còn có một số hàng hóa được áp dụng tiêu chí “CTC ngoại trừ”, ví dụ “*CC ngoại trừ từ Chương...*”, “*CTH ngoại trừ từ Nhóm/Phân nhóm...*”, “*CTSH ngoại trừ từ Phân nhóm...*”. Tiêu chí này được hiểu là ngoài việc hàng hóa phải đáp ứng tiêu chí CTC (như nêu ở trên) thì còn thêm điều kiện nguyên liệu thuộc các mã HS được liệt kê ở sau đoạn “ngoại trừ...” phải có xuất xứ trong RCEP, khi đó hàng hóa sản xuất ra mới được coi là đáp ứng tiêu chí xuất xứ của Hiệp định.

**Ví dụ 1:** Các sản phẩm sợi cotton (ngoại trừ chỉ may) đã đóng gói để bán lẻ có mã HS thuộc Nhóm 52.07. QTXX trong RCEP đối với Nhóm 52.07 là “*CTH ngoại trừ từ nhóm 52.05 hoặc 52.06*”.

Như vậy, sản phẩm sợi cotton mã 52.07 nếu có sử dụng bất kỳ nguyên liệu không có xuất xứ nào thì nguyên liệu đó phải có Nhóm khác Nhóm của thành phẩm, tức không thuộc Nhóm 52.07, đồng thời cũng không được thuộc hai Nhóm bị ngoại trừ là 52.05 hoặc 52.06 thì mới đáp được QTXX của RCEP để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.



➤ Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa” (CTC) trong RCEP được quy định như thế nào? Có ngoại lệ/linh hoạt nào khi áp dụng hay không?

### Ngoại lệ - Tỷ lệ “De Minimis”

Giống như nhiều FTA khác của Việt Nam, Hiệp định RCEP cũng áp dụng ngoại lệ cho tiêu chí CTC trong trường hợp hàng hóa có một tỷ lệ không đáng kể nguyên liệu không đáp ứng được tiêu chí này - ngoại lệ này là “De Minimis” (hay “tỷ lệ tối thiểu”). Ở các FTA, tỷ lệ này có thể được tính theo trị giá hoặc trọng lượng của sản phẩm tùy từng FTA và sản phẩm cụ thể. Trong RCEP, “De Minimis” được quy định như sau:

Các hàng hóa không đáp ứng được tiêu chí CTC trong RCEP vẫn được coi là hàng hóa có xuất xứ trong trường hợp:

- *Đối với hàng hóa từ Chương 01 đến Chương 97:* trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ **không vượt quá 10% trị giá FOB** của hàng hóa đó. Trị giá của nguyên liệu không xuất xứ trong trường hợp này được tính theo công thức tính RVC;
- *Riêng đối với hàng hóa từ Chương 50 đến Chương 63* (nguyên liệu và sản phẩm dệt may): Ngoài cách tính theo trị giá, “De Minimis” còn có thể tính theo **trọng lượng** - trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ **không vượt quá 10% trọng lượng** của hàng hóa đó.

*Ví dụ 2:* Sản phẩm nêu tại Ví dụ 1 - sợi cotton mã HS 52.07, QTX “CTH ngoại trừ từ nhóm 52.05 hoặc 52.06”, giả sử lô hàng xuất khẩu đi có trọng lượng là 1.000 kg.

**Trường hợp 1:** Nhà sản xuất sử dụng 500kg nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.05 và 500kg nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.01 để sản xuất ra lô hàng đó. Do QTX RCEP của sản phẩm yêu cầu nguyên liệu không có xuất xứ phải thuộc Nhóm khác Nhóm của thành phẩm (52.07) và không thuộc Nhóm 52.05 và 52.06, nên nếu muốn lô hàng hưởng ưu đãi thuế quan RCEP, nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.01 có thể được sử dụng, tuy nhiên nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.05 thì không được sử dụng. Tuy nhiên, do có ngoại lệ De Minimis nên cần xem xét xem trọng lượng của nguyên liệu HS 52.05 có đạt tỉ lệ để hưởng ngoại lệ này hay không. Trong trường hợp này, trọng lượng của nguyên liệu thuộc mã HS 52.05 chiếm tới 50% trọng lượng của hàng hóa được sản xuất ra (vượt quá tỷ lệ De Minimis cho phép là 10%). Như vậy lô hàng sợi cotton mã HS 52.07 đã không đáp ứng được yêu cầu về xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định RCEP.

**Trường hợp 2:** Nhà sản xuất sử dụng 100 kg nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.05 và 900 kg nguyên liệu không có xuất xứ thuộc HS 52.01 để sản xuất. Tương tự lập luận ở Trường hợp 1, nhưng Trường hợp 2 có trọng lượng của nguyên liệu thuộc mã HS 52.01 chỉ chiếm 10% trọng lượng của hàng hóa được sản xuất ra và do đó đủ điều kiện để được ngoại lệ De Minimis. Như vậy lô hàng Sợi cotton mã HS 52.07 này đáp ứng được yêu cầu xuất xứ và có thể được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP.

- Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa” (CTC) trong RCEP được quy định như thế nào? Có ngoại lệ/linh hoạt nào khi áp dụng hay không?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Trong RCEP, đa số các hàng hóa được áp dụng tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH) riêng hoặc kết hợp với tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC 40%).

Trong trường hợp tiêu chí CTC kết hợp với RVC, doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng hoặc CTC hoặc RVC, tùy thuộc tiêu chí nào phù hợp hơn với tình huống cụ thể của doanh nghiệp, do đó tiêu chí kết hợp này được đánh giá là thuận lợi hơn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần phải hiểu rõ nội hàm và cách áp dụng của từng tiêu chí xuất xứ để vận dụng tối đa.

Đặc biệt, với tiêu chí CTC, doanh nghiệp cần chú ý đến ngoại lệ De Minimis cho phép sử dụng không quá 10% giá trị/trọng lượng nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất ra hàng hóa vẫn đáp ứng được quy tắc xuất xứ RCEP và được hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định.

## Quy tắc “Cộng gộp” trong RCEP có gì đặc biệt? Có phải nguyên liệu từ tất cả các nước thành viên RCEP đều được phép cộng gộp khi xác định xuất xứ của hàng hóa không?



Trong các FTA, “cộng gộp” là quy tắc cho phép cộng gộp (cộng tổng) các thành tố của hàng hóa (nguyên liệu, công đoạn sản xuất...) mà “có xuất xứ” ở các nước thành viên khác nhau của FTA.

Trong RCEP, quy tắc cộng gộp hiện đang được quy định tương tự với hầu hết các FTA ASEAN+, là quy tắc cộng gộp áp dụng với nguyên liệu sản xuất. Theo đó, nguyên liệu có xuất xứ của một nước thành viên này sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ khi tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa diễn ra tại một nước thành viên khác.

Tuy nhiên, trong tương lai, quy tắc cộng gộp của RCEP có thể được mở rộng phạm vi. Cụ thể, theo RCEP, các nước thành viên sẽ tiến hành rà soát lại cam kết về quy tắc cộng gộp sau khi Hiệp định có hiệu lực với mục tiêu cân nhắc để mở rộng áp dụng quy tắc cộng gộp không chỉ với nguyên liệu mà còn đối với công đoạn sản xuất (cộng gộp theo công đoạn sản xuất) và cộng gộp bất kỳ giá trị gia tăng nào của hàng hóa tạo ra tại các nước thành viên Hiệp định (cộng gộp toàn phần).

- Quy tắc "Cộng gộp" trong RCEP có gì đặc biệt? Có phải nguyên liệu từ tất cả các nước thành viên RCEP đều được phép cộng gộp khi xác định xuất xứ của hàng hóa không?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Với cam kết ưu đãi thuế quan của các đối tác trong RCEP hầu như không cao hơn so với mức ưu đãi hiện tại mà Việt Nam đang được hưởng từ các FTA đã có với các đối tác này, thì quy tắc cộng gộp xuất xứ trong RCEP là một trong những lợi ích lớn nhất của RCEP trong so sánh với các FTA ASEAN+ bởi nó cho phép mở rộng phạm vi nguồn nguyên liệu có xuất xứ để sản xuất hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP đến tất cả các thành viên RCEP.

Chẳng hạn như nhiều sản phẩm của Việt Nam sử dụng nguyên liệu chủ yếu từ Trung Quốc nhưng khi xuất khẩu sang các đối tác RCEP khác ngoài Trung Quốc theo các FTA ASEAN hoặc ASEAN+ (ngoài ACFTA) thì nguyên liệu có xuất xứ từ Trung Quốc sẽ không được cộng gộp khi xác định xuất xứ cho hàng hóa đó, vì vậy khó có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo các FTA này.

Tuy nhiên cần lưu ý không phải nguyên liệu nào từ các nước thành viên Hiệp định RCEP cũng được cộng gộp khi xác định xuất xứ của hàng hóa, mà chỉ những nguyên liệu đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa tại RCEP và có chứng từ chứng nhận xuất xứ tương ứng mới được cộng gộp.

*Ví dụ: Hàng hóa X được sản xuất tại Việt Nam từ nguyên liệu A nhập khẩu từ Nhật Bản, nguyên liệu B nhập khẩu từ Trung Quốc, và nguyên liệu C nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Trong đó, nguyên liệu A đáp ứng quy tắc xuất xứ RCEP và có chứng từ chứng nhận xuất xứ theo RCEP, còn nguyên liệu B mặc dù đáp ứng được quy tắc xuất xứ RCEP nhưng lại không có chứng từ chứng nhận xuất xứ. Trong trường hợp này, khi tính RVC của hàng hóa X chỉ nguyên liệu A được cộng vào công thức tính vì có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa RCEP. Nguyên liệu B, mặc dù được nhập khẩu từ Trung Quốc cũng là nước thành viên RCEP nhưng không có chứng từ chứng nhận xuất xứ theo RCEP nên sẽ bị coi là nguyên liệu không có xuất xứ như nguyên liệu C nhập khẩu từ Hoa Kỳ và không được cộng gộp vào khi xác định xuất xứ RCEP của sản phẩm X.*

Như vậy, để được hưởng ưu đãi thuế quan của RCEP thì ngay từ khâu nhập nguyên liệu sản xuất, doanh nghiệp cần lấy chứng nhận xuất xứ RCEP cho nguyên liệu thì sau này nguyên liệu đó mới được cộng gộp vào khi xác định xuất xứ RCEP cho hàng hóa.



## Hàng hóa thuộc diện áp dụng khác biệt thuế quan có QTXX gì khác biệt không?

Như đã đề cập tại Câu hỏi 11, đối với trường hợp nước nhập khẩu áp dụng thuế quan khác biệt, và hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục được liệt kê trong Tiểu phụ lục của Biểu thuế quan RCEP của nước nhập khẩu, thì ngoài việc phải đáp ứng QTXX được quy định đối với hàng hóa đó (nêu trong Danh mục PSR của Chương 3 về Quy tắc xuất xứ của RCEP), cần thỏa mãn thêm “QTXX bổ sung” được nêu trong Tiểu phụ lục trên.

### Quy tắc xuất xứ bổ sung

“QTXX bổ sung” được quy định giống nhau giữa các nước có cam kết ưu đãi thuế quan khác biệt. Cụ thể, quy tắc này yêu cầu hàm lượng giá trị của nước xuất khẩu (giá trị nguyên liệu, nhân công, lợi nhuận...) *phải chiếm từ 20% trở lên* trong tổng giá trị của hàng hóa.

“QTXX bổ sung” thường được áp dụng từ năm thứ nhất trở đi (một số ít trường hợp là từ năm thứ 11, năm thứ 20 trở đi...). Tùy sản phẩm và tùy từng nước, thời hạn áp dụng các QTXX bổ sung này có thể là 15 – 20 năm, sau đó sẽ dỡ bỏ (xem chi tiết lộ trình áp dụng QTXX bổ sung của mỗi nước tại Tiểu phụ lục của mỗi nước trong Phụ lục I).

### Mức thuế quan ưu đãi áp dụng

- Trường hợp hàng hóa ĐÁP ỨNG được đồng thời cả 2 điều kiện i) và ii) dưới đây:
  - i) được gia công, chế biến đáng kể tại nước xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa được sản xuất hoàn toàn từ các nguyên liệu có xuất xứ trong khu vực RCEP (tức chỉ các công đoạn gia công chế biến tối thiểu – như được quy định trong Hiệp định - được thực hiện ở các nước thành viên khác, nếu có); và
  - ii) đáp ứng được “QTXX bổ sung” như quy định trong Tiểu phụ lục của Biểu thuế quan của nước nhập khẩu.

Trong trường hợp này, mức thuế quan ưu đãi áp dụng là mức thuế quan mà nước nhập khẩu dành cho nước xuất khẩu trong RCEP.

- Trường hợp hàng hóa KHÔNG đáp ứng được một trong 2 điều kiện i) và ii) nêu trên:

Trong trường hợp này, mức thuế quan ưu đãi áp dụng sẽ là mức thuế quan mà nước nhập khẩu dành cho nước thành viên RCEP có tỷ lệ đóng góp giá trị cao nhất của nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó.

➤ Hàng hóa thuộc diện áp dụng khác biệt thuế quan có QTXX gì khác biệt không?

### Hộp – Ví dụ về xác định QTXX hưởng ưu đãi thuế quan trong trường hợp nước nhập khẩu có cam kết khác biệt về mức thuế quan ưu đãi

Sản phẩm X thuộc diện áp dụng khác biệt thuế quan trong Biểu cam kết thuế quan của Hàn Quốc trong RCEP, với mức thuế quan áp dụng cho ASEAN (trong đó có Việt Nam) thấp hơn so với Trung Quốc.

Một doanh nghiệp Việt Nam sản xuất sản phẩm X để xuất khẩu sang Hàn Quốc. Lô sản phẩm X này được sản xuất từ nguyên liệu A có xuất xứ Việt Nam chiếm 3% giá trị sản phẩm, nguyên liệu B có xuất xứ tại Trung Quốc chiếm 30% giá trị sản phẩm, nguyên liệu không có xuất xứ chiếm 55% giá trị sản phẩm, chi phí phân bổ trực tiếp chiếm 5%, lợi nhuận 10% giá trị sản phẩm. Tiêu chí xuất xứ áp dụng đối với sản phẩm X trong RCEP là RVC 40%.

Lô sản phẩm X này đáp ứng được QTXX RVC 40% của RCEP do RVC của sản phẩm X là: 3% (nguyên liệu Việt Nam) + 30% (nguyên liệu Trung Quốc) + 5% (CP phân bổ trực tiếp) + 10% lợi nhuận = 48%

Như vậy, lô sản phẩm X sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP khi xuất khẩu sang Hàn Quốc.

*Vấn đề là mức thuế quan RCEP ưu đãi áp dụng là mức thuế nào trong số các mức thuế ưu đãi mà Hàn Quốc áp dụng cho ASEAN (trong đó có Việt Nam), cho Trung Quốc, và cho các nước RCEP khác?*

Trường hợp 1. Sản phẩm X không nằm trong danh mục các hàng hóa cần áp dụng “QTXX bổ sung” trong Tiểu phụ lục của Biểu thuế quan của Hàn Quốc:

Theo quy định thì mức thuế quan ưu đãi trong trường hợp này là mức thuế quan mà Hàn Quốc dành cho nước xuất khẩu. Như vậy, lô hàng được xác định mức thuế theo Biểu thuế quan của Hàn Quốc dành cho ASEAN (trong đó có Việt Nam).

Trường hợp 2. Sản phẩm X nằm trong Tiểu phụ lục (danh mục các hàng hóa cần áp dụng “QTXX bổ sung”) của Hàn Quốc:

Khi đó, cần phải xem xét sản phẩm X có đáp ứng được “QTXX bổ sung” – tức hàm lượng giá trị của Việt Nam chiếm từ 20% trở lên hay không.

Ta có Hàm lượng giá trị của Việt Nam trong sản phẩm X là: 3% (nguyên liệu Việt Nam) + 5% (chi phí phân bổ trực tiếp) + 10% lợi nhuận = 18% (nhỏ hơn 20% như yêu cầu của “QTXX bổ sung”).

Như vậy, lô sản phẩm X không đủ điều kiện để được hưởng mức thuế quan ưu đãi mà Hàn Quốc dành cho ASEAN trong RCEP.

Do đó, lô hàng được xác định mức thuế ưu đãi theo Biểu thuế quan mà Hàn Quốc dành cho nước có tỷ lệ đóng góp giá trị nguyên liệu có xuất xứ lớn nhất trong trường hợp này, cụ thể là Biểu cam kết thuế của Hàn Quốc dành cho Trung Quốc (do Trung Quốc có giá trị nguyên liệu chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nguyên liệu có xuất xứ).

## Ngoài các quy định về tiêu chí xuất xứ, doanh nghiệp cần lưu ý vấn đề gì khác về QTXX trong RCEP?



Ngoài việc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí xuất xứ của RCEP, doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần phải lưu ý một số quy định về xuất xứ khác liên quan được nêu cụ thể trong Chương QTXX của RCEP.

Dưới đây là tóm tắt một số vấn đề cần lưu ý khác về QTXX trong RCEP.

### Công đoạn gia công chế biến đơn giản

Đây là quy định phổ biến trong các FTA nhằm hạn chế các trường hợp mà hàng hóa chỉ được gia công, chế biến đơn giản trên các nguyên liệu KHÔNG có xuất xứ rồi xuất đi mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan.

Cụ thể, RCEP quy định kể cả khi đã đáp ứng các tiêu chí xuất xứ PSR, hàng hóa nếu chỉ thực hiện *các công đoạn gia công chế biến đơn giản* như dưới đây đối với các nguyên liệu KHÔNG có xuất xứ thì không được coi là có xuất xứ:

- Các hoạt động bảo quản hàng hóa cho mục đích vận chuyển hoặc lưu kho;
- Đóng gói hoặc trình bày hàng hóa để vận chuyển hoặc bán;
- Các quy trình đơn giản như sàng, sàng lọc, phân loại, mài, cắt, rạch, mài, uốn, cuộn;
- Dán hoặc in các nhãn hiệu, nhãn mác, biểu tượng, dấu hiệu.... trên hàng hóa hoặc bao bì;
- Chi pha loãng với nước hoặc chất khác không làm thay đổi đặc tính của hàng hóa;
- Tháo rời sản phẩm thành các bộ phận;
- Giết động vật (không bao gồm mổ);
- Các hoạt động sơn và đánh bóng đơn giản;
- Bóc, ném hoặc bóc vỏ đơn giản;
- Trộn lẫn hàng hóa đơn giản, có hoặc không khác loại; hoặc
- Bất kỳ sự kết hợp nào của hai hoặc nhiều thao tác được đề cập trong các đoạn trên.

➤ Ngoài các quy định về tiêu chí xuất xứ, doanh nghiệp cần lưu ý vấn đề gì khác về QTXX trong RCEP?

### Nguyên liệu đóng gói và bao bì

Tương tự như các FTA khác của Việt Nam, trong RCEP, xuất xứ nguyên liệu đóng gói và bao bì của hàng hóa có thể bị xem xét hoặc không xem xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa đó, tùy mục đích sử dụng của nguyên liệu đóng gói, bao bì:

- Nếu nguyên liệu đóng gói và bao bì dùng để **vận chuyển**: không cần xem xét đến xuất xứ của các nguyên liệu đóng gói, bao bì này khi xác định xuất xứ của hàng hóa được đóng gói;
- Nếu nguyên liệu đóng gói và bao bì dùng để **bán lẻ** hàng hóa và được phân loại cùng với hàng hóa: không cần xem xét đến xuất xứ các nguyên liệu này trừ trường hợp hàng hóa được xác định xuất xứ theo tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC) – trong trường hợp này nguyên liệu và bao bì phải được tính vào RVC của hàng hóa để xác định hàng hóa có xuất xứ hay không.

### Phụ tùng, phụ kiện, dụng cụ và tài liệu hướng dẫn

Các sản phẩm như máy móc, thiết bị, xe cộ... thường có các phụ tùng, phụ kiện, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn đi kèm để hỗ trợ cho quá trình vận hành hoặc bảo trì. Hầu hết các FTA có điều khoản quy định về xuất xứ của các phụ tùng, phụ kiện... này. Tuy nhiên, mỗi FTA có quy định khác nhau về việc có xem xét hay không xem xét xuất xứ của các phụ tùng, phụ kiện... này.

RCEP quy định hai trường hợp:

- Nếu hàng hóa được xác định xuất xứ theo tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC): **PHẢI** xem xét xuất xứ của phụ tùng, phụ kiện, dụng cụ và tài liệu hướng dẫn;
- Nếu hàng hóa được xác định xuất xứ theo tiêu chí CTC hoặc công đoạn gia công chế biến đặc biệt: **KHÔNG** phải xem xét xuất xứ của phụ tùng, phụ kiện, dụng cụ và tài liệu hướng dẫn.

### Vận chuyển trực tiếp

RCEP cho phép hàng hóa trong quá trình vận chuyển từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu được phép quá cảnh tại một hoặc nhiều nước thứ ba (là thành viên hay không phải là thành viên RCEP) vẫn được giữ nguyên xuất xứ nếu hàng hóa đảm bảo các điều kiện sau:

- Không trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào tại (các) nước trung gian, ngoại trừ các hoạt động logistics như dỡ hàng, bốc hàng, lưu kho... vì mục đích bảo quản hoặc vận chuyển hàng hóa; và
- Được đặt dưới sự giám sát của cơ quan hải quan của (các) nước trung gian.

Đồng thời, nhà nhập khẩu phải xuất trình được các chứng từ hải quan của nước trung gian hoặc các chứng từ theo yêu cầu của hải quan nước nhập khẩu.



## Quy tắc xuất xứ RCEP đối với một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam?



Các quy tắc xuất xứ của RCEP áp dụng cho một số nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được tóm tắt như trong Bảng dưới đây.

**Bảng 6** Quy tắc xuất xứ RCEP đối với một số sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam

Sản phẩm	Quy tắc xuất xứ
Sản phẩm may mặc (Chương 60-63)	Đa số: CC Một số ít sản phẩm: CC hoặc RVC40
Giày dép (Chương 64)	CC/CTH hoặc RVC40
Nhựa (Chương 39)	Các mã HS thuộc Nhóm 3915: CTH Các mã HS còn lại: CTH hoặc RVC 40
Cao su tự nhiên (Phân nhóm 4001.21 và 4001.22)	CC
Hạt điều (Phân nhóm 0801.31 và 0801.32)	CC; hoặc CC hoặc RVC 40
Máy móc, linh kiện điện tử (Chương 84, 85)	CC/CTH/CTSH hoặc RVC 40
Sữa và các chế phẩm từ sữa (Nhóm 0401, 0402, 0403)	CC hoặc RVC 40
Rau củ quả tươi hoặc chế biến (Chương 07, 08, 20)	Rau tươi hoặc sơ chế (Chương 07): WO; hoặc CC Quả tươi hoặc sơ chế (Chương 08): đa số CC, một số ít CC hoặc RVC 40 Rau quả chế biến (Chương 20): đa số CC, một số ít CC hoặc RVC 40
Cà phê và gia vị (Chương 09)	Đa số: CC; hoặc WO Một số ít: RVC 40; hoặc (CC hoặc RVC 40)
Sắn và tinh bột sắn (Chương 11)	CC; hoặc (CC loại trừ từ Chương 10)
Đồ gỗ (Chương 44)	CTH hoặc RVC40

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm nghiên cứu từ Phụ lục 3A Chương 3 Văn kiện RCEP

### Ghi chú

WO: Xuất xứ thuần túy  
CC: Chuyển đổi Chương

CTH: Chuyển đổi Nhóm  
CTSH: Chuyển đổi Phân nhóm  
RVC 40: Hàm lượng giá trị RCEP từ 40% trở lên



## Cơ chế chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong RCEP có gì đặc biệt?

Hiệp định RCEP quy định 03 cơ chế chứng nhận xuất xứ, tương đương với 3 hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như sau:

- Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): C/O được cấp bởi cơ quan, tổ chức cấp của nước thành viên xuất khẩu (còn gọi là cơ chế cấp C/O truyền thống) – hình thức này hiện đang áp dụng ở Việt Nam;
- Tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện: Chỉ nhà xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ hàng hóa của mình, mỗi nước thành viên RCEP được tự xác định các điều kiện mà nhà xuất khẩu phải tuân thủ để được tự chứng nhận xuất xứ.

Trong số các FTA ASEAN và ASEAN+ hiện chỉ có ATIGA (của ASEAN) là áp dụng hình thức này, tuy nhiên việc triển khai trên thực tế không thực sự hiệu quả.

- Tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ: hình thức này cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ có thể tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ hàng hóa.

Đây là hình thức chứng nhận xuất xứ mà các FTA thế hệ mới đều hướng tới. Tuy nhiên, tất cả các nước thành viên RCEP đều có bảo lưu về lộ trình thực hiện hình thức tự chứng nhận xuất xứ này:

- Việt Nam bảo lưu chỉ bắt đầu thực hiện cơ chế này trong vòng 10 năm kể từ ngày RCEP có hiệu lực, và có thể gia hạn thêm tối đa không quá 10 năm nữa;
- Australia, Brunei, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, và Thái Lan cũng có bảo lưu tương tự Việt Nam;
- Campuchia, Lào và Myanmar bảo lưu tối đa 30 năm để thực hiện hình thức chứng nhận này.

Như vậy đối với Việt Nam, trong vòng 10 năm kể từ khi RCEP có hiệu lực, thủ tục chứng nhận xuất xứ RCEP có thể thực hiện song song 2 hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ (bởi cơ quan có thẩm quyền) và tự chứng nhận xuất xứ (đối với nhà xuất khẩu đủ điều kiện). Việc cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ tự chứng nhận xuất xứ sẽ chỉ phải xem xét sau 10 năm có hiệu lực của Hiệp định (và có thể gia hạn thêm 10 năm nữa thành 20 năm).

Hiệp định RCEP cũng quy định rằng trong tương lai các nước thành viên sẽ rà soát để xem xét việc mở rộng hình thức tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho nhà nhập khẩu. Riêng đối với Nhật Bản, ngoài 02 hình thức chứng nhận truyền thống và nhà xuất khẩu tự chứng nhận, nước này có thể áp dụng cả cơ chế nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ ngay khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

➤ Cơ chế chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong RCEP có gì đặc biệt?

### Nhà xuất khẩu đủ điều kiện (approved exporters) tự chứng nhận xuất xứ

RCEP cho phép các nước thành viên tự quy định trong pháp luật nội địa của nước mình thế nào là nhà xuất khẩu đủ điều kiện. Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu có thể cấp chứng nhận “đủ điều kiện” cho nhà xuất khẩu theo bất kỳ tiêu chí nào mà nước này thấy là phù hợp, trong đó có:

- Phải đăng ký theo quy định pháp luật của nước xuất khẩu;
- Có sự hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hóa tại Hiệp định RCEP;
- Có kinh nghiệm xuất khẩu theo quy định pháp luật của nước thành viên xuất khẩu;
- Phải lưu trữ tài liệu xuất khẩu, có hệ thống quản lý rủi ro;
- Trường hợp nhà xuất khẩu là nhà thương mại thì phải có thông tin khai báo xuất xứ từ nhà sản xuất để đảm bảo rằng hàng hóa có xuất xứ và phải sẵn sàng cung cấp thông tin trong trường hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định; và
- Có hệ thống lưu trữ sổ sách tốt và có hệ thống lưu trữ thông tin theo quy định pháp luật của nước thành viên xuất khẩu.



## Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của RCEP như thế nào? Thời điểm cấp và thời hạn hiệu lực của C/O RCEP?

Đối với trường hợp chứng nhận xuất xứ được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (hình thức chứng nhận xuất xứ truyền thống), RCEP có các quy định liên quan như sau:

### C/O mẫu RCEP

RCEP không quy định mẫu Giấy chứng nhận (C/O) mẫu RCEP mà chỉ liệt kê một Danh mục các thông tin tối thiểu cần thể hiện trên C/O.

Mặc dù vậy, theo Hiệp định thì các nước thành viên RCEP sẽ thống nhất sau về một mẫu C/O chung, bằng tiếng Anh, có số tham chiếu cụ thể, có chữ ký và con dấu của cơ quan cấp của nước thành viên xuất khẩu (chữ ký và con dấu này có thể bằng tay hoặc bằng điện tử).

Các thông tin tối thiểu cần được thể hiện trên C/O mẫu RCEP bao gồm:

- Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (nếu biết);
- Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu hoặc người nhận hàng;
- Mô tả hàng hóa và mã HS của sản phẩm (ở cấp độ 6 số);
- Số tham chiếu;
- Tiêu chí xuất xứ hàng hóa;
- Khai báo của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất;
- Khai báo của tổ chức cấp rằng hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của Chương 3 dựa trên các chứng từ với chữ ký và con dấu của tổ chức cấp;
- Xuất xứ RCEP theo quy định tại Điều 2.6 (Khác biệt thuế);
- Thông tin xác nhận lô hàng bao gồm số hóa đơn, ngày khởi hành, tên tàu hoặc số chuyến bay, cảng dỡ hàng;
- Trị giá FOB, nếu áp dụng tiêu chí RVC;
- Số lượng hàng hóa;
- Trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng (back-to-back C/O), ghi số tham chiếu, ngày phát hành, nước xuất xứ RCEP của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu của nước xuất khẩu đầu tiên, và nếu có thể, mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu đủ điều kiện của nước xuất khẩu ban đầu.

➤ Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của RCEP như thế nào? Thời điểm cấp và thời hạn hiệu lực của C/O RCEP?

### Thời điểm cấp và thời hạn hiệu lực của C/O mẫu RCEP

C/O được cấp tại thời điểm xuất khẩu và có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ ngày cấp. Quy định này chặt hơn ATIGA và hầu hết các FTA (các FTA này cho phép C/O được cấp trong vòng 3 ngày kể từ ngày xuất khẩu).

Trường hợp C/O không được cấp tại thời điểm xuất khẩu do sai sót hoặc bỏ quên hoặc có lý do chính đáng khác, hoặc C/O đã phát hành chứa thông tin không chính xác, C/O có thể được cấp sau nhưng không quá một năm kể từ ngày giao hàng. Trong trường hợp này, C/O phải thể hiện dòng chữ "ISSUED RETROACTIVELY".

### Cấp lại C/O mẫu RCEP

Trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng bản gốc C/O mẫu RCEP, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc người đại diện của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có thể đề nghị bằng văn bản đến tổ chức cấp bản sao chứng thực của bản gốc C/O. Bản sao C/O phải được phát hành không quá một năm kể từ ngày phát hành C/O bản gốc, được cấp dựa trên đơn đề nghị cấp C/O bản gốc, có các thông tin về số tham chiếu và ngày phát hành tương tự C/O bản gốc và ghi dòng chữ "CERTIFIED TRUE COPY".



## Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ trong RCEP cần có những thông tin gì?

Trong trường hợp tự chứng nhận xuất xứ (bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc bởi nhà xuất khẩu – nhà sản xuất bất kỳ), RCEP có quy định về chứng từ tự chứng nhận xuất xứ như sau:

Chứng từ tự khai báo xuất xứ có thời hạn hiệu lực 1 năm kể từ ngày phát hành.

Chứng từ tự khai báo xuất xứ cần được thể hiện bằng tiếng Anh, có tên và chữ ký của người khai báo, ngày phát hành chứng từ, và bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (nếu biết);
- Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu hoặc người nhận hàng;
- Mô tả hàng hóa và mã HS của sản phẩm (ở cấp độ 6 số);
- Trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện, ghi mã số của nhà xuất khẩu đủ điều kiện;
- Số tham chiếu;
- Tiêu chí xuất xứ hàng hóa;
- Chứng nhận của người được ủy quyền ký rằng hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ của Hiệp định RCEP;
- Tiêu chí xuất xứ RCEP theo quy định tại Điều 2.6 (Khác biệt thuế);
- Trị giá FOB, nếu áp dụng tiêu chí RVC;
- Số lượng hàng hóa;
- Trường hợp Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng, ghi số tham chiếu, ngày phát hành, nước xuất xứ RCEP của Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu của nước xuất khẩu ban đầu, và nếu có thể, ghi mã số tự chứng nhận của nhà xuất khẩu đủ điều kiện của nước xuất khẩu ban đầu.

## Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng được quy định như thế nào trong RCEP?



Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá giáp lưng là loại chứng từ được cấp bởi một thành viên FTA (nước trung gian) dựa trên thông tin của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá được cấp bởi thành viên xuất khẩu trước đó (gọi là chứng từ gốc), để tiếp tục xuất khẩu hàng hóa sang một nước thành viên khác của cùng FTA.

Do Hiệp định RCEP cho phép áp dụng cả cơ chế cấp C/O truyền thống và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ nên khái niệm về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng (back-to-back Proof of Origin) rộng hơn so với ATIGA hay các FTA ASEAN+.

Cụ thể, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng tại Hiệp định RCEP bao hàm cả C/O giáp lưng và chứng từ tự khai báo xuất xứ giáp lưng. RCEP quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng như sau:

- **Đơn vị phát hành:** Cơ quan, tổ chức cấp của nước xuất khẩu, hoặc Nhà xuất khẩu đủ điều kiện, hoặc Nhà xuất khẩu tại một nước thành viên trung gian;
- **Thời hạn hiệu lực:** Có thời hạn hiệu lực không vượt quá thời hạn hiệu lực của chứng từ chứng nhận xuất xứ bản gốc;
- **Thông tin cần thể hiện:** Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng phải bao gồm các thông tin từ Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu (bao gồm các thông tin tối thiểu theo quy định của RCEP) và ngày cấp, số tham chiếu của Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu;
- **Điều kiện đối với lô hàng tái xuất sử dụng Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng:** không trải qua công đoạn gia công nào tại nước thành viên trung gian, ngoại trừ đóng gói lại hoặc một số hoạt động logistics như dỡ hàng, bốc hàng, lưu kho, chia tách, dán nhãn... để bảo quản hoặc vận chuyển hàng hóa đến nước thành viên nhập khẩu;
- **Điều kiện đối với lô hàng xuất khẩu từng phần:** Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng phải thể hiện số lượng của lô hàng xuất khẩu từng phần, và tổng số lượng của các lô hàng xuất khẩu từng phần không được vượt quá tổng số lượng hàng hóa ghi trên Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu. Quy định về lô hàng xuất khẩu từng phần cho chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng tại RCEP là quy định mới so với Hiệp định ATIGA và các Hiệp định ASEAN+.



## Theo quy định của RCEP, hóa đơn bên thứ ba không phải là thành viên Hiệp định có được chấp nhận không?

---

Thông thường các FTA đều cho phép sử dụng hoá đơn Bên thứ ba là hoá đơn đi kèm theo chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá nhập khẩu nhưng được phát hành bởi một doanh nghiệp ở nước thứ ba không phải nước Xuất khẩu hay nước Nhập khẩu.

Hiệp định RCEP cũng quy định cho phép sử dụng hoá đơn mà không phải do nhà xuất khẩu hay nhà sản xuất của hàng hóa phát hành với điều kiện hàng hóa đó đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ của RCEP.

Lưu ý, danh mục thông tin tối thiểu của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong RCEP không yêu cầu phải thể hiện thông tin về hóa đơn Bên thứ ba (trong khi ATIGA và các FTA ASEAN+ đều quy định về việc thể hiện thông tin trong trường hợp Hóa đơn Bên/Nước thứ ba trên C/O và đánh dấu vào ô Hóa đơn Bên/Nước thứ ba, nếu có). Cũng có khả năng khi các nước thành viên thống nhất mẫu C/O mẫu RCEP có thể đưa thêm nội dung Hóa đơn Bên thứ ba thể hiện trên C/O này.



## Trường hợp nào hàng hóa được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa?



Hàng hóa trong các trường hợp sau đây có thể được nước Nhập khẩu miễn yêu cầu xuất trình chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa với điều kiện rằng việc nhập khẩu không phải là một chuỗi liên tiếp hoặc với mục đích trốn tránh việc tuân thủ quy định để được hưởng ưu đãi thuế quan RCEP:

- Trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu không vượt quá 200 USD hoặc bất kỳ số tiền nào cao hơn mà nước nhập khẩu đồng ý; hoặc
- Hàng hóa thuộc diện được nước nhập khẩu miễn yêu cầu xuất trình chứng từ chứng nhận xuất xứ.



## Quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ trong RCEP được quy định như thế nào?

Do Hiệp định RCEP quy định cả cơ chế cấp C/O truyền thống và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ nên hình thức xác minh xuất xứ có thể là xác minh trực tiếp giữa cơ quan Chính phủ với cơ quan Chính phủ hoặc cơ quan Chính phủ với doanh nghiệp (nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu) (G to B) tùy theo cơ chế chứng nhận xuất xứ mà nước xuất khẩu áp dụng. Tương tự ATIGA và các FTA giữa ASEAN với các đối tác, Hiệp định RCEP cũng quy định cơ chế xác minh hồ sơ/chứng từ và cơ chế xác minh trực tiếp tại cơ sở sản xuất.

Quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ trong RCEP được thực hiện như sau:

*Trường hợp xác minh hồ sơ, chứng từ:*

- 1 Nước nhập khẩu gửi thư đề nghị kèm bản sao chứng từ chứng nhận xuất xứ và lý do yêu cầu xác minh cho đối tượng được yêu cầu xác minh xuất xứ (nhà nhập khẩu/nhà xuất khẩu/nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu);
- 2 Đối tượng được yêu cầu xác minh xuất xứ trả lời yêu cầu xác minh trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày gửi thư đề nghị xác minh;
- 3 Nước nhập khẩu nỗ lực đưa ra quyết định xác minh trong vòng 90 đến 180 ngày kể từ ngày nhận được thông tin cần thiết để đưa ra quyết định;
- 4 Nước nhập khẩu gửi thông báo bằng văn bản về kết quả kiểm tra và lý do dẫn đến kết quả đó đến đối tượng được yêu cầu xác minh.

*Trường hợp xác minh trực tiếp cơ sở sản xuất:*

- 1 Nước nhập khẩu gửi thư đề nghị đến nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất về việc kiểm tra cơ sở sản xuất (cùng mục đích, lịch trình dự kiến và địa điểm kiểm tra), và cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu;
- 2 Nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu xác minh trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thư đề nghị xác minh;
- 3 Nước nhập khẩu nỗ lực đưa ra quyết định xác minh trong vòng 90 đến 180 ngày kể từ ngày nhận được thông tin cần thiết để đưa ra quyết định;
- 4 Nước nhập khẩu gửi thông báo bằng văn bản về kết quả kiểm tra và lý do dẫn đến kết quả đó đến nhà xuất khẩu/nhà sản xuất, và cơ quan có thẩm quyền của nước Xuất khẩu.

## Trường hợp nào hàng hoá bị từ chối cho hưởng ưu đãi vì lý do xuất xứ?



Cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu có quyền từ chối cho hàng hoá của nước thành viên xuất khẩu hưởng ưu đãi thuế quan khi:

- i) hàng hóa không đáp ứng quy định về QTXX của Hiệp định;
- ii) nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa không đáp ứng các quy định về thủ tục về xuất xứ của Hiệp định.

Ngoài ra, một số trường hợp sau đây hàng hoá cũng không được coi là có xuất xứ và bị từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan:

- Cơ quan hải quan của nước nhập khẩu không nhận được các thông tin cần thiết chứng minh hàng hóa có xuất xứ;
- Nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu không phản hồi thư đề nghị xác minh theo quy định; hoặc
- Yêu cầu kiểm tra thực tế bị từ chối.

Nếu cơ quan hải quan của nước nhập khẩu từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan thì phải đưa ra quyết định bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Để tránh nguy cơ bị từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan theo RCEP, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý những điểm sau:

- Hợp tác chặt chẽ với cơ quan hải quan nước nhập khẩu cũng như cơ quan, tổ chức cấp C/O trong nước khi nhận được yêu cầu xác minh để cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu trong thời gian quy định;
- Có hệ thống lưu trữ thông tin, chứng từ tốt để thuận tiện cho việc truy cập, trích xuất hay tìm thông tin khi có yêu cầu xác minh. Theo yêu cầu của RCEP thì nhà sản xuất/xuất khẩu phải lưu trữ hồ sơ ít nhất là 3 năm kể từ ngày phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá;
- Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về quy tắc xuất xứ của Hiệp định để giảm thiểu nguy cơ bị xác minh.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp phi thuế quan?

Trong thương mại quốc tế, các biện pháp phi thuế quan (non-tariff measures, viết tắt là NTM) tại biên giới thường được hiểu là bất kỳ biện pháp nào được áp dụng bởi một nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu làm ảnh hưởng tới dòng lưu chuyển qua biên giới lãnh thổ của các hàng hóa này mà không phải là thuế quan.

Liên quan tới NTM, theo cam kết của RCEP, các thành viên không được phép ban hành hay áp dụng bất kỳ biện pháp phi thuế quan nào đối với hàng hóa xuất - nhập khẩu trong nội bộ RCEP ngoại trừ các biện pháp được phép theo WTO và Hiệp định này.

Đối với các NTM được phép áp dụng, các thành viên RCEP phải bảo đảm:

- Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về trình tự, thủ tục, phạm vi, mức độ như quy định trong cam kết liên quan;
- Minh bạch hóa tất cả các NTM của mình;
- Không được áp dụng NTM nhằm hoặc dẫn tới việc tạo ra cản trở thương mại quá mức cần thiết.

RCEP cũng quy định về một cơ chế tham vấn kỹ thuật giữa các nước thành viên nhằm thúc đẩy việc xử lý nhanh chóng và hiệu quả các vấn đề phát sinh giữa các thành viên liên quan tới các NTM. Cơ chế này khởi động khi một nước cho rằng một biện pháp NTM của một nước thành viên khác ảnh hưởng bất lợi tới mình và đưa ra yêu cầu bằng văn bản về việc tham vấn kỹ thuật cho NTM này. Nước nhận được yêu cầu có nghĩa vụ phải phản hồi trong vòng 60 ngày sau đó, nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng trong vòng 180 ngày. Đối với hàng hóa đặc biệt (dễ bị hư hỏng, bối cảnh khẩn cấp), thời gian tham vấn để tìm giải pháp có thể ngắn hơn.

Sau đây là một số yêu cầu đáng chú ý trong RCEP liên quan tới việc áp dụng một số NTM điển hình.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp phi thuế quan?

### Về các biện pháp hạn chế định lượng

Các biện pháp hạn chế định lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thường được thể hiện dưới dạng các lệnh hay quy định cấm xuất/nhập khẩu, hạn chế xuất/nhập khẩu thông qua hạn ngạch xuất/nhập khẩu, các yêu cầu về giấy phép xuất/nhập khẩu không tự động...

RCEP yêu cầu các nước thành viên:

- Chỉ được áp dụng các biện pháp hạn chế định lượng cho các loại hàng hóa, theo các mức độ như cam kết của nước đó trong WTO;
- Khi áp dụng các biện pháp hạn chế định lượng phải thông báo cho các Bên khác về nội dung biện pháp áp dụng, lý do áp dụng, thời hạn áp dụng dự kiến; hoặc ít nhất là công khai các biện pháp này.

### Về thủ tục cấp phép nhập khẩu

Trong WTO, thủ tục cấp phép nhập khẩu bao gồm 02 loại, gồm cấp phép nhập khẩu tự động và cấp phép nhập khẩu không tự động. Với loại "tự động", yêu cầu của WTO khá nới lỏng, chủ yếu chỉ đòi hỏi tính minh bạch, trong khi với loại "không tự động", nước áp dụng sẽ phải tuân thủ nhiều điều kiện ràng buộc, ví dụ về loại hàng hóa có thể áp dụng, về cách thức áp dụng...

RCEP nhấn mạnh việc tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của WTO về thủ tục cấp phép nhập khẩu, cả tự động và không tự động, đồng thời đưa ra một số yêu cầu bổ sung để nâng tính minh bạch của các thủ tục này, trong đó đáng chú ý có:

- Trừ khi thực hiện thông báo theo WTO, nước thành viên áp dụng thủ tục cấp phép nhập khẩu mới hoặc sửa đổi thủ tục đang có phải thông báo cho các thành viên khác về thay đổi này (với các yêu cầu cụ thể về nội dung, thời hạn thông báo), phải công bố công khai thủ tục mới trên website chính thức;
- Nước nhập khẩu phải công bố công khai để Chính phủ các nước và các chủ thể kinh doanh biết về các cơ sở, căn cứ cấp các giấy phép nhập khẩu; Nếu một nước có yêu cầu, nước nhập khẩu áp dụng thủ tục cấp phép nhập khẩu phải trả lời tất cả các câu hỏi về tiêu chí cấp/từ chối cấp phép trong vòng 60 ngày;
- Nước nhập khẩu không được từ chối cấp phép nhập khẩu chỉ vì các lỗi kỹ thuật nhỏ (lỗi định dạng, lỗi chính tả rõ ràng...) và nếu từ chối cấp phép thì phải trả lời về lý do từ chối khi được yêu cầu.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp phi thuế quan?

### Về thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự

Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự là thủ tục xác nhận/phê duyệt của cơ quan đại diện nước nhập khẩu cho các giấy tờ, chứng từ phát hành tại nước xuất khẩu dùng để làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu. Thủ tục này hiện còn áp dụng bởi nhiều nước (trong đó có Việt Nam), và trong nhiều trường hợp được cho là không hợp lý, gây tốn kém thời gian, chi phí về nhân lực và tiền bạc (với các loại phí, lệ phí áp dụng khi hợp pháp hóa) một cách không cần thiết.

Liên quan tới thủ tục này, RCEP quy định các thành viên phải hủy bỏ hoàn toàn các yêu cầu về thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự đối với các loại giấy tờ này. Cam kết này áp dụng ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa, các biện pháp phi thuế (NTM) mặc dù không trực tiếp ảnh hưởng tới giá cả hàng hóa nhưng có tác động lớn tới luồng lưu chuyển hàng hóa qua biên giới. Trong không ít các trường hợp, các NTM có thể khiến doanh nghiệp không thể xuất nhập khẩu, và/hoặc tốn kém rất nhiều chi phí thời gian, tiền bạc, nhân lực cho việc xuất/nhập khẩu.

Mặc dù không có nhiều cam kết mới theo hướng hạn chế các nước thành viên áp dụng các NTM nhưng đặt ra nhiều yêu cầu nhằm minh bạch hóa các NTM, qua đó giúp việc tìm hiểu và thực hiện của doanh nghiệp thuận lợi, nhanh chóng hơn. Đặc biệt, cam kết loại bỏ thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ thương mại được đánh giá là rất có lợi cho doanh nghiệp.

Về các NTM hiện đang áp dụng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước RCEP, doanh nghiệp có thể tra cứu Công cụ MacMap - Bản đồ Tiếp cận thị trường của ITC tại địa chỉ [www.macmap.org](http://www.macmap.org) hoặc Công cụ tra cứu trên trang TRAINS Portal của Hội nghị của Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) tại địa chỉ: <https://trainsonline.unctad.org/home>.

## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi thương mại?



Các cam kết RCEP về hải quan và tạo thuận lợi thương mại cơ bản được thiết kế theo hướng thúc đẩy tính nhất quán, có thể dự đoán trước và minh bạch, đồng thời tăng cường hiệu quả các thủ tục hải quan, rút ngắn thời gian giải phóng hàng.

Về *minh bạch*, RCEP yêu cầu các nước phải công bố (khuyến khích công bố trên mạng Internet) các thông tin về:

- Các thủ tục hải quan (xuất nhập khẩu, quá cảnh...) và các tài liệu, biểu mẫu kèm theo
- Các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến xuất nhập khẩu
- Quy tắc phân loại, định giá hàng hóa
- Các quy định, hướng dẫn về quy tắc xuất xứ
- Các biện pháp hạn chế/cấm xuất nhập khẩu
- Các quy định về phạt vi phạm, thủ tục khiếu nại, khiếu kiện

RCEP cũng yêu cầu các nước thành viên phải có đầu mối để trả lời, tư vấn về các vấn đề hải quan và để cung cấp các biểu mẫu, tài liệu bắt buộc trong thủ tục hải quan.

*Liên quan tới các thủ tục hải quan*, RCEP đòi hỏi các thủ tục này ở mỗi nước đều phải được thực hiện nhất quán trên toàn lãnh thổ, có thể dự đoán trước, bảo đảm thông quan nhanh chóng, đơn giản hóa và phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ của Tổ chức hải quan thế giới trong phạm vi thích hợp.

RCEP cũng đưa ra một số yêu cầu chi tiết liên quan tới các thủ tục hải quan đáng chú ý như:

- Phải thực hiện việc xác định trước về phân loại HS, xuất xứ, trị giá theo yêu cầu của doanh nghiệp (với các cam kết cụ thể các điều kiện, giấy tờ, thời hạn... thực hiện xác định trước);
- Phải cho phép nộp các chứng từ trước khi hàng đến để đẩy nhanh tiến độ xử lý, kể cả dưới dạng điện tử nếu phù hợp;
- Nỗ lực giải phóng hàng trong vòng 48 tiếng kể từ khi hàng đến và xuất trình đầy đủ hồ sơ (6 tiếng đối với hàng chuyển phát nhanh hoặc hàng dễ bị hư hỏng);
- Nỗ lực áp dụng công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động hải quan theo tiêu chuẩn quốc tế chung nhằm giải phóng hàng nhanh, quản lý rủi ro tự động, chấp nhận các tài liệu gửi đến và thông báo gửi đi dạng điện tử;

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi thương mại?

- Phải áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp ưu tiên (ví dụ giảm số lượng dữ liệu/tài liệu phải cung cấp, tỷ lệ kiểm tra thấp, thời gian giải phóng hàng ngắn, cho phép chậm nộp thuế, phí...); các tiêu chí để xác định doanh nghiệp ưu tiên phải gắn với nguy cơ rủi ro tuân thủ, không phân biệt đối xử và thân thiện với SME;
- Phải áp dụng hệ thống quản lý rủi ro dựa trên việc đánh giá rủi ro theo các tiêu chí phù hợp, không phân biệt đối xử tùy tiện, hạn chế thương mại trá hình; tập trung kiểm soát các lô hàng có mức độ rủi ro cao và giải phóng nhanh các trường hợp rủi ro thấp, kiểm soát ngẫu nhiên các lô hàng;
- Phải có cơ chế kiểm tra sau thông quan; đối tượng (người, lô hàng) kiểm tra sau thông quan được xác định theo các tiêu chí quản lý rủi ro phù hợp; minh bạch kết quả kiểm tra...

RCEP có một Phụ lục để xác định lộ trình thực hiện một số cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại riêng cho từng nước thành viên phù hợp với trình độ phát triển và hiện trạng quản lý của mỗi nước.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Về cơ bản, các cam kết về minh bạch hóa thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong RCEP không khác biệt nhiều so với các quy định của Hiệp định hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong WTO.

RCEP cũng có một số cam kết mới đáng chú ý, theo hướng chi tiết và minh bạch từng thủ tục hải quan cụ thể. Tuy nhiên các cam kết này không vượt quá mức cam kết trong các FTA gần đây của Việt Nam (như CPTPP, EVFTA) và phần lớn mang tính khuyến nghị (mà việc áp dụng sẽ tùy bối cảnh, năng lực, cân nhắc của nước thành viên).

Do đó, dự kiến RCEP sẽ không tạo sức ép thay đổi gì đáng kể về các thủ tục hải quan ở Việt Nam. Mặc dù vậy, các cam kết RCEP có thể rất có ý nghĩa với doanh nghiệp khi chúng được thực hiện tại các nước RCEP, nơi vẫn đang áp dụng các chuẩn hải quan và tạo thuận lợi ở mức thấp.



## Cam kết về các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch (SPS) của RCEP có gì đáng chú ý?



Biện pháp vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm (gọi tắt là SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm bảo vệ tính mạng, sức khoẻ của con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc bảo đảm an toàn thực phẩm và/hoặc ngăn chặn sự xâm nhập của các dịch bệnh có nguồn gốc từ động thực vật. Ví dụ các quy định về lượng thuốc sâu trong thực phẩm hoặc trong thức ăn gia súc, về hun trùng, yêu cầu tẩy uế tránh lây lan dịch bệnh... WTO có một Hiệp định riêng về SPS với các nguyên tắc liên quan tới quy trình và cách thức áp dụng các biện pháp SPS.

Chương các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật (gọi chung là các biện pháp SPS) của RCEP nhấn mạnh nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc của WTO về SPS (trong Hiệp định về các biện pháp SPS của WTO) đồng thời bổ sung một số cam kết cụ thể.

Về công nhận tương đương, RCEP có một số yêu cầu đáng chú ý:

- Nước nhập khẩu phải công nhận một biện pháp SPS của nước xuất khẩu là tương đương nếu nước xuất khẩu chứng minh được rằng biện pháp này của mình đạt được mức bảo vệ an toàn tương đương hoặc đạt được hiệu quả tương đương với biện pháp của nước nhập khẩu;
- Khi xem xét công nhận tương đương, nước nhập khẩu phải cân nhắc hợp lý đến bối cảnh của nước xuất khẩu (về kiến thức, thông tin, kinh nghiệm, năng lực quản lý);
- Nước nhập khẩu phải tham vấn thiện chí về việc công nhận tương đương (cho một biện pháp SPS đơn lẻ hoặc một nhóm/hệ thống các biện pháp SPSP) khi nước xuất khẩu có yêu cầu; Nước xuất khẩu có yêu cầu phải thực hiện một số nghĩa vụ để tạo điều kiện cho nước nhập khẩu xem xét việc công nhận tương đương (ví dụ phải cho phép nước nhập khẩu tiếp cận để kiểm tra, thử nghiệm; phải giải thích căn cứ, mục tiêu, rủi ro của các biện pháp SPS)... Chú ý, quá trình xem xét công nhận tương đương không phải lý do để đình chỉ hoạt động nhập khẩu đối với các sản phẩm liên quan.

➤ Cam kết về các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch (SPS) trong RCEP có gì đáng chú ý?

*Về việc công nhận các khu vực phi dịch bệnh, khu vực dịch hại để phân loại quản lý SPS đối với hàng nhập khẩu, nước nhập khẩu có một số nghĩa vụ đáng chú ý:*

- Bảo đảm việc công nhận từng loại khu vực một cách minh bạch, dựa trên các quyết định liên quan của Ủy ban SPS của WTO, các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế;
- Cần giải thích kịp thời cho nước xuất khẩu về các quy trình, kế hoạch liên quan đến việc xem xét công nhận các khu vực, nếu được yêu cầu;
- Phải thông báo cho nước xuất khẩu về tiến trình xem xét công nhận; khi có quyết định công nhận các khu vực của nước xuất khẩu thì thông báo bằng văn bản quyết định đó, đồng thời phải áp dụng quyết định này ổn định trong một khoảng thời gian hợp lý (tức là không thay đổi quá nhanh);
- Trường hợp từ chối công nhận thì cần giải trình lý do không công nhận nếu nước xuất khẩu trước đó đã phối hợp cung cấp bằng chứng cần thiết cho việc xem xét công nhận.

*Khi phân tích rủi ro SPS, nước nhập khẩu phải:*

- Bảo đảm các yêu cầu về minh bạch (quá trình phân tích rủi ro được lập thành văn bản, cho các bên liên quan cơ hội bình luận; thông báo cho nước xuất khẩu về tiến độ việc phân tích rủi ro nếu được yêu cầu);
- Cân nhắc các phương án quản lý rủi ro nhằm bảo đảm mức độ bảo vệ hợp lý mà không hạn chế thương mại quá mức cần thiết, có tính đến tính khả thi về kinh tế và kỹ thuật;
- Trừ biện pháp khẩn cấp, không được ngừng nhập khẩu hàng hóa nước thành viên RCEP chỉ vì lý do đang rà soát lại một biện pháp SPS nếu tại thời điểm bắt đầu rà soát vẫn cho phép nhập khẩu hàng hóa từ nước thành viên khác.

RCEP cũng có cam kết về các vấn đề khác như việc áp dụng các giấy chứng nhận về SPS, thủ tục kiểm tra SPS đối với hàng nhập khẩu, minh bạch và tham vấn trong quá trình xây dựng mới hoặc điều chỉnh các biện pháp SPS, hợp tác và tham vấn kỹ thuật để giải quyết các vướng mắc về SPS.

Lưu ý là các tranh chấp trong quá trình thực thi Chương SPS sẽ không được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp chung của RCEP (tại Chương 19).

➤ Cam kết về các biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch (SPS) trong RCEP có gì đáng chú ý?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các biện pháp SPS có tác động trực tiếp và bao trùm hầu như tất cả hoạt động xuất nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ động, thực vật (chủ yếu là thực phẩm, nông thủy sản...) của doanh nghiệp.

Các cam kết RCEP về SPS chủ yếu liên quan tới nghĩa vụ của Chính phủ các nước thành viên trong việc áp dụng, hợp tác, công nhận lẫn nhau về các biện pháp SPS. Doanh nghiệp không tham gia vào các quá trình này, do đó không chịu tác động trực tiếp.

Mặc dù vậy, việc thực hiện các cam kết trong Chương SPS của RCEP được kỳ vọng sẽ giúp minh bạch hóa, gia tăng tính ổn định và khả năng dự đoán trước của các biện pháp SPS mà các nước RCEP áp dụng, từ đó giúp doanh nghiệp nhận biết và tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm thuận lợi, nhanh chóng và ít tốn kém hơn.



## Cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của RCEP có gì đáng chú ý?

Trong thương mại quốc tế, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (technical barriers to trade, gọi tắt là TBT) là các biện pháp mà một nước áp dụng liên quan tới yếu tố kỹ thuật của hàng hóa. Các TBT được phân thành 03 nhóm: các quy chuẩn kỹ thuật (technical regulations – nhóm các yêu cầu TBT bắt buộc thực hiện), tiêu chuẩn (standard – nhóm các yêu cầu TBT tự nguyện) và quy trình đánh giá sự phù hợp (conformity assessment procedures).

Mỗi nước đều có hệ thống các TBT của mình, được ban hành nhằm nhiều mục đích quản lý khác nhau (ví dụ bảo đảm tính mạng, sức khỏe của người sử dụng, thông tin đầy đủ cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường...). Từ các yêu cầu như cách thức ghi nhãn sản phẩm, đến các quy chuẩn tối thiểu/tối đa về chất lượng, công năng, mức độ an toàn... của sản phẩm đều là các TBT. Theo quy định của WTO, các biện pháp TBT phải được áp dụng như nhau với hàng hóa, không phụ thuộc đó là hàng nhập khẩu hay hàng sản xuất nội địa.

Trong thương mại quốc tế, các TBT khắt khe của nước nhập khẩu có thể khiến hàng nước ngoài không thể nhập khẩu, vì thế đôi khi bị lạm dụng để bảo hộ hàng hóa nội địa trước hàng hóa nhập khẩu. WTO có một Hiệp định riêng về TBT, với các quy định nhằm bảo đảm các nước duy trì hệ thống TBT minh bạch, hợp lý và không tạo ra rào cản trá hình.

Chương về TBT của RCEP liệt kê đủ cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trong tên gọi (viết tắt là STRACAP). Chương STRACAP nhấn mạnh việc tuân thủ các nguyên tắc trong Hiệp định TBT của WTO, đồng thời cũng quy định về một số vấn đề cụ thể.

Về các tiêu chuẩn, RCEP quy định các tiêu chuẩn quốc gia cần được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế liên quan phù hợp với Phụ lục 3 Hiệp định TBT của WTO. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng khác với tiêu chuẩn quốc tế sẵn có về cùng vấn đề, cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn đó cần bảo đảm rằng sự khác biệt không nhằm/dẫn tới hệ quả gây cản trở không cần thiết với hoạt động thương mại.

➤ Cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của RCEP có gì đáng chú ý?

Về các quy chuẩn kỹ thuật, RCEP đặt ra cho các nước thành viên một số yêu cầu đáng chú ý sau:

- Phải áp dụng nhất quán, thống nhất các quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi toàn lãnh thổ;
- Các quy chuẩn áp dụng được xây dựng dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp, nếu có khác biệt với tiêu chuẩn quốc tế thì phải giải trình lý do khi được yêu cầu;
- Dành khoảng thời gian ít nhất là 6 tháng từ khi ban hành quy chuẩn mới tới khi chính thức áp dụng để chủ thể đủ thời gian điều chỉnh sản xuất/sản phẩm tương ứng trừ trường hợp đặc biệt;
- Xem xét một cách tích cực việc công nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật của nước thành viên khác kể cả khi các quy chuẩn này khác so với quy chuẩn của mình miễn là đáp ứng mục tiêu đặt ra; trường hợp từ chối không nhận tương đương thì cần giải thích lý do từ chối nếu được yêu cầu.

Về các thủ tục đánh giá sự phù hợp, RCEP yêu cầu:

- Việc sử dụng các thủ tục đánh giá sự phù hợp cần căn cứ vào các thủ tục quốc tế liên quan và chỉ chấp nhận các khác biệt vì một số lý do giới hạn được liệt kê (an ninh quốc gia, chống gian lận, đặc thù về khí hậu, địa lý, công nghệ, cơ sở hạ tầng...);
- Khi có thể, cần chấp nhận các kết quả đánh giá sự phù hợp của nước thành viên khác, kể cả nếu quy trình đánh giá khác với mình, trừ khi quy trình đó không đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho quy trình tương ứng của mình; khuyến khích hợp tác, trao đổi thông tin để thúc đẩy việc công nhận các kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau.

Trong tất cả các khía cạnh, RCEP nhấn mạnh các yêu cầu về minh bạch về các biện pháp TBT (đặc biệt là trong thông báo biện pháp TBT mới/sửa đổi, tham vấn khi dự thảo biện pháp TBT mới/sửa đổi, thông tin rõ về lý do thực hiện các biện pháp tại biên giới do không đáp ứng TBT...).

Cũng như Chương SPS, các tranh chấp trong quá trình thực thi Chương STRACAP sẽ không được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp chung của RCEP (tại Chương 19).



➤ Cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của RCEP có gì đáng chú ý?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Trong cơ bản, các cam kết về TBT của RCEP không cản trở quyền của các nước thành viên trong việc ban hành, duy trì, áp dụng các biện pháp TBT mà mình cho là cần thiết miễn là tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản về minh bạch, có căn cứ khoa học, và không cản trở quá mức thương mại.

Do đó, doanh nghiệp không thể kỳ vọng sau RCEP, các nước thành viên nhập khẩu sẽ giảm bớt số lượng hay mức độ nghiêm khắc của các biện pháp TBT áp dụng đối với hàng hóa của mình. Tuy nhiên, với các quy định của RCEP về việc công nhận tương đương các biện pháp TBT của nhau, doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ việc các nước nhập khẩu công nhận các biện pháp TBT của Việt Nam mà hàng hóa của mình đã đáp ứng, từ đó tiết giảm được các chi phí cho kiểm tra, xác nhận lại các tiêu chuẩn TBT.

## RCEP có cam kết gì về phòng vệ thương mại?



Trong thương mại quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại là tên gọi chung để chỉ các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ mà nước nhập khẩu áp dụng với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu. WTO cho phép các nước được áp dụng các biện pháp này nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc, điều kiện, yêu cầu cụ thể về nội dung cũng như quy trình, thủ tục nêu trong các Hiệp định tương ứng của WTO (gồm Hiệp định về chống bán phá giá – ADA, Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng – SCM, và Hiệp định về tự vệ - SG).

RCEP một mặt nhấn mạnh yêu cầu các thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định của WTO về 03 biện pháp phòng vệ thương mại hiện có, mặt khác có thêm một số cam kết mới về:

- Các yêu cầu bổ sung đối với các biện pháp phòng vệ thương mại theo WTO;
- Biện pháp phòng vệ mới riêng của RCEP (Biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP);
- Phụ lục về các thực tiễn tốt trong điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý:

### Về biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp

So với WTO, RCEP bổ sung thêm một số yêu cầu chi tiết trong thủ tục điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó đáng chú ý có các yêu cầu:

- Phải cho phép các bên liên quan được tiếp cận hồ sơ vụ việc (bản công khai) dạng bản giấy (các bên liên quan có thể đến đọc và sao chép trong giờ hành chính) hoặc bản điện tử;
- Không được sử dụng phương pháp “quy về 0” khi tính toán biên độ phá giá (“quy về 0” là phương pháp tính biên độ phá giá tổng hợp mà tất cả các kết quả biên độ phá giá riêng lẻ của từng giao dịch có giá trị âm sẽ bị quy về giá trị 0 thay vì được tính đúng giá trị âm (“-”). Trong tính toán biên độ phá giá chung, đây là phương pháp gây thiệt hại cho bị đơn, bởi chỉ cần bị đơn có 1 giao dịch bán phá giá – biên độ dương – thì trong tổng thể sẽ coi là có phá giá, trong khi có thể bị đơn có rất nhiều giao dịch khác không phá giá – biên độ âm);
- Phải công bố bằng văn bản các dữ kiện trọng yếu được sử dụng để ra quyết định cuối cùng về kết quả vụ việc trước ít nhất 10 ngày và đủ để các bên có thể đưa ra ý kiến bình luận.

➤ RCEP có cam kết gì về phòng vệ thương mại?

Điểm đặc biệt trong cam kết về chống bán phá giá và chống trợ cấp của RCEP là ngoài các cam kết lời văn trong Văn kiện, RCEP còn có thêm một Phụ lục (Phụ lục 7A) về các Thực tiễn tốt trong điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp. Phụ lục này đưa ra cách giải quyết một số vấn đề bất cập hay mắc phải trong quá trình điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, ví dụ các lỗi/thiếu sót trong bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra, về nội dung nên có trong các bản thông báo công khai về vụ việc của cơ quan điều tra, về việc áp dụng cam kết giá. Các nước thành viên RCEP được khuyến nghị thực hiện theo các thực tiễn tốt này.

Đáng chú ý là các tranh chấp trong quá trình thực thi các cam kết về chống bán phá giá, chống trợ cấp nói trên (quy định tại Mục B Chương 7 và Phụ lục 7-A) sẽ không được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp chung của RCEP (tại Chương 19).

### Về biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp

Trong WTO, biện pháp tự vệ là các biện pháp hạn chế nhập khẩu mà một nước áp dụng để bảo vệ tạm thời ngành sản xuất nội địa trước sức ép của hàng nhập khẩu từ nước ngoài. Biện pháp tự vệ theo WTO một khi áp dụng sẽ không phân biệt nguồn nhập khẩu từ đâu (do đó còn gọi là biện pháp tự vệ toàn cầu).

Tuy nhiên, tương tự một số FTA gần đây (như CPTPP, EVFTA), RCEP có quy định về biện pháp tự vệ riêng chỉ áp dụng trong khuôn khổ RCEP. Các biện pháp tự vệ riêng này chỉ áp dụng trong một giai đoạn nhất định, với mục tiêu hạn chế các tác động bất lợi, nếu có, từ việc thực thi cam kết ưu đãi thuế quan theo RCEP (giai đoạn chuyển tiếp). Vì vậy, biện pháp này được gọi là “Biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP”.

- *Về phạm vi:* Biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP chỉ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ một hoặc các đối tác RCEP mà không áp dụng chung cho tất cả các nguồn nhập khẩu như biện pháp tự vệ trong WTO; không áp dụng biện pháp này với nước thành viên RCEP diện nước kém phát triển nhất.
- *Về giai đoạn chuyển tiếp:* Biện pháp tự vệ chuyển tiếp chỉ có thể được áp dụng với một loại hàng hóa trong khoảng thời gian từ khi Hiệp định có hiệu lực cho tới năm thứ 8 kể từ ngày hoàn thành lộ trình loại bỏ/cắt giảm thuế quan cam kết trong RCEP với loại hàng hóa liên quan (có thể được Ủy ban hỗn hợp RCEP xem xét gia hạn theo các điều kiện cụ thể).

Trong so sánh với các FTA khác thì giai đoạn chuyển tiếp trong RCEP dài hơn và linh hoạt hơn đáng kể, do thời hạn được tính từ thời điểm kết thúc lộ trình ưu đãi thuế quan của dòng thuế liên quan (thay vì được tính thống nhất từ thời điểm Hiệp định có hiệu lực như các FTA khác).

- *Về thủ tục điều tra:* RCEP quy định biện pháp tự vệ chuyển tiếp chỉ có thể áp dụng sau khi nước nhập khẩu đã tiến hành điều tra tự vệ theo đúng các thủ tục như quy định tại Hiệp định tự vệ của WTO, đồng thời có bổ sung thêm một số yêu cầu về việc thông báo và tham vấn cụ thể với đối tác RCEP có hàng hóa bị điều tra.



➤ RCEP có cam kết gì về phòng vệ thương mại?

- **Điều kiện áp dụng:** Biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP chỉ áp dụng nếu kết quả điều tra cho thấy việc nhập khẩu hàng hóa được ưu đãi thuế quan RCEP từ một hoặc các đối tác RCEP tăng tuyệt đối hoặc tương đối, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng trong ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu.

RCEP quy định nước nhập khẩu không được đồng thời áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP và biện pháp tự vệ toàn cầu đối với cùng loại hàng hóa.

- **Về loại biện pháp được áp dụng:** Khi kết luận đủ các điều kiện để thực hiện biện pháp tự vệ chuyển tiếp RCEP, nước nhập khẩu có thể áp dụng một trong 2 biện pháp sau (i) Ngừng cắt giảm thuế theo cam kết RCEP, hoặc (ii) Tăng thuế nhập khẩu lên mức thuế MFN nào thấp hơn trong 2 mức sau: mức thuế MFN đang áp dụng tại thời điểm thực hiện biện pháp tự vệ chuyển tiếp, và mức thuế MFN áp dụng tại thời điểm RCEP có hiệu lực. Nước nhập khẩu không được áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan hay hạn chế định lượng.

Với một số điều kiện nhất định, RCEP cho phép nước nhập khẩu được áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời ngay trong quá trình điều tra (khi chưa có kết luận điều tra cuối cùng).

- **Về thời gian áp dụng biện pháp:** Không quá 3 năm, có thể gia hạn thêm tối đa 1 năm với điều kiện tổng thời gian áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp (bao gồm cả biện pháp tạm thời và chính thức) không quá 4 năm (5 năm nếu nước nhập khẩu là nước kém phát triển) và phải trong giai đoạn chuyển tiếp; sau năm đầu tiên áp dụng, biện pháp tự vệ phải được nói lỏng dần (giảm mức độ).
- **Về bồi thường:** Nước nhập khẩu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp có thể phải bồi thường cho nước xuất khẩu bị ảnh hưởng nếu được yêu cầu, mức bồi thường và cách thức bồi thường xác định trên cơ sở tham vấn.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cam kết RCEP về phòng vệ thương mại có một số điểm mới được đánh giá là có lợi cho doanh nghiệp:

- Việc không áp dụng phương pháp “quy về 0” trong điều tra chống bán phá giá giúp giảm biên độ phá giá tổng hợp trong trường hợp doanh nghiệp có cả giao dịch phá giá và giao dịch không phá giá, qua đó mang lại kết quả công bằng và có lợi hơn cho doanh nghiệp bị điều tra chống bán phá giá;
- Các hướng dẫn về thông lệ tốt trong điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp giúp quá trình điều tra minh bạch, từ đó mang lại lợi ích cho doanh nghiệp tham gia;
- Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp là công cụ có ý nghĩa có thể bảo vệ tạm thời doanh nghiệp trước cú sốc hàng nhập khẩu do ưu đãi thuế quan RCEP, nếu xảy ra.

Do đó, doanh nghiệp nếu rơi vào các tình huống liên quan cần chú ý để tận dụng các cam kết này, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi xuất nhập khẩu trong khuôn khổ RCEP.





# 3

CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

## THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ





38

## Cam kết về thương mại dịch vụ của RCEP bao trùm các lĩnh vực, phương thức cung cấp thương mại dịch vụ nào?

Trong Văn kiện RCEP, các cam kết về thương mại dịch vụ được quy định tại:

- Chương 8 về thương mại dịch vụ: bao gồm Lời văn Chương 8 với các cam kết về nguyên tắc ứng xử về thương mại dịch vụ và 03 Phụ lục về một số nhóm dịch vụ có cam kết đặc thù bổ sung (gồm Phụ lục 8A về dịch vụ tài chính, Phụ lục 8B về dịch vụ viễn thông và Phụ lục 8C về các dịch vụ chuyên môn);
- Chương 9 của RCEP về di chuyển thể nhân: Nhiều cam kết trong Chương này gắn với thương mại dịch vụ, liên quan tới việc nhập cảnh của các cá nhân trong RCEP vào thị trường của nhau để cung cấp dịch vụ và/hoặc thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ;
- Phụ lục II về Biểu cam kết cụ thể về mở cửa thị trường dịch vụ (của 08 nước thành viên), trong đó liệt kê các mức độ mở cửa với từng ngành, phân ngành dịch vụ nước thành viên cam kết;
- Phụ lục III về Danh mục các biện pháp không tương thích (phần về dịch vụ, của 07 nước thành viên), trong đó liệt kê các ngành, phân ngành dịch vụ nước thành viên có bảo lưu về mức độ mở cửa.

Về các phương thức cung cấp dịch vụ, tương tự WTO, các cam kết RCEP về thương mại dịch vụ bao trùm cả 04 phương thức cung cấp dịch vụ sau:

- Cung cấp dịch vụ từ lãnh thổ của nước thành viên này sang lãnh thổ của nước thành viên khác (phương thức 1 – cung cấp dịch vụ qua biên giới);
- Cung cấp dịch vụ tại lãnh thổ của một nước thành viên cho khách hàng của nước thành viên khác (phương thức 2 – tiêu dùng ở nước ngoài);
- Cung cấp dịch vụ thông qua việc thành lập hiện diện thương mại (doanh nghiệp, văn phòng đại diện, chi nhánh...) của nhà cung cấp dịch vụ nước thành viên này trên lãnh thổ nước thành viên khác (phương thức 3 – hiện diện thương mại);
- Cung cấp dịch vụ thông qua việc nhân sự của nhà cung cấp dịch vụ nước này đến và cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên lãnh thổ nước kia (phương thức 4 – di chuyển thể nhân).

➤ Cam kết về thương mại dịch vụ của RCEP bao trùm các lĩnh vực, phương thức cung cấp thương mại dịch vụ nào?

**Về phạm vi**, các cam kết trong Chương Thương mại dịch vụ của RCEP bao trùm tất cả các lĩnh vực dịch vụ ngoại trừ các trường hợp sau:

- Liên quan tới khoản mua sắm chính phủ;
- Liên quan tới các khoản trợ cấp của Nhà nước cho nhà cung cấp dịch vụ, người tiêu dùng dịch vụ;
- Các dịch vụ thực hiện trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan nhà nước trên lãnh thổ của mình;
- Các dịch vụ vận tải đường biển, vận tải hàng không (ngoại trừ dịch vụ bảo trì và sửa chữa máy bay, bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không; hệ thống giữ chỗ bằng máy tính; dịch vụ bay đặc biệt; dịch vụ vận hành sân bay, khai thác mặt đất).

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cam kết mở cửa thương mại dịch vụ trong RCEP có cách tiếp cận tương tự WTO, theo đó các cam kết về nguyên tắc mở cửa dịch vụ tại Chương Thương mại dịch vụ (Chương 8) áp dụng cho cả 4 phương thức cung cấp dịch vụ (gồm cung cấp qua biên giới, tiêu dùng ở nước ngoài, hiện diện thương mại, di chuyển thể nhân).

Cách tiếp cận này khác và đơn giản hơn so với cách tiếp cận tại các FTA của Việt Nam gần đây. Ví dụ trong CPTPP và EVFTA, các cam kết thương mại dịch vụ chỉ áp dụng cho các phương thức cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (theo một trong 3 phương thức: cung cấp qua biên giới, tiêu dùng ở nước ngoài, và di chuyển thể nhân); còn dịch vụ cung cấp thông qua hiện diện thương mại lại tuân thủ các cam kết về đầu tư (được nêu trong Chương/phần Đầu tư của CPTPP và EVFTA).

Tuy nhiên, việc cung cấp dịch vụ thông qua hiện diện thương mại ở nước khác đồng thời cũng là hoạt động đầu tư và có thể được hưởng các quyền và lợi ích về cam kết về đầu tư của RCEP (tại Chương 10 RCEP và Phụ lục III Văn kiện RCEP).

Do đó, khi xem xét các quyền và lợi ích mà mình có thể được hưởng khi cung cấp dịch vụ trong RCEP thông qua hoạt động đầu tư thành lập hiện diện thương mại ở nước RCEP khác, doanh nghiệp cần quan tâm tới cả các cam kết về thương mại dịch vụ (chủ yếu ở Chương 8, 9 và Phụ lục II) và cả các cam kết về đầu tư (Chương 10 và Phụ lục III).



## Phương pháp cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ trong RCEP?

RCEP là FTA duy nhất áp dụng cả 02 phương pháp cam kết mở cửa thương mại dịch vụ đang sử dụng trên thế giới, bao gồm:

- Cam kết theo phương pháp “chọn-cho”: Chỉ mở cửa thị trường dịch vụ của mình cho nhà cung cấp dịch vụ của đối tác theo các điều kiện, ở mức độ và trong các lĩnh vực như liệt kê cụ thể trong “Biểu cam kết cụ thể” (mỗi nước có một Biểu riêng, nêu tại Phụ lục II RCEP); các lĩnh vực không được “chọn” liệt kê trong Biểu thì là chưa cam kết, và nước thành viên không bị ràng buộc gì trong mở cửa các lĩnh vực này;
- Cam kết theo phương pháp “chọn-bỏ”: Mở cửa không hạn chế tất cả các thị trường dịch vụ của mình cho nhà cung cấp dịch vụ đối tác ngoại trừ các hạn chế cụ thể nêu trong “Biểu các biện pháp không tương thích” (mỗi nước có một Biểu riêng, nêu tại Phụ lục III RCEP, chung với cam kết mở cửa đầu tư).

Cam kết theo phương pháp “chọn-bỏ” được đánh giá tự do hơn, minh bạch và ổn định hơn cam kết theo phương pháp “chọn-cho”, tuy nhiên cũng đòi hỏi mức độ sẵn sàng, năng lực cạnh tranh và cơ chế kiểm soát thị trường cao hơn của nước thành viên.

Để tính tới những khác biệt khá xa về tình trạng và năng lực hội nhập thương mại dịch vụ giữa các thành viên, liên quan tới cam kết mở cửa thương mại dịch vụ, RCEP cho phép các nước thành viên tự lựa chọn áp dụng phương pháp cam kết “chọn-bỏ” hay “chọn-cho” trong giai đoạn đầu thực thi RCEP (gọi là giai đoạn chuyển tiếp):

- Có 8/15 nước thành viên RCEP lựa chọn mở cửa thị trường theo phương pháp “chọn – cho” trong giai đoạn chuyển tiếp, gồm Campuchia, Lào, Myanmar, New Zealand, Philippines, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam.  
Có 7/15 nước mở cửa theo phương pháp “chọn-bỏ” ngay từ đầu, gồm Australia, Brunei, Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Nhật Bản và Singapore.
- Giai đoạn chuyển tiếp áp dụng với các nước mở cửa “chọn-cho” là 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (riêng Campuchia, Lào, Myanmar có giai đoạn chuyển tiếp là 15 năm).

Đồng thời, để bảo đảm định hướng chung về tự do hóa thương mại của RCEP, đối với nhóm nước lựa chọn mở cửa theo phương pháp “chọn-cho”, RCEP có ràng buộc thêm một số yêu cầu tự do hóa sau:

➤ Phương pháp cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ trong RCEP?

### Yêu cầu tự do hóa ở mức cao hơn với một số lĩnh vực trong giai đoạn chuyển tiếp

Ngay trong giai đoạn chuyển tiếp, trong “Biểu cam kết cụ thể” của mình, các nước lựa chọn mở cửa theo phương pháp “chọn-cho” có nghĩa vụ:

- Phải lựa chọn một số ngành, phân ngành dịch vụ để áp dụng nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc (MFN) (theo đó, trong những lĩnh vực này, nếu nước thành viên cam kết mở cho bất kỳ đối tác khác nào ở mức cao hơn thì cũng phải mở cho đối tác RCEP ở mức đó);
- Phải lựa chọn một số ngành, phân ngành dịch vụ dự kiến sẽ tăng mức độ mở cửa trong tương lai (gọi là FL – Future Liberalization), và đối với các trường hợp FL này, nước thành viên phải: (i) mở cửa ở mức không thấp hơn hiện tại; (ii) tuân thủ nguyên tắc “Chỉ tiến không lùi” (hiểu đơn giản là nếu nước thành viên đơn phương có các biện pháp mở cửa các ngành, phân ngành này ở mức rộng hơn cam kết thì sau đó không được sửa đổi để thu hẹp trở lại).

### Yêu cầu chuyển sang mở cửa theo phương pháp “chọn-bỏ” khi hết giai đoạn chuyển tiếp

Mặc dù cho phép các nước được lựa chọn mở cửa theo “chọn-cho” trong giai đoạn chuyển tiếp, khi kết thúc giai đoạn này, RCEP yêu cầu:

- Tất cả các nước thành viên đã mở theo phương pháp “chọn-cho” phải chuyển sang thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ theo phương pháp “chọn-bỏ” (bằng việc thay thế “Biểu cam kết cụ thể” của mình bằng “Biểu các biện pháp không tương thích” – việc thay thế Biểu này phải tuân thủ quy trình chi tiết theo quy định của RCEP);
- Mức mở cửa thị trường theo phương pháp “chọn-bỏ” (thể hiện trong Biểu các biện pháp không tương thích) không được thấp hơn mức khi mở cửa theo phương pháp “chọn-cho” trước đó.

Đối với Việt Nam, cả phương pháp “chọn-cho” và “chọn-bỏ” đều không xa lạ (do Việt Nam đã từng cam kết “chọn-bỏ” trong CPTPP, và “chọn-cho” trong EVFTA và các FTA trước đây). Việc Việt Nam lựa chọn phương pháp “chọn-cho” trong giai đoạn đầu RCEP có thể là cách tiếp cận thận trọng trong bối cảnh nhiều nước thành viên RCEP có các nhà cung cấp dịch vụ mạnh, cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong nhiều lĩnh vực dịch vụ.



## Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cụ thể của các nước RCEP?

Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của từng thành viên RCEP được nêu trong Biểu cam kết cụ thể (với những nước mở cửa theo phương pháp “chọn-cho”) hoặc trong Biểu các biện pháp không tương thích (với những nước mở cửa theo phương pháp “chọn-bỏ”).

### Biểu cam kết cụ thể (Schedules of Specific Commitments)

Mỗi nước thành viên RCEP lựa chọn cam kết mở cửa theo phương pháp “chọn-cho” trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ có một Biểu cam kết cụ thể riêng tại Phụ lục II của RCEP.

Biểu này liệt kê từng ngành, phân ngành dịch vụ mà nước thành viên RCEP cam kết mở cửa. Các cam kết cụ thể về mức mở cửa cho dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ RCEP trong từng ngành, phân ngành dịch vụ đó được nêu tương ứng, bao gồm:

- Cam kết về các điều khoản, hạn chế và điều kiện Tiếp cận thị trường (MA);
- Các điều kiện và tiêu chuẩn về Đối xử quốc gia (NT);
- Các cam kết bổ sung khác; và
- Lộ trình thời gian thực hiện các cam kết đó, nếu có.

Biểu cam kết cũng liệt kê rõ các ngành, phân ngành có cam kết mở cửa hơn trong tương lai (FL), và/hoặc có cam kết thực hiện MFN.

### Ví dụ về Biểu cam kết cụ thể (phương pháp “chọn – cho”) trong RCEP

Phương thức cung cấp:

(1) Cung cấp qua biên giới

(2) Tiêu dùng ở nước ngoài

(3) Hiện diện thương mại

(4) Di chuyển thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
Dịch vụ đồ ăn (CPC 642) Dịch vụ đồ uống (CPC 643)	(1) Không hạn chế. FL, MFN (2) Không hạn chế. FL, MFN (3) Không hạn chế. FL, MFN (4) Chưa cam kết, ngoại trừ nếu trong Biểu cam kết của Việt Nam trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển Tạm thời của Thể nhân)	(1) Không hạn chế. FL, MFN (2) Không hạn chế. FL, MFN (3) Không hạn chế. FL, MFN (4) Chưa cam kết, ngoại trừ nếu trong Biểu cam kết của Việt Nam trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển Tạm thời của Thể nhân)	

*Trích Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam – Phụ lục II của RCEP*



➤ Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cụ thể của các nước RCEP

### Biểu các biện pháp không tương thích (Schedules of Non-Conforming Measures)

Mỗi nước thành viên RCEP lựa chọn cam kết mở cửa thị trường dịch vụ theo phương pháp “chọn-bỏ” sẽ có một Biểu các biện pháp không tương thích (chung cho cả dịch vụ và đầu tư) tại Phụ lục III của RCEP.

Biểu này liệt kê tất cả các trường hợp ngành, phân ngành dịch vụ mà nước thành viên RCEP bảo lưu chưa mở cửa hoặc mở cửa không đầy đủ như yêu cầu tại các nguyên tắc cơ bản về tự do hóa dịch vụ của RCEP (tức là mở ở mức “không tương thích” với các nguyên tắc mở cửa thương mại dịch vụ của RCEP, gồm nguyên tắc đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, tiếp cận thị trường và hiện diện địa phương – Xem chi tiết ở Câu hỏi sau).

Ở mỗi ngành, phân ngành bảo lưu, các nội dung chi tiết về giới hạn/cách thức bảo lưu (bảo lưu đối với nguyên tắc cơ bản nào của RCEP, bảo lưu ở mức độ nào, theo lộ trình nào...), hay còn gọi là các khía cạnh “không tương thích”, sẽ phải được nêu cụ thể.

Biểu các biện pháp không tương thích của mỗi nước bao gồm 02 Danh mục (Danh mục A và Danh mục B) với cách thức bảo lưu khác biệt:

- Đối với các bảo lưu nêu tại Danh mục A:

*Về diện áp dụng:* Bảo lưu đối với các ngành, phân ngành dịch vụ nêu tại Danh mục này chỉ dành cho các biện pháp hạn chế đang tồn tại đối với dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài (existing measures) hoặc các sửa đổi trong tương lai với các biện pháp này;

*Về yêu cầu ràng buộc:* Đối với biện pháp thuộc phạm vi Danh mục này, nếu sau này nước thành viên có đơn phương sửa đổi về mức mở cửa thì nội dung sửa đổi sẽ phải tuân thủ nguyên tắc “Chỉ tiến không lùi” (Ratchet – chỉ có thể mở cửa rộng hơn, thuận lợi hơn mức trước đó).

- Đối với các bảo lưu nêu tại Danh mục B:

Các bảo lưu được liệt kê trong Danh mục này được phép áp dụng mà không bị giới hạn theo các điều kiện như với Danh mục A.

➤ Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cụ thể của các nước RCEP

**Ví dụ về Biểu các biện pháp không tương thích (phương pháp “chọn – bỏ”) trong RCEP**

**DANH MỤC A**

19	<i>Ngành:</i>	Các dịch vụ tài chính
	<i>Phân ngành:</i>	Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ
	<i>Cấp chính quyền:</i>	Trung ương
	<i>Nghĩa vụ liên quan:</i>	Đối xử quốc gia (Điều 8.4 và Điều 10.3) Tiếp cận thị trường (Điều 8.5) Đối xử Tối huệ quốc (Điều 8.6 và Điều 10.4)
	<i>Mô tả</i>	Thương mại Dịch vụ và Đầu tư  Các công ty bảo hiểm nhân thọ nước ngoài chỉ được thành lập công ty con theo luật của Úc.  (Approval of non-resident life insurers is restricted to subsidiaries incorporated under Australian law)
	<i>Nguồn của Biện pháp</i>	Đạo luật bảo hiểm nhân thọ 1995 (Khối thịnh vượng chung)

*Trích Biểu các biện pháp không tương thích của Australia tại Phụ lục III RCEP*



## RCEP quy định các nguyên tắc cơ bản nào về mở cửa thị trường dịch vụ?

RCEP quy định nhiều nguyên tắc trong mở cửa thương mại dịch vụ. Các nguyên tắc này có nội dung cơ bản giống với các nguyên tắc có tên tương tự trong nhiều FTA đã có của Việt Nam. Tuy nhiên, cách thức áp dụng các nguyên tắc này được RCEP quy định khác nhau giữa các nước thành viên, tùy theo lựa chọn phương pháp mở cửa thị trường dịch vụ của họ (mở theo phương pháp “chọn-cho” hay “chọn-bỏ”).

Sau đây là các nội dung cơ bản chung trong các nguyên tắc mở cửa thương mại dịch vụ trong RCEP:

### Nguyên tắc Đối xử quốc gia (National Treatment – NT)

Liên quan tới các biện pháp ảnh hưởng tới việc cung cấp dịch vụ, nguyên tắc này đòi hỏi nước thành viên phải dành cho dịch vụ - nhà cung cấp dịch vụ của nước đối tác RCEP đối xử không kém thuận lợi hơn so với đối xử mà nước thành viên đó dành cho các dịch vụ - nhà cung cấp dịch vụ tương tự của mình.

- *Đối với các nước mở cửa thị trường phương pháp “chọn-cho”*: Nguyên tắc này áp dụng cho các dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của nước đó;
- *Đối với các nước mở cửa thị trường phương pháp “chọn-bỏ”*: Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các lĩnh vực dịch vụ ngoại trừ các trường hợp bảo lưu nguyên tắc NT trong Biểu các biện pháp không tương thích của nước đó.

### Nguyên tắc Đối xử Tối huệ quốc (Most-Favored-Nation Treatment – MFN)

Nguyên tắc MFN trong RCEP đòi hỏi các nước thành viên phải dành cho dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ của nước đối tác RCEP sự đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử dành cho dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ nước đối tác nào khác (thành viên hoặc không phải thành viên RCEP).

- *Đối với các nước mở cửa thị trường phương pháp “chọn-cho”*: Nguyên tắc này áp dụng với (i) các ngành, phân ngành dịch vụ có cam kết “MFN” trong Biểu cam kết cụ thể, (ii) các ngành, phân ngành trong phụ lục về các lĩnh vực áp dụng MFN của Biểu cam kết cụ thể, (iii) các ngành, phân ngành dịch vụ không nằm trong phụ lục về các dịch vụ được miễn trừ áp dụng MFN của Biểu cam kết cụ thể (Cách thức cụ thể tùy thuộc vào cách xây dựng Biểu của từng nước). Bên cạnh đó, trong từng trường hợp cụ thể, nguyên tắc MFN này có thể bị giới hạn bởi các điều kiện, tiêu chuẩn như nêu trong Biểu cam kết cụ thể đối với từng ngành, phân ngành dịch vụ liên quan.

Trong so sánh với các FTA cam kết dịch vụ phương pháp “chọn-cho” trước đây, RCEP được đánh giá là “tự do hóa” tốt hơn một phần nhờ có nguyên tắc MFN (các FTA mở cửa thị trường dịch vụ phương pháp “chọn-cho” thường không ghi nhận nguyên tắc MFN).

➤ RCEP quy định các nguyên tắc cơ bản nào về mở cửa thị trường dịch vụ?

- **Đối với các nước mở cửa thị trường phương pháp “chọn-bỏ”:**

Nguyên tắc MFN này áp dụng với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ ngoại trừ các trường hợp có bảo lưu đối với nguyên tắc MFN trong Biểu các biện pháp không tương thích của nước đó.

Bên cạnh các nội dung trên, RCEP cũng ghi nhận **ngoại lệ đối với nguyên tắc MFN**. Cụ thể, MFN không áp dụng đối với:

- Các cam kết tại các Thỏa thuận quốc tế được ký/có hiệu lực trước khi RCEP có hiệu lực;
- Các cam kết trong khuôn khổ hội nhập ASEAN;
- Các cam kết tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ trong khu vực biên giới giữa các nước có chung đường biên giới.

### Nguyên tắc tiếp cận thị trường (Market Access – MA)

Theo nguyên tắc này, trong các ngành, phân ngành dịch vụ mở cửa, nước thành viên RCEP không được áp đặt đối với dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ của đối tác RCEP bất kỳ hạn chế nào trong số các hạn chế dưới đây ngoại trừ các trường hợp đã được bảo lưu trong Biểu cam kết cụ thể hoặc Biểu các biện pháp không tương thích:

- Hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ được tham gia cung cấp dịch vụ trên thị trường;
- Hạn chế về tổng giá trị các giao dịch/ tài sản;
- Hạn chế về tổng số các hoạt động dịch vụ/số lượng dịch vụ đầu ra;
- Hạn chế về tổng số cá nhân được tuyển dụng;
- Hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức hiện diện thương mại cụ thể;
- Hạn chế về tỷ lệ sở hữu cổ phần nước ngoài hoặc tổng giá trị đầu tư nước ngoài tối đa.

Nguyên tắc về tiếp cận thị trường áp dụng với cả các nước mở cửa theo phương pháp “chọn-cho” và “chọn-bỏ”. Các bảo lưu đối với các nguyên tắc này của mỗi nước được liệt kê trong các Biểu cam kết cụ thể (đối với nước mở cửa phương pháp “chọn-cho”) hoặc Biểu các biện pháp không tương thích (đối với nước mở cửa phương pháp “chọn-bỏ”).

### Nguyên tắc hiện diện tại nước sở tại (Local Presence – LP)

Nguyên tắc LP của RCEP yêu cầu nước thành viên không được buộc nhà cung cấp dịch vụ của đối tác RCEP phải thành lập hoặc duy trì văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc bất kỳ hình thức pháp nhân nào hay phải cư trú tại lãnh thổ của mình như một điều kiện để cung cấp một dịch vụ trừ khi có bảo lưu trong Biểu các biện pháp không tương thích.

Nguyên tắc này chỉ áp dụng cho các nước lựa chọn phương pháp mở cửa “chọn-bỏ”. Đối với các nước mở cửa theo phương pháp “chọn – cho”, các hạn chế/không hạn chế liên quan tới LP đã được nêu trực tiếp trong Biểu cam kết cụ thể.

➤ RCEP quy định các nguyên tắc cơ bản nào về mở cửa thị trường dịch vụ?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các quy tắc đối xử về thương mại dịch vụ mà RCEP thiết lập đều hướng tới việc bảo đảm cho các nhà cung cấp dịch vụ nước đối tác RCEP được đối xử một cách thuận lợi, bình đẳng và tự do nhất có thể khi cung cấp dịch vụ tại một nước RCEP khác.

Do đó, các doanh nghiệp dịch vụ cung cấp dịch vụ xuyên biên giới hoặc cung cấp dịch vụ tại nước thành viên khác trong khu vực RCEP được khuyến nghị nên quan tâm tìm hiểu cụ thể các nguyên tắc được ghi nhận trong RCEP, qua đó có căn cứ để bảo vệ tốt hơn các quyền của mình trong trường hợp nước RCEP nơi cung cấp dịch vụ có các biện pháp không phù hợp, ảnh hưởng tới lợi ích và hoạt động cung cấp dịch vụ của mình tại nước đó.



## RCEP có cam kết gì về cách thức quản lý thị trường dịch vụ?

Bên cạnh vấn đề mở cửa thị trường dịch vụ, RCEP cũng bao gồm một số cam kết liên quan tới cách thức mà các nước thành viên quản lý và vận hành thị trường dịch vụ nội địa của mình ở các khía cạnh có thể ảnh hưởng tới các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý ở khía cạnh này.

### Minh bạch các biện pháp quản lý áp dụng

RCEP yêu cầu các nước thành viên phải công bố kịp thời (và khuyến khích việc công bố trên Internet và bằng tiếng Anh):

- Tất cả các biện pháp có giá trị áp dụng chung và có ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ; và
- Tất cả các thỏa thuận quốc tế mà nước đó là thành viên liên quan đến hoặc có ảnh hưởng tới thương mại dịch vụ.

Cũng theo RCEP, mỗi nước thành viên sẽ phải:

- Thiết lập một đầu mối liên lạc để tạo điều kiện liên lạc, trao đổi với các nước đối tác RCEP về bất kỳ vấn đề gì trong thực thi Chương Thương mại Dịch vụ này;
- Phản hồi kịp thời khi có yêu cầu của nước đối tác RCEP về (i) các biện pháp nội địa cũng như các thỏa thuận quốc tế liên quan thương mại dịch vụ, (ii) những thay đổi pháp luật và chính sách ảnh hưởng đáng kể tới thương mại dịch vụ.

➤ RCEP có cam kết gì về cách thức quản lý thị trường dịch vụ?

### Yêu cầu chung về việc thực thi, xử lý vi phạm pháp luật nội địa về thương mại dịch vụ

Ngoại trừ các trường hợp thuộc các lĩnh vực dịch vụ mà nước thành viên có bảo lưu trong Biểu cam kết hoặc Biểu các biện pháp không tương thích, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải bảo đảm:

- Thực thi hợp lý, khách quan, công bằng các biện pháp ảnh hưởng tới thương mại dịch vụ;
- Phải có thủ tục tư pháp, trọng tài, hành chính để xử lý khách quan, công bằng các tranh chấp liên quan tới các quyết định hành chính ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ;
- Trường hợp có quy định về thủ tục cấp phép để được cung cấp dịch vụ thì cần bảo đảm:
  - Các tiêu chí cấp phép minh bạch, khách quan, không vượt quá mức cần thiết để bảo đảm chất lượng dịch vụ;
  - Quy trình thủ tục không tạo thành các rào cản đối với việc cung cấp dịch vụ; nên quy định rõ về thời hạn xử lý đơn xin cấp phép, thông báo và cho phép người nộp đơn bổ sung thông tin còn thiếu sót trong hồ sơ, thông báo cho người nộp đơn về tình trạng xử lý đơn nếu được yêu cầu, trường hợp đơn bị từ chối thì thông báo bằng văn bản về lý do từ chối kịp thời nếu có thể;
  - Phải cho phép người nộp đơn được nộp đơn lần mới nếu đơn trước đó bị dừng xử lý hoặc bị từ chối;
- Phải có quy định về các thủ tục xác minh năng lực chuyên môn của người cung cấp dịch vụ đến từ đối tác RCEP; nếu có yêu cầu về việc thi hoặc kiểm tra sát hạch năng lực chuyên môn của những người này thì cần có lịch thi/kiểm tra định kỳ và thông báo đủ sớm để những người quan tâm có thể nộp đơn tham gia.

### Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ độc quyền

RCEP không cấm các nước thành viên được duy trì các dịch vụ độc quyền hay các nhà cung cấp dịch vụ độc quyền. Tuy nhiên, RCEP có một số nguyên tắc mà các nước thành viên phải tuân thủ khi duy trì các hình thức độc quyền này, ví dụ:

- Nhà cung cấp dịch vụ độc quyền cũng phải bảo đảm thực hiện nguyên tắc đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường khi cung cấp các dịch vụ liên quan cho các chủ thể đến từ các đối tác RCEP;
- Khi tham gia cạnh tranh ở các mảng ngoài lĩnh vực độc quyền, nhà cung cấp dịch vụ độc quyền không được lạm dụng vị trí độc quyền của mình.

Chú ý, trong nội dung cam kết này của RCEP, nhà cung cấp dịch vụ được xem là độc quyền trong lĩnh vực dịch vụ liên quan nếu Nhà nước chỉ cho phép một số lượng nhỏ các nhà cung cấp dịch vụ hoạt động và có chính sách ngăn chặn cạnh tranh giữa các nhà cung cấp này trên lãnh thổ nước mình.

➔ RCEP có cam kết gì về cách thức quản lý thị trường dịch vụ?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết liên quan tới phương thức quản lý thương mại dịch vụ của RCEP là một nội dung tương đối mới so với các FTA đã có trước đây. Mục tiêu của các cam kết này được cho là để xử lý một số vấn đề bất cập nổi cộm chung trong cách thức quản lý về thương mại dịch vụ của nhiều nước thành viên RCEP như tình trạng thiếu minh bạch về thông tin pháp luật chính sách, quy trình cấp phép không rõ ràng, thiếu khách quan, cách thức hành xử thiên vị/phân biệt đối xử của các nhà cung cấp dịch vụ độc quyền...

Khác với các cam kết về nguyên tắc tự do hóa/mở cửa thị trường dịch vụ, các cam kết về phương thức quản lý nội địa đối với thương mại dịch vụ áp dụng cho toàn bộ công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực này, không quan trọng ngành, phân ngành dịch vụ đã có cam kết mở cửa theo RCEP hay chưa. Do đó, những cam kết này được kỳ vọng sẽ giúp minh bạch hóa, thuận lợi hóa toàn bộ thị trường dịch vụ ở các nước thành viên RCEP.

Với việc các nước RCEP thực thi các cam kết này, doanh nghiệp dịch vụ suy đoán sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường thuận lợi, công bằng, ít tổn kém hơn, cạnh tranh trên thị trường cũng công bằng hơn, từ đó cơ hội lợi nhuận cũng tốt hơn ở trên cả thị trường nội địa và thị trường khu vực RCEP.





## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ tài chính?

Tài chính là lĩnh vực dịch vụ tương đối đặc thù do có liên quan chặt chẽ tới các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô, tiền tệ của một quốc gia cũng như có ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế nói chung. Vì vậy, ở nhiều FTA, ngoài cam kết về các nguyên tắc chung áp dụng cho thương mại dịch vụ thuộc tất cả các ngành dịch vụ, còn có các cam kết riêng đặc thù cho lĩnh vực tài chính.

Các cam kết riêng về dịch vụ tài chính trong RCEP được nêu trong Phụ lục 8A Chương 8 Văn kiện RCEP:

- Về phạm vi, các cam kết tại Phụ lục 8A áp dụng cho tất cả các biện pháp liên quan tới dịch vụ tài chính các nước thành viên ngoại trừ các dịch vụ thực hiện thẩm quyền của Nhà nước (ví dụ hoạt động của ngân hàng Nhà nước để thực hiện chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái);
- Về hiệu lực pháp lý, các biện pháp liên quan tới dịch vụ tài chính của nước thành viên RCEP sẽ phải tuân thủ đồng thời các cam kết chung về dịch vụ của RCEP (trong Lời văn Chương 8) và cam kết tại Phụ lục 8A. Trường hợp có mâu thuẫn giữa cam kết trong Phụ lục 8A và trong Lời văn Chương 8 thì ưu tiên áp dụng cam kết của Phụ lục 8A.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý liên quan tới các nguyên tắc liên quan tới dịch vụ tài chính trong RCEP.

### Biện pháp thận trọng

Biện pháp thận trọng là một hình thức ngoại lệ diện rộng đã được ghi nhận trong GATS của WTO. Tuy nhiên RCEP bổ sung thêm các quy định chi tiết hơn.

Cụ thể, theo RCEP, các nước thành viên có quyền áp dụng bất kỳ biện pháp nào đối với các dịch vụ tài chính trong thẩm quyền quản lý của mình xuất phát từ lý do thận trọng nhằm (i) bảo vệ quyền lợi tài chính của các tổ chức, cá nhân liên quan (nhà đầu tư, người gửi tiền, người giữ hợp đồng...), (ii) duy trì sự an toàn, lành mạnh, trách nhiệm tài chính của các định chế tài chính hoặc nhà cung cấp dịch vụ, sự toàn vẹn, ổn định của hệ thống tài chính. Giới hạn duy nhất là các biện pháp thận trọng này không được dùng để lẫn tránh các cam kết/nghĩa vụ theo RCEP.

Cũng liên quan tới các biện pháp thận trọng, RCEP cho phép các nước thành viên có thể công nhận các biện pháp thận trọng của một tổ chức quốc tế hay một nước ngoài RCEP. Tuy nhiên nếu việc công nhận này thể hiện thông qua một thỏa thuận/chấp thuận cụ thể thì nước này phải cho các nước thành viên RCEP quan tâm cơ hội được tham gia thỏa thuận/chấp thuận đó.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ tài chính?

### Minh bạch hóa

RCEP nhấn mạnh yêu cầu minh bạch hóa trong một số khía cạnh quản lý Nhà nước đối với dịch vụ tài chính như:

- Phải công bố công khai tất cả các biện pháp áp dụng chung cho các dịch vụ tài chính;
- Phải có các cơ chế thích hợp để tiếp nhận và trả lời các câu hỏi từ các đối tượng quan tâm về các biện pháp áp dụng chung;
- Đối với thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ tài chính, cơ quan cấp phép phải (i) nêu rõ các yêu cầu, các loại tài liệu cần thiết mà các chủ thể xin cấp phép phải đáp ứng/cung cấp; (ii) thông báo bằng văn bản về tình trạng xử lý đơn nếu có yêu cầu; (iii) ra quyết định về việc cấp/không cấp phép không muộn hơn 180 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, nếu quá thời hạn này phải thông báo lý do chậm trễ; (iv) nếu từ chối cấp phép thì phải nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản nếu người nộp đơn có yêu cầu.

### Về việc truyền, xử lý dữ liệu tài chính

RCEP yêu cầu các nước không được ngăn chặn việc truyền dẫn, chuyển giao, xử lý thông tin, dữ liệu điện tử trong hoạt động kinh doanh thông thường của nhà cung cấp dịch vụ tài chính nước đối tác RCEP trên lãnh thổ nước mình.

Mặc dù vậy, RCEP đồng thời ghi nhận quyền của các nước thành viên được (i) yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ tài chính phải tuân thủ các quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu, bảo trì hệ thống, phải lưu giữ trong lãnh thổ của mình các bản sao hồ sơ nếu vì lý do pháp lý hoặc thận trọng (ii) đặt ra các quy định cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bảo mật hồ sơ và tài khoản cá nhân. Tuy nhiên, các nước phải bảo đảm rằng những yêu cầu này được đặt ra không phải để lẩn tránh nghĩa vụ theo RCEP.

### Dịch vụ tài chính mới

Dịch vụ tài chính mới trong RCEP được hiểu là một dịch vụ chưa được cung cấp trên lãnh thổ của nước thành viên nhưng đã xuất hiện ở nước khác. Trong bối cảnh công nghệ thông tin trong ngành tài chính đang phát triển rất mạnh trên thế giới, việc thiết lập và mở rộng các dịch vụ tài chính mới sang các nước khác là chủ đề mà các nhà cung cấp dịch vụ tài chính rất quan tâm.

Về vấn đề này, RCEP yêu cầu nước thành viên cần nỗ lực cho phép các tổ chức tài chính của nước thành viên khác được thành lập trên lãnh thổ mình để cung cấp dịch vụ tài chính mới nếu nước này vốn có thể cho phép một tổ chức tài chính nội địa cung cấp dịch vụ này mà không cần thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành. Tất nhiên, tổ chức tài chính nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu cấp phép của nước sở tại theo quy định.

Quy định đối với dịch vụ tài chính mới nói trên của RCEP về cơ bản tương tự như CPTPP và EVFTA. Mặc dù vậy, về mức độ ràng buộc nước thành viên, cam kết RCEP mới chỉ mang tính định hướng (đòi hỏi nước thành viên “nỗ lực” thực hiện), trong khi với CPTPP và EVFTA đây là nghĩa vụ bắt buộc.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ tài chính?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Về tổng thể, cam kết về dịch vụ tài chính trong RCEP bổ sung một số nghĩa vụ mới, chi tiết hơn so với WTO và các FTA ASEAN+, tuy nhiên cơ bản tương đồng và/hoặc thấp hơn mức cam kết trong CPTPP hay EVFTA. Do đó trên thị trường Việt Nam, các cam kết này sẽ không thay đổi hiện trạng cách thức quản lý dịch vụ tài chính hiện tại.

Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính trong khu vực RCEP, đặc biệt là ở các nước RCEP không phải thành viên CPTPP, các cam kết về tài chính, đặc biệt là về dịch vụ tài chính mới, của RCEP có thể giúp tạo ra các hành lang pháp lý an toàn, minh bạch và có thể dự đoán trước cho doanh nghiệp cũng như dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp ở các nước này.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ viễn thông?

Dịch vụ viễn thông là một trong 03 ngành dịch vụ mà RCEP có cam kết riêng ngoài các cam kết chung áp dụng cho tất cả các lĩnh vực dịch vụ. Cam kết riêng về dịch vụ viễn thông được nêu tại Phụ lục 8B Chương 8 Văn kiện RCEP.

Các cam kết về dịch vụ viễn thông (chỉ tính các dịch vụ viễn thông công cộng, không bao gồm các chương trình phát thanh và truyền hình) trong RCEP chủ yếu nhằm đưa ra khung khổ thống nhất, hợp lý và minh bạch trong quản lý một lĩnh vực dịch vụ quan trọng và nhạy cảm với bất kỳ nền kinh tế nào, cũng như xử lý các vấn đề bất cập đang phát sinh phổ biến liên quan tới dịch vụ này.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý liên quan tới quản lý dịch vụ viễn thông của RCEP:

- Cam kết bảo đảm quyền của các nhà cung cấp dịch vụ nước thành viên RCEP khác trong truy cập và sử dụng các dịch vụ, mạng viễn thông công cộng (được thuê, mua thiết bị đầu cuối, được kết nối kênh thuê riêng, lưu chuyển thông tin qua biên giới...);
- Cam kết cho phép áp dụng quyền chuyển mạng giữ số, hợp tác thúc đẩy sự minh bạch, cạnh tranh và giá cước hợp lý đối với các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ cụ thể liên quan tới các nhà cung cấp dịch vụ chủ đạo (nghĩa vụ chung, nghĩa vụ về kết nối, về giá cước...);
- Các yêu cầu về trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước trong thủ tục cấp phép dịch vụ viễn thông, phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên viễn thông có hạn (tần số, kho số) và minh bạch thông tin liên quan;
- Bảo đảm nhà cung cấp dịch vụ/mạng viễn thông công cộng được cấp phép khai thác hệ thống cáp biển quốc tế, phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước RCEP khác tiếp cận hệ thống cáp biển một cách hợp lý và không phân biệt đối xử (Việt Nam bảo lưu nghĩa vụ này chỉ trong trường hợp trạm cập bờ hệ thống cáp biển quốc tế nằm trên lãnh thổ Việt Nam, không cam kết đối với hình thức chung điểm đặt thiết bị);
- Bảo đảm quyền của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong lựa chọn công nghệ một cách linh hoạt ngoại trừ các hạn chế vì mục tiêu chính sách.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về dịch vụ viễn thông?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết riêng về viễn thông của RCEP đều tập trung vào các vấn đề mới, chưa từng được đề cập trong WTO hay các FTA riêng lẻ đang có giữa các nước RCEP. Do đó, việc thực thi thống nhất và đồng thời các cam kết này ở các nước RCEP được cho là sẽ tạo ra một mặt bằng quản lý thống nhất và thuận lợi cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông ở cả nội địa từng nước và trong khu vực RCEP.

Với Việt Nam nói riêng, các cam kết này đều không vượt quá các mức mà Việt Nam đã cam kết trong CPTPP hay EVFTA và pháp luật hiện hành của Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ. Do đó, cơ bản sẽ không có thay đổi lớn ở Việt Nam về chính sách quản lý dịch vụ viễn thông khi RCEP được thực thi.



## Cam kết về các dịch vụ chuyên môn trong RCEP có gì đáng chú ý?

RCEP có một nội dung cam kết riêng về các dịch vụ chuyên môn (pháp lý, kế toán, kiểm toán, thuế, kiến trúc, kỹ thuật, máy tính...), nêu tại Phụ lục 8C Chương 8 Văn kiện RCEP.

Tuy nhiên, không giống như dịch vụ tài chính hay viễn thông, các cam kết liên quan tới dịch vụ chuyên môn trong RCEP không đặt ra các yêu cầu mới bắt buộc, mà chủ yếu tập trung vào các nội dung mang tính hợp tác, ví dụ:

- Thúc đẩy, khuyến khích các hoạt động hợp tác, đối thoại, đàm phán giữa các nước thành viên trong việc công nhận lẫn nhau về các bằng cấp, chứng nhận chuyên môn, giấy phép... cần thiết cho việc tiến hành cung cấp các dịch vụ chuyên môn này;
- Khuyến khích các nước thành viên hợp tác trong việc xây dựng các tiêu chuẩn chuyên môn chung, các tiêu chí chung (ví dụ tiêu chí về kết quả đào tạo, kết quả kiểm tra, kinh nghiệm hoạt động, quy chuẩn ứng xử và đạo đức, mức độ hiểu biết về nước sở tại, mức độ bảo vệ khách hàng...) trên cơ sở tham khảo các khung quốc tế sẵn có.

## Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường dịch vụ trong RCEP ở mức nào?



Trong RCEP, Việt Nam nằm trong nhóm nước lựa chọn mở cửa thị trường dịch vụ theo phương pháp “chọn-cho”, theo đó trong 06 năm đầu thực thi RCEP, Việt Nam chỉ mở cửa thị trường dịch vụ cho các đối tác RCEP theo Biểu cam kết cụ thể (nêu trong Phụ lục II RCEP). Thời gian sau đó Việt Nam sẽ mở cửa theo phương pháp “chọn-bỏ” trên cơ sở Biểu các biện pháp không tương thích mà Việt Nam sẽ thiết lập sau, theo lộ trình RCEP.

Rà soát Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam (áp dụng cho giai đoạn 06 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với Việt Nam) cho thấy:

- Về cơ bản, mức mở cửa về dịch vụ của Việt Nam cho đối tác RCEP chỉ **cao hơn** mức mở cửa theo WTO ở 02 phân ngành dịch vụ (dịch vụ cung cấp thiết bị đường sắt CPC 83105\*\* và dịch vụ đóng gói thực phẩm, đồ gia dụng CPC 876\*\*), thấp hơn mức Việt Nam mở cửa trong ASEAN (các Gói cam kết thứ 9-10), CPTPP hay EVFTA;
- Việt Nam cam kết thực hiện đối xử tối huệ quốc (MFN) đối với 05 phân ngành dịch vụ (dịch vụ tư vấn quản lý CPC 865, bưu chính CPC 7512\*\*, đánh giá tác động môi trường CPC 94090\*, dịch vụ ăn - uống CPC 642 và 643); như vậy, đối với 05 phân ngành này, Việt Nam sẽ mở cho đối tác RCEP ở mức tương đương với mức Việt Nam mở cho bất kỳ đối tác nước ngoài nào khác (tuy nhiên chỉ giới hạn trong các khía cạnh, với các điều kiện liên quan như nêu trong Biểu cam kết cụ thể về 05 phân ngành này);
- Việt Nam cam kết thực hiện nguyên tắc “Chỉ tiến không lùi” (không sửa đổi theo hướng thu hẹp mức mở cửa đã áp dụng trước đó) đối với 07 phân ngành dịch vụ (gồm 05 phân ngành dịch vụ thực hiện MFN và dịch vụ cho thuê tàu bay CPC 83104, dịch vụ kho bãi container).



## Cam kết về đầu tư của RCEP có đặc điểm gì đáng chú ý?

Cam kết RCEP về đầu tư được quy định tại:

- Chương 10 về đầu tư và 02 Phụ lục của Chương 10: Bao gồm các nguyên tắc ứng xử tối thiểu mà nước thành viên RCEP cam kết dành cho nhà đầu tư nước đối tác RCEP khác khi họ đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ nước mình. Các nguyên tắc nêu tại Chương 10 bao gồm 02 nhóm cơ bản là các nguyên tắc tự do hóa đầu tư và các nguyên tắc bảo hộ đầu tư;
- Chương 9 của RCEP về di chuyển thể nhân: Nhiều cam kết trong Chương này gắn với hoạt động đầu tư, liên quan tới việc nhập cảnh tạm thời của các cá nhân để đầu tư hoặc thực hiện các khoản đầu tư kinh doanh;
- Phụ lục III về Biểu các biện pháp không tương thích (phần về đầu tư): Mỗi nước có một Biểu riêng về các biện pháp bảo lưu về mở cửa thị trường cho đầu tư nước ngoài trong khu vực RCEP. Đây là cam kết cụ thể của từng nước về mở cửa đầu tư trong RCEP.

**Về phạm vi**, cam kết về đầu tư trong RCEP áp dụng cho các khoản đầu tư, nhà đầu tư RCEP thực hiện các hoạt động đầu tư dưới đây tại lãnh thổ của nước RCEP khác:

- Hoạt động đầu tư trực tiếp (thành lập hiện diện thương mại như doanh nghiệp, văn phòng đại diện, chi nhánh, hợp đồng hợp tác kinh doanh);
- Hoạt động đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, cổ phần, các hình thức góp vốn, trái phiếu, quyền tài sản... của doanh nghiệp).

Các cam kết về đầu tư của RCEP không áp dụng đối với các khoản đầu tư trong các khía cạnh sau:

- Liên quan tới khoản mua sắm chính phủ;
- Liên quan tới các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước nước sở tại;
- Các dịch vụ thực hiện trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan nhà nước trên lãnh thổ của mình.

**Về thứ tự ưu tiên áp dụng**, xét về phạm vi điều chỉnh, ở một số khía cạnh có sự chồng lấn giữa các biện pháp liên quan tới hoạt động đầu tư nói chung (Chương 10) với hoạt động đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ (Chương 8 về thương mại dịch vụ) và việc nhập cảnh của khách kinh doanh để đầu tư (Chương 9 về di chuyển thể nhân).



➤ Cam kết về đầu tư của RCEP có đặc điểm gì đáng chú ý?

RCEP quy định về thứ tự ưu tiên các cam kết trong trường hợp có chồng lấn như sau:

- Ưu tiên áp dụng cam kết tại Chương 8 và Chương 9 nếu có cam kết mâu thuẫn với cam kết tại Chương 10;
- Một số nguyên tắc cam kết tại Chương 10 vẫn có thể sẽ áp dụng trong trường hợp chồng lấn nếu phù hợp (áp dụng một phần, áp dụng cho các khía cạnh thích hợp/không mâu thuẫn...).

*Về phương pháp cam kết mở cửa*, khác với cam kết mở cửa trong thương mại dịch vụ, cam kết mở cửa đầu tư trong RCEP thống nhất chỉ sử dụng phương pháp duy nhất là “chọn-bỏ”.

Cụ thể, tất cả các nước RCEP đều phải cam kết mở cửa không hạn chế về đầu tư cho nhà đầu tư, khoản đầu tư từ nước đối tác RCEP khác trừ khi có các bảo lưu/hạn chế cụ thể nêu trong Biểu các biện pháp không tương thích về đầu tư (mỗi nước có Biểu riêng, nêu tại Phụ lục III Văn kiện RCEP).

Với việc mở cửa theo phương pháp “chọn-bỏ”, cam kết RCEP về đầu tư được xem như một bước đi tự do hóa đáng kể so với các FTA ASEAN+ (tất cả các FTA này đều mở cửa theo phương pháp “chọn-cho” truyền thống, chỉ cam kết mở cửa các lĩnh vực được liệt kê, còn lại là chưa cam kết).



## RCEP ghi nhận các nguyên tắc tự do hóa đầu tư nào?

Nhóm các nguyên tắc tự do hóa đầu tư trong RCEP hầu như bao trùm các nội dung cốt lõi về vấn đề này trong các FTA thế hệ mới, hiện đại gần đây.

Sau đây là tóm tắt các nội dung cơ bản của các nguyên tắc này:

### Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT)

Nguyên tắc này đòi hỏi nước thành viên RCEP phải dành cho khoản đầu tư, nhà đầu tư của nước RCEP khác đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử mà họ dành cho khoản đầu tư, nhà đầu tư của mình trong hoàn cảnh tương tự.

Về phạm vi, nguyên tắc NT này của RCEP áp dụng đối với tất cả các biện pháp liên quan đến thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán, định đoạt khoản đầu tư, dù là được thực hiện ở cấp trung ương hay địa phương của nước sở tại nơi nhận đầu tư.

Chú ý là trong trường hợp chính quyền địa phương có các biện pháp đối xử ưu tiên khác nhau cho nhà đầu tư, khoản đầu tư trong nước, thì nguyên tắc NT của RCEP đòi hỏi nhà đầu tư, khoản đầu tư của đối tác RCEP phải được hưởng đối xử không kém thuận lợi hơn mức ưu tiên nhất trong điều kiện tương tự.

### Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN)

Nguyên tắc này yêu cầu nước thành viên RCEP phải dành cho khoản đầu tư, nhà đầu tư của nước RCEP khác đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử mà họ dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước nào khác trong điều kiện tương tự. Phạm vi MFN bao trùm tất cả các biện pháp liên quan đến thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán, định đoạt khác khoản đầu tư trên lãnh thổ mình. Tuy nhiên, nguyên tắc MFN không áp dụng đối với đối xử liên quan tới cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ISDS).

Chú ý là nguyên tắc MFN này không áp dụng cho nhóm CLMV (gồm 04 nước là Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam). Điều này có nghĩa là 04 nước này không phải tuân thủ nguyên tắc MFN cho các khoản đầu tư, nhà đầu tư RCEP ở Việt Nam; đồng thời các khoản đầu tư, nhà đầu tư của 04 nước này khi thực hiện đầu tư trên lãnh thổ nước RCEP khác cũng sẽ không được hưởng nguyên tắc MFN này.

➤ RCEP ghi nhận các nguyên tắc tự do hóa đầu tư nào?

### Các yêu cầu hoạt động (Performance Requirements – PR)

*Đối với việc thành lập, vận hành và các khía cạnh khác của khoản đầu tư*

Nguyên tắc PR trong RCEP liệt kê một loạt các biện pháp bị cấm mà nước thành viên RCEP không được phép đặt ra đối với khoản đầu tư của nước RCEP khác trên lãnh thổ của mình, ví dụ:

- Yêu cầu phải xuất khẩu với một mức hoặc tỷ lệ hàng hóa cụ thể;
- Yêu cầu phải đạt một mức hoặc tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa;
- Yêu cầu phải mua, sử dụng hoặc dành lợi thế cho hàng hóa sản xuất tại nước sở tại hoặc của các chủ thể nội địa; sản phẩm sản xuất ra cho một thị trường cụ thể;
- Ràng buộc số lượng/giá trị nhập khẩu với số lượng/giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với đầu tư của nhà đầu tư đó; ràng buộc việc tiêu thụ sản phẩm tại nước sở tại với số lượng/giá trị xuất khẩu hoặc khoản thu ngoại tệ;
- Yêu cầu phải chuyển giao công nghệ đặc biệt, quy trình sản xuất, hoặc kiến thức độc quyền khác cho một chủ thể nội địa; áp dụng giá trần/sàn cho hợp đồng li-xăng (trừ hợp đồng kỹ giữa nhà đầu tư và Nhà nước nước sở tại).

*Đối với việc xem xét cho khoản đầu tư được hưởng ưu đãi/trợ cấp*

Trường hợp nước sở tại thực hiện việc hỗ trợ/ưu đãi cho khoản đầu tư thì nguyên tắc PR cũng đòi hỏi nước sở tại không được đặt ra các điều kiện hưởng ưu đãi/hỗ trợ bị cấm sau đây:

- Đạt được một mức hoặc tỷ lệ hàm lượng nội địa;
- Mua, sử dụng, dành lợi thế cho hàng hóa nội địa, hoặc mua hàng hóa từ các chủ thể nội địa;
- Ràng buộc số lượng/giá trị nhập khẩu với số lượng/giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ; ràng buộc việc tiêu thụ sản phẩm tại nước sở tại với số lượng/giá trị xuất khẩu hoặc khoản thu ngoại tệ.

Chú ý là nước sở tại vẫn có thể áp đặt các điều kiện hưởng ưu đãi, trợ cấp nhất định như yêu cầu về địa điểm sản xuất, yêu cầu phải cung cấp một dịch vụ cụ thể, phải đào tạo hoặc tuyển dụng lao động, xây dựng hoặc mở rộng cơ sở hạ tầng cụ thể, hoặc thực hiện nghiên cứu và phát triển trên lãnh thổ của mình.

➤ RCEP ghi nhận các nguyên tắc tự do hóa đầu tư nào?

### Ngoại lệ

RCEP ghi nhận một số ngoại lệ đối với các biện pháp PR bị cấm nhất định, được liệt kê cụ thể trong Chương 10 RCEP, ví dụ:

- Ngoại lệ đối với một số thành viên: biện pháp bị cấm liên quan tới chuyển giao công nghệ và tiền bản quyền li-xăng không áp dụng cho Campuchia, Lào, Myanmar;
- Ngoại lệ đối với một số biện pháp: biện pháp liên quan tới chuyển giao công nghệ và tiền bản quyền li-xăng không áp dụng nếu là kết quả của phán quyết xử lý một hành vi cạnh tranh không lành mạnh; biện pháp về tỷ lệ hàm lượng nội địa không áp dụng nếu là trong khuôn khổ tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa hay chương trình xúc tiến xuất khẩu được phép...

Nguyên tắc PR của RCEP được đánh giá là tự do hóa hơn mức của WTO (nguyên tắc về tiếp cận thị trường đối với thương mại dịch vụ trong TRIPS và danh mục các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại trong TRIMS) và gần với nguyên tắc PR trong các FTA tiêu chuẩn cao như CPTPP hay EVFTA.

### Nguyên tắc về Nhân sự quản lý cấp cao

Nguyên tắc này trong RCEP đòi hỏi nước thành viên RCEP không được đặt ra các yêu cầu về nhân sự đối với khoản đầu tư (dưới dạng doanh nghiệp, chi nhánh, hợp đồng kinh doanh...) của nước RCEP khác sau đây:

- Yêu cầu nhân sự quản lý cao cấp phải là người mang quốc tịch nước sở tại;
- Yêu cầu đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban Hội đồng quản trị phải có quốc tịch nhất định hoặc phải cư trú tại nước sở tại nếu điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng kiểm soát khoản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các nguyên tắc về tự do hóa đầu tư trong RCEP được đánh giá là có tiêu chuẩn cao tương tự với các nguyên tắc trong CPTPP, EVFTA và vượt xa các yêu cầu hiện hành của WTO. Điều này kỳ vọng mang lại môi trường đầu tư thuận lợi, không phân biệt đối xử và không can thiệp bất hợp lý vào hoạt động đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư trong khu vực RCEP.

Doanh nghiệp quan tâm tới việc đầu tư trong khu vực RCEP và/hoặc với đối tác RCEP có thể căn cứ vào các cam kết của RCEP để bảo vệ quyền và lợi ích của mình tốt hơn trong trường hợp nước sở tại có các biện pháp không phù hợp với các nguyên tắc tự do hóa đầu tư của RCEP.

## RCEP có cam kết nào đáng chú ý về bảo hộ đầu tư?



RCEP ghi nhận nhiều cam kết mới về bảo hộ đầu tư so với mức bảo hộ tại các FTA ASEAN+. Sau đây là tóm tắt một số cam kết chủ yếu về vấn đề này.

### Cam kết về chuẩn đối xử về đầu tư (Treatment of Investment)

Theo cam kết này, các nước thành viên RCEP phải bảo đảm dành cho khoản đầu tư của nước RCEP khác đối xử theo chuẩn đối xử tối thiểu (Minimum Standard of Treatment – MST), bao gồm:

- Sự đối xử công bằng và bình đẳng (fair and equitable treatment – FET)
- Bảo hộ đầy đủ và an toàn (full protection and security)

Để làm rõ một số vấn đề liên quan tới các khái niệm tương đối mơ hồ về MST hay FET (vốn là chủ đề gây tranh cãi trong nhiều tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước nơi nhận đầu tư đã từng xảy ra trên thế giới), RCEP có thêm các cam kết nêu rõ một số khía cạnh về MST, ví dụ:

- MST phải được xác định theo tập quán quốc tế về chuẩn đối xử đối với người nước ngoài (theo các thực tiễn chung, nhất quán, mà các nước xem như là nghĩa vụ pháp lý mà họ tự nguyện thực hiện);
- FET đòi hỏi nước sở tại không được từ chối thực hiện công lý trong các thủ tục tố tụng hay hành chính nào;
- Bảo hộ đầy đủ và an toàn đòi hỏi nước sở tại phải thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo hộ an toàn khoản đầu tư từ góc độ vật lý thuần túy (tránh mất cắp, phá hoại...);
- Việc vi phạm cam kết RCEP hay một Hiệp định nào khác không bị coi là vi phạm nguyên tắc MST này.

Việc ghi nhận nguyên tắc về chuẩn đối xử về đầu tư trong RCEP cho thấy Hiệp định này đã có một bước tiến đáng kể trong nâng chuẩn cam kết về đầu tư so với các FTA đã có giữa các nước thành viên RCEP, tiếp cận các nguyên tắc hiện đại trong các FTA thế hệ mới.

➤ RCEP có cam kết nào đáng chú ý về bảo hộ đầu tư?

### Về vấn đề chuyển tiền qua biên giới

RCEP yêu cầu các nước thành viên phải cho phép thực hiện việc chuyển tiền qua biên giới các khoản tiền liên quan tới khoản đầu tư (vốn góp, lợi nhuận, các khoản phí, tiền bán tài sản, trả theo hợp đồng, lương và thù lao, tiền bồi thường...) một cách tự do, không chậm trễ, bằng đồng tiền chuyển đổi tự do theo giá thị trường.

Tuy nhiên, các nước vẫn có quyền ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể được liệt kê (ví dụ liên quan tới việc phá sản, vỡ nợ, tội phạm, các giao dịch chứng khoán, hợp đồng tương lai, báo cáo tài chính/sổ sách phục vụ cơ quan thực thi pháp luật, bảo đảm thực hiện bản án/quyết định giải quyết tranh chấp, thuế, chế độ cho người lao động...). Điều kiện là các biện pháp có tính hạn chế này phải được thực hiện công bằng, không phân biệt đối xử và theo cách thiện chí.

### Về bồi thường thiệt hại, tước quyền sở hữu

Liên quan tới các biện pháp bồi thường thiệt hại trong trường hợp xung đột vũ trang/dân sự hay tình trạng khẩn cấp, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà đầu tư RCEP và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn đối xử dành cho nhà đầu tư của mình hay nhà đầu tư của bất kỳ nước nào khác.

Về vấn đề quốc hữu hóa hay tước quyền sở hữu, các nước RCEP cam kết:

- Không quốc hữu hóa hay tước quyền sở hữu của nhà đầu tư RCEP (dù là trực tiếp hay gián tiếp) trừ khi điều này là cần thiết vì mục đích công cộng, được thực hiện đúng quy định pháp luật, theo cách không phân biệt đối xử và có bồi thường thỏa đáng;
- Việc bồi thường trong trường hợp này phải được thực hiện không chậm trễ, theo giá thị trường trước thời điểm có thông tin về việc quốc hữu hóa/tước quyền sở hữu.

Tuy nhiên, nếu đối tượng quốc hữu hóa/tước quyền liên quan tới đất đai thì sẽ chỉ phải tuân thủ theo pháp luật nội địa của nước thành viên.

### Về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ISDS)

Khác với các FTA thế hệ mới gần đây, RCEP chưa có cam kết cụ thể nào về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với Nhà nước nơi nhận đầu tư (ISDS). Tuy nhiên RCEP cũng đã tính tới lộ trình cho việc này, theo đó trong vòng 02 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các nước thành viên sẽ triển khai thảo luận về cơ chế ISDS (bên cạnh việc thảo luận về tước quyền sở hữu liên quan tới thuế) và thảo luận này sẽ kéo dài muộn nhất là 03 năm sau đó.

➤ RCEP có cam kết nào đáng chú ý về bảo hộ đầu tư?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cũng như các nguyên tắc về tự do hóa, các nguyên tắc bảo hộ đầu tư trong RCEP phần lớn có tiêu chuẩn gần như tương đương với các nguyên tắc bảo hộ được ghi nhận trong các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và vượt trội so với WTO. Khi Hiệp định có hiệu lực, các nguyên tắc này là cơ sở để các khoản đầu tư, tiền và tài sản của nhà đầu tư trong khu vực RCEP được bảo vệ bởi các cơ chế ổn định, hiệu quả và công bằng.

Tuy nhiên, khác với CPTPP hay EVFTA, RCEP chưa ghi nhận cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ISDS) để giải quyết các tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước nước sở tại. Do đó, nếu xảy ra tranh chấp, nhà đầu tư vẫn sẽ phải sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện có ở các nước liên quan.



## RCEP có cam kết gì về xúc tiến và tạo thuận lợi cho đầu tư?

Các cam kết về xúc tiến và tạo thuận lợi cho đầu tư là nội dung mới riêng có của RCEP bên cạnh các cam kết truyền thống về tự do hóa và bảo hộ đầu tư.

Cụ thể, các nước RCEP cam kết sẽ coi RCEP là một khu vực đầu tư chung và nỗ lực *xúc tiến đầu tư* cho khu vực này thông qua một loạt các hoạt động như:

- Khuyến khích đầu tư giữa các nước trong RCEP;
- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư giữa hai hoặc nhiều nước trong khu vực;
- Thúc đẩy các sự kiện kết nối kinh doanh, tổ chức/hỗ trợ các hội thảo, diễn đàn giới thiệu về cơ hội đầu tư và pháp luật và chính sách đầu tư trong khu vực...

Các nước cũng cam kết sẽ *tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nội khối* thông qua các nỗ lực như:

- Tạo môi trường cần thiết cho tất cả các dạng thức đầu tư;
- Đơn giản hóa thủ tục đăng ký/chấp thuận đầu tư;
- Phổ biến thông tin về chính sách pháp luật đầu tư;
- Thiết lập các đầu mối thông tin, tiếp nhận và xử lý các vướng mắc của nhà đầu tư, các cơ chế để khuyến nghị Chính phủ giải quyết các vấn đề ảnh hưởng tới nhà đầu tư RCEP;
- Thảo luận giữa cơ quan có thẩm quyền của các nước để trao đổi thông tin, cách thức tiếp cận trong tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư...



## Các nước thành viên RCEP cam kết mở cửa đầu tư như thế nào?



Cam kết mở cửa cho đầu tư của các nước thành viên RCEP được thực hiện theo phương pháp “chọn-bỏ” (mở cửa toàn bộ theo đúng các nguyên tắc đầu tư RCEP ngoại trừ các trường hợp bảo lưu). Bảo lưu mở cửa đầu tư của mỗi nước RCEP thể hiện trong Biểu các biện pháp không tương thích về đầu tư của nước đó trong Phụ lục III Văn kiện RCEP.

Cụ thể, Biểu các biện pháp không tương thích của mỗi nước RCEP trong Phụ lục III bao gồm 02 Danh mục tương ứng với hai cơ chế mở cửa khác nhau:

- **Danh mục A:** Các bảo lưu nêu tại Danh mục A chỉ được áp dụng cho các biện pháp hạn chế đầu tư đang tồn tại hoặc các sửa đổi trong tương lai với các biện pháp này; và trường hợp đơn phương sửa đổi các biện pháp này, nếu có, sẽ phải tuân thủ nguyên tắc “*Chỉ tiến không lùi*” (*Ratchet*).

Chú ý: Nguyên tắc “Chỉ tiến không lùi” trong đầu tư của RCEP phân làm 02 nhóm: (i) đối với Campuchia, Indonesia, Lào, Myanmar, Philippines, nguyên tắc này đòi hỏi các nước này không được sửa các biện pháp mở cửa đầu tư trong các lĩnh vực nêu tại Danh mục A theo hướng hạn chế hơn so với mức mở cửa tại *thời điểm RCEP có hiệu lực*; (ii) đối với các nước còn lại (trong đó có Việt Nam), trong vòng 05 năm đầu kể từ khi RCEP có hiệu lực thì áp dụng Ratchet tương tự nhóm 4 nước nói trên, từ năm thứ 6 trở đi nguyên tắc Ratchet sẽ áp dụng tuyệt đối, theo nghĩa mọi sửa đổi đều không được thấp hơn mức mở cửa *liền trước đó*.

- **Danh mục B:** Các bảo lưu nêu tại Danh mục B được áp dụng mà không bị giới hạn theo các điều kiện chung như với Danh mục A.

➔ Các nước thành viên RCEP cam kết mở cửa đầu tư như thế nào?

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Liên quan tới việc đầu tư trực tiếp (FDI) vào các nước RCEP theo các cam kết mở cửa của RCEP, doanh nghiệp cần chú ý:

- Trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất: Cần tra cứu các cam kết tại Chương Đầu tư (Chương 10) và Phụ lục III (về các cam kết mở cửa cho đầu tư của từng nước RCEP);
- Trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ: Cần tra cứu trước hết là các cam kết tại Chương Thương mại dịch vụ (Chương 8) và Phụ lục II (nếu nước nhận đầu tư lựa chọn mở cửa thị trường theo phương pháp “chọn-cho”) hoặc Phụ lục III (nếu nước nhận đầu tư lựa chọn mở cửa thị trường theo phương pháp “chọn-bỏ”); sau đó là tra cứu cam kết về đầu tư tại Chương 10.

Ngoài ra, khác với cam kết về thuế quan thường cần được quy định chi tiết trong pháp luật nội địa, các cam kết về đầu tư (sản xuất, dịch vụ) hầu như sẽ được các nước áp dụng trực tiếp (mà không có văn bản pháp luật nội địa nội luật hóa). Do đó, doanh nghiệp nên tra cứu kỹ các cam kết mở cửa (Phụ lục II và III) của các nước trong RCEP.

## Cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam trong RCEP?



Trước RCEP, ngoài các cam kết về mở cửa đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ, Việt Nam mới chỉ có cam kết về mở cửa đầu tư trong các lĩnh vực phi dịch vụ (tức là các lĩnh vực sản xuất hàng hóa công nghiệp, nông nghiệp) trong CPTPP và EVFTA. Trong WTO hay các FTA ASEAN+, các cam kết về đầu tư của Việt Nam chỉ dừng lại ở các nguyên tắc ứng xử với nhà đầu tư mà không có cam kết cụ thể nào về việc mở cửa cho đầu tư vào các ngành sản xuất.

Cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam trong RCEP được thực hiện theo phương pháp “chọn-bỏ”, với các nội dung cụ thể được nêu trong Biểu các biện pháp không tương thích của Việt Nam tại Phụ lục III Văn kiện RCEP.

Biểu này của Việt Nam bao gồm 02 Danh mục (cơ chế áp dụng cho mỗi Danh mục như nêu trong Câu hỏi liên trước):

- Danh mục A (hiện chỉ gồm 03 biện pháp không tương thích, nhưng Việt Nam bảo lưu quyền thay đổi, rút lại hoặc bổ sung mới các biện pháp không tương thích của Danh mục trong vòng 02 năm kể từ khi RCEP có hiệu lực theo các điều kiện cụ thể); và
- Danh mục B (gồm phần lớn các biện pháp không tương thích được Việt Nam nêu trong Danh mục này).

Các biện pháp không tương thích được bảo lưu trong cả 02 Danh mục đều nêu rõ bảo lưu với nguyên tắc cụ thể nào của RCEP, trong lĩnh vực nào, kèm theo các mô tả chi tiết về nội dung bảo lưu.

### Danh mục A

Các biện pháp bảo lưu trong Danh mục A của Việt Nam gồm:

- Bảo lưu giữ các điều kiện nêu tại các Giấy phép đầu tư, Chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư mà Việt Nam đã cấp cho nhà đầu tư trước ngày RCEP có hiệu lực (ví dụ điều kiện chuyển giao tài sản đã đầu tư cho Chính phủ Việt Nam trên cơ sở không bồi thường sau khi dự án đầu tư hết hạn...);
- Bảo lưu chỉ cấp phép đầu tư nước ngoài trong sản xuất máy bay, thiết bị chạy trên đường sắt, thiết bị thay thế, toa tàu và xe ô tô chở khách thông qua liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với vốn nước ngoài không vượt quá 49% tổng vốn.

➤ Cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam trong RCEP?

## Danh mục B

Trong Danh mục B, Việt Nam đưa ra các bảo lưu chung (cho tất cả các ngành) và bảo lưu riêng với một số ngành cụ thể.

Một số bảo lưu chung đáng chú ý của Việt Nam trong Danh mục B:

- Bảo lưu quyền phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư RCEP trong các biện pháp liên quan tới (i) các thủ tục đầu tư (đăng ký đầu tư, quản lý ngoại hối...); (ii) thành lập chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; (iii) tuyển dụng lao động nước ngoài; (iv) biện pháp liên quan tới đầu tư trong các ngành, phân ngành dịch vụ (trừ các trường hợp đã mở theo Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ);
- Bảo lưu quyền ban hành và duy trì bất kỳ biện pháp có tính phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư RCEP liên quan đến (i) đầu tư gián tiếp (mua bán cổ phần, trái phiếu...), chứng khoán, chuyển nhượng/sáp nhập công ty niêm yết (ii) đất đai, tài sản, và tài nguyên thiên nhiên gắn liền với đất (ví dụ các biện pháp thu hồi, sở hữu, giao, cho thuê đất, chính sách sử dụng đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất...);
- Bảo lưu quyền phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư RCEP, quyền đặt ra các yêu cầu về hoạt động (PR) liên quan đến (i) các doanh nghiệp nhà nước, giám sát và quản lý đầu tư do các quỹ nhà nước đầu tư (ví dụ các biện pháp tư nhân hóa, cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước...), (ii) các doanh nghiệp nhỏ và vừa; (iii) thành lập và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và doanh nghiệp tư nhân;
- Bảo lưu quyền ban hành hoặc duy trì bất kỳ biện pháp liên quan đến duy trì an ninh lương thực, an ninh và quốc phòng, dành ưu tiên cho các nhóm yếu thế về mặt xã hội, kinh tế và địa lý và các dân tộc thiểu số;
- Bảo lưu quyền đặt ra các yêu cầu về hoạt động (PR) liên quan tới (i) yêu cầu chuyển giao công nghệ; (ii) yêu cầu về phí bản quyền liên quan đến sức khỏe, thuế, an ninh và quốc phòng, và lợi ích công cộng, phí bản quyền theo hợp đồng li-xăng.

Các bảo lưu riêng đáng chú ý cho từng ngành của Việt Nam được nêu như trong Bảng dưới đây.

➤ Cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam trong RCEP?

**Bảng 7** Tóm tắt cam kết mở cửa đối với đầu tư trong một số ngành sản xuất của Việt Nam trong RCEP

Mức độ mở cửa cam kết	Ngành
Chưa cam kết (bảo lưu toàn bộ)	Sản xuất pháo (bao gồm cả pháo hoa), đèn trời
	Sản xuất cung cấp vật liệu nổ Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
	Xuất bản (tất cả các loại ấn phẩm xuất bản) In ấn (sách, ảnh, bản đồ, áp phích, lịch, tiền, giấy tờ có giá, hóa đơn, báo chí, tem chống hàng giả, giấy chứng nhận, hộ chiếu, thẻ căn cước...) Báo chí, thu thập tin tức, thông tin đại chúng, phát thanh và truyền hình, dưới mọi hình thức
	Tái chế, tân trang các sản phẩm công nghệ thông tin truyền thông (ITC)
	Sản xuất thuốc lá điếu và xì gà; rượu và đồ uống có cồn; vàng
	Chế tạo và lắp ráp xe buýt và xe ô tô từ 29 chỗ trở lên
	Khai khoáng (ngoại trừ khoáng sản phi kim loại, khoáng sản làm vật liệu thông thường)
	Lâm nghiệp và săn bắn
	Nuôi trồng, sản xuất, chế biến thực vật quý hiếm, chăn nuôi động vật hoang dã quý hiếm và chế biến thực vật, động vật đó
	Di sản văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng
	Phát triển điện
	Năng lượng nguyên tử
	Cảng sông, cảng biển và cảng hàng không
Các ngành chưa tồn tại ở Việt Nam hoặc chưa được Chính phủ Việt Nam công nhận tại thời điểm RCEP có hiệu lực	
Bảo lưu quyền dành đặc quyền cho nhà đầu tư Việt Nam	Sản xuất thiết bị nổ công nghiệp; Sản xuất xi măng; bê tông trộn sẵn, nghiền đá; Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy.
Mở đầy đủ theo các nguyên tắc RCEP (không bảo lưu)	Tất cả các lĩnh vực sản xuất còn lại



## RCEP cam kết như thế nào về việc nhập cảnh tạm thời cho cá nhân kinh doanh?

Liên quan tới việc nhập cảnh tạm thời của các cá nhân phục vụ cho hoạt động thương mại, đầu tư (còn gọi là “di chuyển thể nhân”), RCEP có các cam kết về vấn đề này tại Chương 9 – Di chuyển thể nhân và Biểu cam kết của từng nước tại Phụ lục IV RCEP. RCEP đưa ra một số yêu cầu chung trong quản lý nhập cảnh tạm thời của cá nhân kinh doanh trong RCEP, ví dụ:

- *Về quy trình xử lý đơn xin nhập cảnh:* Nếu có yêu cầu nộp đơn xin nhập cảnh thì quy trình xử lý đơn xin nhập cảnh phải được tiến hành nhanh chóng, phải thông báo xác nhận việc tiếp nhận hồ sơ cũng như quyết định xử lý đơn trong khoảng thời gian hợp lý.

Các nước được khuyến khích nhận đơn dạng điện tử và không yêu cầu giấy tờ gốc; việc thu phí phải hợp lý, không tạo thành rào cản cho việc nhập cảnh của các cá nhân liên quan;...

- *Về minh bạch:* Phải thông báo công khai các (i) tài liệu giải thích - hướng dẫn về thủ tục nhập cảnh; các giấy tờ, biểu mẫu cần có trong Hồ sơ đơn xin nhập cảnh; (ii) các thay đổi liên quan tới quy định, quy trình nhập cảnh theo Chương này; Phải có cơ chế để trả lời các vướng mắc, băn khoăn về quy định nhập cảnh...

Tương tự như nhiều FTA khác, RCEP nhấn mạnh quyền của các nước thành viên trong việc:

- Đặt ra các điều kiện cụ thể đối với việc nhập cảnh tạm thời cũng như các thủ tục cấp phép liên quan đối với các cá nhân nhập cảnh theo diện cam kết;
- Áp dụng bất kỳ biện pháp nào liên quan tới lao động nước ngoài nhập cư, quốc tịch hay tư cách công dân.

Cam kết cụ thể của mỗi nước thành viên về mở cửa cho cá nhân nước đối tác được di chuyển và nhập cảnh tạm thời phục vụ cho các hoạt động thương mại, đầu tư được nêu tại Biểu cam kết của từng nước tại Phụ lục IV RCEP.

## Cam kết của Việt Nam trong RCEP về di chuyển thể nhân?



Theo Biểu cam kết của Việt Nam tại Phụ lục IV, mức mở cửa cho di chuyển thể nhân của Việt Nam cho đối tác RCEP có thể tóm tắt như sau:

- *Đối với người nhập cảnh vì mục đích thành lập hiện diện thương mại:* Các nhà quản lý, giám đốc điều hành của doanh nghiệp nước đối tác RCEP nhập cảnh để thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam được phép nhập cảnh tối đa 90 ngày. Mức cam kết này tương đương với mức cam kết trong WTO của Việt Nam.
- *Đối với người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:* Nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại ở Việt Nam được nhập cảnh vào Việt Nam trong thời hạn tối đa là 03 năm, có thể gia hạn tùy theo thời hạn hoạt động của hiện diện thương mại tại Việt Nam (số lượng cho phép tối đa không quá 80% tổng số quản lý, điều hành, chuyên gia của hiện diện thương mại tại Việt Nam, tối thiểu được 03 người). Mức cam kết này tương đương với mức cam kết trong WTO của Việt Nam.
- *Đối với các nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia được doanh nghiệp nước ngoài ký hợp đồng lao động để làm việc cho hiện diện thương mại của họ ở Việt Nam (mà không thể thay thế bằng người Việt Nam):* Được nhập cảnh theo thời hạn hợp đồng lao động, tối đa không quá 03 năm, có thể gia hạn theo hợp đồng lao động. Đây là một nội dung mới mà trong WTO Việt Nam không có cam kết.
- *Đối với người chào bán dịch vụ:* Cá nhân nước ngoài nhập cảnh để chào bán dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ một nước đối tác RCEP (mà không trực tiếp bán dịch vụ cho công chúng, cũng không trực tiếp cung cấp dịch vụ) được nhập cảnh tối đa 90 ngày. Đây là một nội dung mới mà trong WTO Việt Nam không có cam kết.
- *Đối với người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:* Người làm việc cho doanh nghiệp RCEP có thể nhập cảnh vào Việt Nam theo thời hạn hợp đồng, tối đa 90 ngày, để cung cấp dịch vụ máy tính (CP 841- 845, 849) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) theo hợp đồng đã ký giữa doanh nghiệp RCEP đó với khách hàng Việt Nam. Mức cam kết này tương đương với mức cam kết trong WTO của Việt Nam.

Một số nước RCEP có cam kết mở cửa cho nhập cảnh tạm thời đối với thân nhân (vợ/chồng/người phụ thuộc) của 05 nhóm đối tượng trên. Tuy nhiên Việt Nam không có cam kết về vấn đề này, và vì vậy việc mở cửa hay không cho nhóm thân nhân hoàn toàn phụ thuộc vào quyền quyết định của Việt Nam.







# 4

CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

## SỞ HỮU TRÍ TUỆ, MUA SẺ CÔNG





55

## RCEP có cam kết về các vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT) nào?

Các cam kết về sở hữu trí tuệ (SHTT) trong RCEP được nêu tại Chương 11 (bao gồm phần Lời văn Chương 11 và 02 Phụ lục 11A và 11B).

### Về nội dung

Các cam kết về SHTT của RCEP tập trung vào 04 nhóm vấn đề chính, bao gồm:

- *Nhóm các cam kết chung:* Nhóm này bao gồm các cam kết ghi nhận mục tiêu, các nguyên tắc chung về SHTT, các Điều ước quốc tế về SHTT cần phê chuẩn/gia nhập;
- *Nhóm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ các quyền SHTT:* Đây là nhóm cam kết chiếm phần lớn dung lượng của Chương này, với các quy định chi tiết về một số tiêu chuẩn bảo hộ bắt buộc đối với từng loại quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế - bao gồm cả nguồn gen-tri thức dân gian);
- *Các cơ chế thực thi các quyền SHTT:* Nhóm này bao gồm các cam kết về các yêu cầu cụ thể đối với các biện pháp thực thi quyền SHTT, nhất là các biện pháp thực thi tại biên giới, các hình thức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm;
- *Hợp tác nội khối trong các vấn đề SHTT:* Nhóm này bao gồm các cam kết hướng tới hợp tác và hỗ trợ (đặc biệt là hỗ trợ kỹ thuật) trong thực thi các cam kết về SHTT.

Trong so sánh với các quy định của Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT (TRIPS) của WTO, RCEP bổ sung khá nhiều các cam kết mới, có tiêu chuẩn và mức độ bảo hộ quyền SHTT cao hơn, nghiêm khắc hơn (thường được gọi là cam kết có tiêu chuẩn WTO+).

### Về giai đoạn chuyển tiếp

Trong bối cảnh các nước RCEP có sự khác biệt đáng kể về trình độ và năng lực thực thi SHTT, RCEP chấp nhận cho phép một số nước thành viên chưa phải thực hiện ngay một số cam kết WTO+ nhất định khi RCEP có hiệu lực mà được hưởng một thời gian chuyển tiếp nhất định với lộ trình thực thi được xác định riêng theo từng nước, từng cam kết cụ thể nêu tại Phụ lục 11A.

➤ RCEP có cam kết về các vấn đề sở hữu trí tuệ nào?

Có tổng cộng 7 thành viên RCEP (bao gồm Campuchia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) có cam kết về thời gian chuyển tiếp. Các nước này có nghĩa vụ:

- Phải thông báo rõ về kế hoạch và tiến độ thực thi dần các cam kết có bảo lưu lộ trình thực hiện;
- Ngay cả trong thời gian chuyển tiếp, phải bảo đảm nguyên tắc ratchet “chỉ tiến không lùi” (không được thực hiện các biện pháp làm giảm mức độ tuân thủ các cam kết được bảo lưu).

Ngoài ra, RCEP cũng ghi nhận tất cả các quyền bảo lưu dành cho các nước kém phát triển nhất được ghi nhận trong Hiệp định TRIPS của WTO.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

So với các cam kết trong các lĩnh vực khác của RCEP và mặt bằng chung ở nhiều nước thành viên, cam kết về SHTT trong RCEP được đánh giá là có tiêu chuẩn cao hơn đáng kể, và vì vậy rất thách thức cho quá trình thực thi.

Tuy nhiên, với Việt Nam, cơ bản các cam kết về sở hữu trí tuệ trong RCEP được thiết kế theo các nội dung và với tiêu chuẩn ở mức tương đương hoặc thấp hơn so với cam kết tương tự tại các FTA thế hệ mới gần đây (CPTPP và EVFTA) mà Việt Nam đang thực thi theo lộ trình (vào theo quy định của TRIPS thì các cam kết về SHTT trong các FTA sẽ phải áp dụng chung, chứ không chỉ giới hạn ở các đối tác FTA có cam kết). Do đó, việc thực thi RCEP sẽ không tạo ra xáo trộn hay thay đổi gì trong hệ thống pháp luật và thực thi quyền SHTT ở Việt Nam.

Việt Nam là một trong 07 nước RCEP có bảo lưu thời gian chuyển tiếp. Tuy nhiên, bảo lưu của Việt Nam chủ yếu liên quan tới việc gia nhập một số Điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam chưa phải là thành viên, không có bảo lưu về tiêu chuẩn bảo hộ SHTT cụ thể nào (ngoại trừ 01 bảo lưu về bảo hộ nhãn hiệu dạng âm thanh – đang sửa Luật SHTT để tương thích từ năm 2022).



## RCEP có yêu cầu các nước thành viên tham gia các Điều ước quốc tế về SHTT cụ thể nào không?

Yêu cầu các nước thành viên tham gia các Điều ước quốc tế về SHTT là cách thức mà một số FTA thực hiện, qua đó gián tiếp mở rộng phạm vi các cam kết về SHTT trong Hiệp định, không chỉ ở các nội dung trong Lời văn Hiệp định mà còn cả các yêu cầu cụ thể trong các Điều ước quốc tế liên quan.

RCEP cũng đi theo cách thức này, theo đó các Điều ước quốc tế được đề cập trong Hiệp định được phân làm 03 nhóm, tương ứng với các mức độ yêu cầu khác nhau:

- *Nhóm các Điều ước quốc tế mà các thành viên RCEP bắt buộc phải tham gia*

Nhóm này bao gồm 07 Điều ước quốc tế: Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp; Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Hiệp ước Hợp tác sáng chế (PCT); Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế về nhãn hiệu; Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả (WCT); Hiệp ước của WIPO về buổi biểu diễn và bản ghi âm (WPPT), và Hiệp ước Marrakesh về tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản cho những người mù, người khiếm thị, và người không đọc được tài liệu in).

Theo dữ liệu thành viên của các Điều ước này, tính tới 9/2021, Việt Nam mới tham gia 4/7 Điều ước, còn 03 Điều ước chưa tham gia là WCT, WPPT và Hiệp ước Marrakesh. Trong Phụ lục 11A, Việt Nam có bảo lưu lộ trình tham gia WCT và WPPT là 3 năm sau khi RCEP có hiệu lực, 5 năm với Hiệp định Marrakesh.

- *Nhóm Điều ước quốc tế mà các thành viên RCEP cần nỗ lực tham gia (nếu chưa phải là thành viên)*

Nhóm này chỉ bao gồm 01 Điều ước là Hiệp ước Budapest về Công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm các mục đích cho thủ tục về sáng chế. Việt Nam hiện đã là thành viên của Hiệp ước này.

- *Nhóm các Điều ước quốc tế mà các thành viên RCEP được khuyến khích tham gia (nếu chưa phải là thành viên) và các thành viên khác nên hợp tác/hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy việc tham gia này.*

Nhóm này bao gồm 04 Điều ước, liên quan tới các quyền sở hữu trí tuệ khác nhau, bao gồm Công ước quốc tế về bảo hộ các giống cây trồng (Văn kiện Geneva năm 1991), Hiệp định La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp (Văn kiện Geneva năm 1999), Công ước quốc tế về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng (Công ước Rome); và Hiệp ước Singapore về Luật Nhãn hiệu.

Trong số 04 Điều ước này, Việt Nam đã tham gia 03 Điều ước, chỉ chưa tham gia 01 Điều ước mới nhất là Hiệp ước Singapore về Luật Nhãn hiệu.

## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về quyền tác giả và quyền liên quan?



RCEP nhấn mạnh lại các quyền độc quyền của tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất trong việc cho phép truyền đạt, phổ biến, sao chép tác phẩm của mình như quy định tại Hiệp định TRIPS của WTO.

Đồng thời, RCEP ghi nhận thêm một số tiêu chuẩn bảo hộ cụ thể sau đây đối với các chủ thể quyền trong lĩnh vực này như:

- Quyền được hưởng thù lao một lần/tiền tác quyền của người biểu diễn và nhà sản xuất khi bản ghi của họ được phát sóng vì mục đích thương mại;
- Quyền của các tổ chức phát sóng và tín hiệu vệ tinh mang chương trình mã hóa trong ngăn cản việc phát sóng lại, định hình/sao chép bản định hình các chương trình phát sóng;
- Cơ chế bảo hộ hiệu quả đối với các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền (TPM) và các thông tin điện tử quản lý quyền (RMI)...

Ngoài các tiêu chuẩn bảo hộ cụ thể dành cho chủ thể quyền, RCEP cũng bao gồm các cam kết khác liên quan tới việc hỗ trợ bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan, ví dụ:

- Cam kết nỗ lực thúc đẩy việc thành lập các tổ chức đại diện tập thể để quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan, và bảo đảm các tổ chức này hoạt động công bằng, công khai, hiệu quả (nhất là trong thu và phân phối tiền bản quyền);
- Cam kết các cơ quan Nhà nước (ít nhất là cơ quan cấp trung ương) chỉ sử dụng phần mềm máy vi tính hợp pháp (giới hạn ở các quy định tại Chương SHTT này của RCEP).

RCEP đồng thời cũng ghi nhận quyền của các nước thành viên trong việc áp dụng các ngoại lệ, giới hạn bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong các Điều ước quốc tế với điều kiện phải nỗ lực bảo đảm sự cân bằng giữa quyền của chủ thể quyền với các mục đích công cộng (giáo dục, nghiên cứu, quyền tiếp cận của người khuyết tật...).



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về nhãn hiệu?

Cam kết về nhãn hiệu trong RCEP có nhiều điểm mới so với quy định trong Hiệp định TRIPS của WTO, với tiêu chuẩn bảo hộ cao hơn, ở mức tương đương với mức cam kết trong CPTPP, EVFTA.

Sau đây là một số cam kết RCEP về nhãn hiệu đáng chú ý:

- Nhãn hiệu được bảo hộ không nhất thiết phải là các dấu hiệu nhìn thấy được, nhãn hiệu có thể dưới dạng âm thanh;
- Nhãn hiệu có thể bao gồm nhãn hiệu tập thể (collective marks) và nhãn hiệu chứng nhận (certification marks);
- Nhãn hiệu có thể được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý nếu đáp ứng các điều kiện liên quan; nếu nhãn hiệu có trước chỉ dẫn địa lý thì nhãn hiệu đó phải được bảo hộ;
- Nhãn hiệu có thể bị từ chối đăng ký hoặc nếu đăng ký rồi thì có thể bị hủy bỏ nếu có mục đích không lành mạnh (xác định theo pháp luật nội địa);
- Hệ thống đăng ký nhãn hiệu của quốc gia phải bảo đảm (i) được duy trì trực tuyến (phục vụ việc xử lý, đăng ký, duy trì, công khai đơn đăng ký và các nhãn hiệu được bảo hộ); (ii) cho phép người nộp đơn quyền được yêu cầu giải thích lý do, có cơ hội khiếu nại/kiện ra tòa nếu đơn bị từ chối; (iii) cho phép các chủ thể khác có cơ hội phản đối việc đăng ký, yêu cầu hủy/thu hồi/vô hiệu hóa đăng ký; (iv) nếu đơn đăng ký bị từ chối thì phải giải thích rõ lý do từ chối đăng ký nếu được yêu cầu;
- Chủ nhãn hiệu phải có quyền ngăn cản người khác sử dụng các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự cho sản phẩm trùng/tương tự với sản phẩm đã đăng ký nhãn hiệu nếu việc sử dụng đó dẫn tới khả năng gây nhầm lẫn (trừ trường hợp các thuật ngữ mô tả);
- Nhãn hiệu nổi tiếng phải được bảo hộ mà không phụ thuộc vào việc nhãn hiệu đó đã được đăng ký (ở nước thành viên RCEP hay ở nước nào khác) hay được liệt kê trong một danh sách nhãn hiệu nổi tiếng có sẵn hay phải được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng hay không.

## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về chỉ dẫn địa lý?



Tương tự như CPTPP, RCEP ghi nhận quyền của các nước thành viên trong việc lựa chọn hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý riêng biệt hay chung với bảo hộ nhãn hiệu, miễn là các tiêu chuẩn bảo hộ chỉ dẫn địa lý phải được bảo đảm theo đúng các điều kiện nêu tại Hiệp định TRIPS của WTO.

Liên quan tới thủ tục bảo hộ chỉ dẫn địa lý, các nước thành viên RCEP phải bảo đảm thủ tục này đáp ứng các yêu cầu cụ thể, ví dụ:

- Chấp nhận các đơn bảo hộ chỉ dẫn địa lý từ nước thành viên khác mà không cần phải có người đại diện của nước đó tham gia vào quá trình đăng ký;
- Công khai quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, các thủ tục hành chính liên quan tới việc bảo hộ (trong đó có thủ tục nộp đơn bảo hộ, thủ tục hủy bỏ bảo hộ), các hướng dẫn thực hiện thủ tục nộp đơn...;
- Người nộp đơn phải được thông tin về tình trạng xử lý đơn;
- Phải công bố các đơn xin bảo hộ để các chủ thể khác có thể phản đối theo các thủ tục phản đối quy định;
- Có thể từ chối bảo hộ một chỉ dẫn địa lý nếu chỉ dẫn đó là tên gọi chung của loại hàng hóa liên quan trong ngôn ngữ thông dụng ở nước mình (kể cả dưới dạng dịch nghĩa/phiên tự hoặc thành phần riêng biệt trong một thuật ngữ đa thành phần)..

RCEP cũng ghi nhận các bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã có của các nước thành viên theo các thỏa thuận quốc tế khác nếu đáp ứng một số yêu cầu cụ thể về minh bạch thủ tục (áp dụng riêng đối với từng trường hợp: thỏa thuận ký kết trước và thỏa thuận ký kết sau khi RCEP có hiệu lực).

Với Việt Nam, các cam kết này của RCEP là cơ sở để Việt Nam tiếp tục duy trì việc bảo hộ một số chỉ dẫn địa lý của EU và Vương quốc Anh mà Việt Nam đã cam kết công nhận tự động theo EVFTA và UKVFTA.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về sáng chế?

Cam kết của RCEP về sáng chế nhắc lại các quy định trong Hiệp định TRIPS của WTO về các đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế, các quyền độc quyền của chủ sáng chế, về các ngoại lệ liên quan (trong đó có cả các trường hợp được sử dụng sáng chế mà không cần chủ sáng chế cho phép, sử dụng sáng chế với mục đích thử nghiệm) và một số khía cạnh khác.

RCEP cũng ghi nhận một số cam kết mới về sáng chế đáng chú ý:

- *Về thủ tục thẩm định và cấp bằng sáng chế:*

Hệ thống cấp bằng sáng chế phải bảo đảm (i) cho phép người nộp đơn quyền được yêu cầu giải thích lý do, có cơ hội khiếu nại/kiện ra tòa nếu đơn bị từ chối; (ii) cho các chủ thể khác có cơ hội phản đối việc cấp bằng sáng chế, cũng như yêu cầu hủy/thu hồi/vô hiệu hóa bằng sáng chế đã cấp; (iii) các quyết định liên quan tới việc phản đối, thu hồi, hủy bỏ, vô hiệu hóa bằng sáng chế phải được lập thành văn bản, sẵn có dưới dạng điện tử và phải giải trình rõ lý do ra quyết định; (iv) công bố đơn đăng ký sáng chế muộn nhất là sau 18 tháng kể từ ngày nộp đơn (có linh hoạt trong các trường hợp đơn có ngày ưu tiên, đơn đang được thẩm định chưa thể công bố, người nộp đơn yêu cầu công bố sớm)

Mặc dù không yêu cầu bắt buộc như hệ thống đăng ký nhãn hiệu, đối với hệ thống đăng ký sáng chế (ít nhất là với quy trình nộp đơn xin cấp bằng sáng chế), RCEP cũng khuyến khích các nước thành viên duy trì hệ thống này dưới dạng điện tử.

Các nước cũng được yêu cầu phải cố gắng quy định về thủ tục thẩm định nhanh cho một số trường hợp cụ thể.

- *Về ân hạn “tính mới”:*

RCEP ghi nhận lợi ích của việc chấp nhận một số ngoại lệ về “tính mới” (đối với một số trường hợp sáng chế được công khai trước khi nộp đơn xin cấp bằng sáng chế) – còn gọi là “ân hạn về tính mới”. Tuy nhiên, RCEP cũng nhấn mạnh thông tin công bố rộng rãi trên Internet có thể bị coi là một phần của “tình trạng kỹ thuật đã biết” khi xem xét đơn đăng ký sáng chế.

- *Về hệ thống phân loại sáng chế:*

RCEP không đưa ra cam kết cụ thể về hệ thống phân loại sáng chế mà các nước thành viên phải tuân thủ. Tuy nhiên, Hiệp định yêu cầu các nước thành viên nỗ lực sử dụng hệ thống phân loại sáng chế phù hợp với Thỏa ước Strasbourg về Phân loại sáng chế quốc tế 1971.



➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về sáng chế?

- Về trường hợp sáng chế có liên quan tới nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa bản địa:

Trong các trường hợp này, nếu thủ tục đăng ký sáng chế có yêu cầu về công bố (disclosure requirements) nguồn gốc, xuất xứ của nguồn gen thì các quy định liên quan tới yêu cầu này phải được công khai rộng rãi.

Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền thẩm định sáng chế trong các trường hợp này cần (i) xem xét các thông tin tư liệu sẵn có công khai về tri thức truyền thống gắn với nguồn gen khi xác định “tình trạng kỹ thuật đã biết”; (ii) tạo cơ hội cho các bên thứ ba cung cấp các thông tin đã bộc lộ về tri thức truyền thống về nguồn gen để đánh giá khả năng cấp bằng sáng chế; (iii) sử dụng cơ sở dữ liệu hoặc thư viện số chứa các thông tin liên quan đến tri thức truyền thống về nguồn gen, nếu có thể và phù hợp.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về kiểu dáng công nghiệp?

Cam kết RCEP về kiểu dáng công nghiệp nhắc lại các quy định liên quan trong Hiệp định TRIPS của WTO, đồng thời bổ sung thêm một số nội dung đáng chú ý sau:

- *Về đối tượng có thể được bảo hộ:* Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ có thể là kiểu dáng của tổng thể sản phẩm, cũng có thể là kiểu dáng của một bộ phận/một phần của sản phẩm hoặc một phần của một sản phẩm đơn lẻ trong sản phẩm tổng thể;
- *Về tính mới/nguyên gốc:* Thông tin đã được công bố rộng rãi trên internet có thể coi là một phần của "tình trạng kỹ thuật đã biết" của kiểu dáng;
- *Về hệ thống phân loại kiểu dáng công nghiệp:* Tương tự như với sáng chế, RCEP không đưa ra cam kết cụ thể về hệ thống phân loại kiểu dáng công nghiệp mà yêu cầu các nước thành viên nỗ lực sử dụng hệ thống phân loại kiểu dáng công nghiệp phù hợp với Thỏa ước Locarno về Phân loại quốc tế Kiểu dáng công nghiệp 1968;
- *Về hệ thống đăng ký kiểu dáng công nghiệp:* Các cam kết về hệ thống đăng ký kiểu dáng công nghiệp trong RCEP gần tương tự với các cam kết bắt buộc thực hiện áp dụng cho hệ thống đăng ký sáng chế (xem Câu hỏi liên trước).

## RCEP có cam kết gì đáng chú ý liên quan tới tên miền, tên quốc gia?



Liên quan tới **tên miền**, RCEP có cam kết tương tự CPTPP về việc:

- Phải duy trì một cơ chế giải quyết tranh chấp về tên miền bảo đảm (i) tương thích với tất cả các nguyên tắc trong Chính sách giải quyết tranh chấp về tên miền của ICANN, hoặc (ii) cho phép giải quyết tranh chấp nhanh, với chi phí phù hợp, công bằng và hợp lý, không loại trừ khả năng kiện tiếp ra tòa; và
- Phải có chế tài xử lý thích đáng đối với trường hợp cố ý đăng ký/nắm giữ tên miền trùng/tương tự đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu để cạnh tranh không lành mạnh nhằm thu lợi.

Liên quan tới **tên quốc gia**, RCEP đòi hỏi các nước thành viên phải có cơ chế pháp lý cần thiết để người có lợi ích liên quan có thể sử dụng nhằm ngăn chặn tên quốc gia của một nước thành viên RCEP bị dùng cho hàng hóa theo cách thức gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về xuất xứ của hàng hóa đó.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về tố tụng dân sự nhằm thực thi quyền SHTT?

Liên quan tới các thủ tục và chế tài dân sự để bảo vệ các quyền SHTT, RCEP có một số cam kết đáng chú ý cả về thủ tục chung và thủ tục liên quan tới các vi phạm cụ thể sau:

- *Về các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự về SHTT:* Ngoài thủ tục tố tụng tại tòa án, nước thành viên RCEP có thể cho phép giải quyết các tranh chấp này thông qua các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn như trọng tài hay trung gian, hòa giải;
- *Về bồi thường thiệt hại:* Tòa án phải có quyền quyết định buộc bồi thường thỏa đáng cho những thiệt hại mà chủ thể quyền phải chịu nếu người xâm phạm biết hoặc có cơ sở để biết rằng hành vi của mình là vi phạm quyền; khi xác định mức bồi thường này, Tòa cần xem xét đến cả các cách tính thiệt hại mà chủ thể quyền gợi ý;
- *Về chi phí tố tụng:* Ít nhất là đối với các vụ tranh chấp liên quan tới quyền tác giả, quyền liên quan và nhãn hiệu, Tòa án có thể, nếu phù hợp, buộc bên thua phải chịu toàn bộ chi phí liên quan tới tố tụng (phí tòa án, luật sư, phí khác);
- *Về bảo mật thông tin trong quá trình tố tụng:* Tòa án phải có quyền áp đặt hình phạt cho chủ thể tham gia tố tụng vi phạm lệnh của Tòa về việc bảo mật thông tin phát sinh/được trao đổi trong quá trình tố tụng;
- *Đối với các vụ việc sao lậu quyền tác giả, quyền liên quan hoặc giả nhãn hiệu:*
  - Tòa án phải có quyền (i) buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm không bồi thường nếu có yêu cầu của chủ thể quyền, hoặc (ii) thay vì tiêu hủy thì buộc phân phối hàng hóa đó ngoài kênh thương mại mà không phải bồi thường, với điều kiện phải bảo đảm rằng cách này không gây ra bất kỳ thiệt hại gì cho chủ thể quyền;
  - Đối với nguyên vật liệu dự kiến sử dụng để làm hàng vi phạm: Tòa án phải có quyền quyết định buộc phân phối các nguyên vật liệu này ngoài kênh thương mại mà không phải bồi thường, với điều kiện cách này có thể giảm thiểu nguy cơ tái vi phạm;
  - Đối với hàng giả mạo nhãn hiệu, trừ một số trường hợp đặc biệt, việc gỡ nhãn hiệu giả mạo khỏi hàng hóa là chưa đủ để đưa hàng hóa vào lưu thông thương mại.

➤ RCEP có cam kết gì đáng chú ý về tố tụng dân sự nhằm thực thi quyền SHTT?

- *Về các biện pháp tạm thời:*

Tòa án phải có quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của một bên, thậm chí trước khi bên kia có cơ hội giải trình trước Tòa về vụ việc, nếu người nộp đơn cung cấp được các bằng chứng xác thực và đã nộp một khoản bảo đảm.

Tùy từng trường hợp (hàng sao lậu quyền tác giả, giả mạo nhãn hiệu) mà đối tượng thu giữ có thể bao gồm hàng hóa bị cáo buộc vi phạm, nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất ra hàng hóa vi phạm và/hoặc tài liệu liên quan tới hành vi vi phạm.



## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về tố tụng hình sự nhằm thực thi quyền SHTT?

Chế tài hình sự là hình thức xử lý nghiêm khắc, áp dụng cho một số ít các trường hợp vi phạm quyền SHTT ở mức nghiêm trọng (bị coi là tội hình sự).

RCEP có một số cam kết bắt buộc liên quan tới việc sử dụng chế tài hình sự nhằm thực thi quyền SHTT đáng chú ý sau:

- Về các tội hình sự:  
Phải quy định tội hình sự đối với ít nhất các hành vi:
  - Cố ý sao lậu quyền tác giả/quyền liên quan, hoặc giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại;
  - Cố ý nhập khẩu hoặc phân phối/bán hàng hóa sao lậu quyền tác giả hoặc giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại;
  - Sao chép trái phép tác phẩm điện ảnh ở quy mô thương mại tại các buổi chiếu phim trong rạp, mà gây ra thiệt hại đáng kể cho chủ thể quyền.
- Đối với các tội cố ý sao lậu quyền tác giả, giả mạo nhãn hiệu hoặc cố ý nhập khẩu, phân phối/bán hàng các hàng hóa trên:
  - Hình phạt phải bao gồm phạt tù, phạt tiền hoặc cả hai, phải ở mức đủ cao để ngăn chặn vi phạm, tương ứng với mức hình phạt của các tội có mức độ nghiêm trọng tương tự;
  - Tòa án phải có quyền thu giữ hàng hóa nghi ngờ vi phạm, vật liệu, phương tiện liên quan tới quá trình phạm tội, tài liệu là bằng chứng phạm tội; có quyền tịch thu, tiêu hủy hàng hóa vi phạm, vật liệu phương tiện sử dụng để phạm tội, nhãn mác giả hoặc bao gói gắn nhãn mác giả liên quan.

## RCEP có cam kết gì đáng chú ý về thủ tục thực thi quyền SHTT tại biên giới?



Bên cạnh việc nhắc lại các cam kết liên quan trong Hiệp định TRIPS của WTO, RCEP còn bổ sung một số cam kết mới đáng chú ý về thủ tục thực thi quyền SHTT tại biên giới, tập trung vào hàng hóa bị nghi ngờ là sao lậu quyền tác giả/quyền liên quan và hàng giả mạo nhãn hiệu:

- *Về quyền chủ động hành động:*

Cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (thường là cơ quan hải quan, nhưng cũng có thể là cơ quan khác như tòa án, cơ quan quản lý chuyên ngành...) phải có quyền chủ động đình chỉ thông quan đối với các lô hàng nhập khẩu mà không cần phải có yêu cầu của chủ thể quyền nếu có căn cứ để nghi ngờ đó là hàng sao lậu hoặc giả mạo nhãn hiệu. Cơ quan này sau đó phải thông báo cho người nhập khẩu và chủ thể quyền về việc đình chỉ thông quan đối với hàng nhập khẩu.

Đối với trường hợp hàng xuất khẩu bị nghi ngờ là hàng sao lậu, giả mạo nhãn hiệu, nước thành viên có thể quy định về quyền chủ động hành động của cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (không bắt buộc).

Chú ý là việc chủ động hành động này phải được thực hiện một cách thiện ý, nếu không cơ quan thực hiện sẽ phải bị truy cứu trách nhiệm.

- *Về thời hạn xử lý:* Việc xác định hàng hóa bị đình chỉ thông quan (kể cả do cơ quan có thẩm quyền chủ động thực hiện hay thực hiện theo yêu cầu của chủ thể quyền) phải được tiến hành nhanh chóng;
- *Về cách thức xử lý:* Đối với hàng hóa bị đình chỉ thông quan và được xác định là vi phạm, cơ quan có thẩm quyền tại biên giới phải có quyền quyết định tiêu hủy hoặc buộc phân phối ngoài kênh thương mại theo cách bảo đảm tránh thiệt hại cho chủ thể quyền. Trừ các trường hợp đặc biệt, hàng hóa giả mạo không được phép đưa vào kênh thương mại chỉ bằng việc gỡ nhãn hiệu giả mạo;
- *Các khoản phí:* Các phí nộp đơn, phí lưu kho, hoặc phí tiêu hủy trong các trường hợp đình chỉ thông quan, nếu có, phải ở mức phù hợp, không cản trở một cách bất hợp lý tới việc áp dụng các biện pháp này.



## Cam kết RCEP về hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật trong vấn đề SHTT?

Trong so sánh với CPTPP và EVFTA, cam kết RCEP về hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật giữa các nước thành viên trong thực thi Chương SHTT nhiều hơn, đa dạng hơn. Sự hợp tác này là cần thiết nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa các thành viên RCEP trong trình độ, năng lực và hiện trạng thực thi SHTT, qua đó nâng cao hiệu quả của các cam kết RCEP trong lĩnh vực này.

**Về hợp tác**, RCEP ghi nhận 03 nhóm lĩnh vực mà các nước thành viên cần hợp tác với các mức độ ràng buộc khác nhau:

- Lĩnh vực duy nhất mà các nước thành viên RCEP có *nghĩa vụ phải hợp tác* thực hiện là hợp tác trong các biện pháp tại biên giới để loại bỏ hàng hóa xâm phạm quyền SHTT khỏi thương mại quốc tế;
- Các lĩnh vực mà các nước thành viên *cần nỗ lực hợp tác* bao gồm tăng cường giáo dục và nhận thức về SHTT; chia sẻ kết quả tra cứu, thẩm định và cơ chế bảo đảm chất lượng của hệ thống sáng chế; chia sẻ các phương pháp phòng chống xâm phạm quyền tác giả trực tuyến; ân hạn sáng chế;
- Các lĩnh vực mà *được khuyến khích hợp tác* bao gồm quản trị hệ thống bảo hộ giống cây trồng mới; hợp tác về thủ tục và quy trình cấp sáng chế để giảm chi phí; trao đổi thông tin về bảo hộ chỉ dẫn địa lý; đào tạo thẩm định viên sáng chế liên quan đến trí thức truyền thống về nguồn gen.

**Về hỗ trợ kỹ thuật**, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải có hỗ trợ kỹ thuật cho nhóm nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) trong thực hiện một số cam kết SHTT cụ thể của RCEP (như cầu hỗ trợ chi tiết được liệt kê tại Phụ lục 11B). Mặc dù vậy, việc thực thi nghĩa vụ này được thực hiện theo thỏa thuận, phù hợp với mức độ sẵn có về nguồn lực của các nước tham gia mà không buộc phải theo một cách thức, mức độ hay thời hạn hỗ trợ cứng nào.

Về vấn đề này, các khía cạnh mà Việt Nam đề nghị hỗ trợ đều liên quan tới các cam kết SHTT mà Việt Nam bảo lưu lộ trình thực hiện, tất cả đều gắn với việc xây dựng năng lực con người để thực thi các cam kết này (ví dụ thẩm định viên nhãn hiệu âm thanh, chuyên gia công nghệ thông tin cho hệ thống SHTT điện tử...).





## RCEP có cam kết gì về mua sắm công?

Mua sắm công (hay còn gọi là Mua sắm chính phủ) là lĩnh vực cam kết hoàn toàn mới của RCEP trong so sánh với các FTA ASEAN và ASEAN+ đã có giữa các nước RCEP.

Tuy nhiên, khác với CPTPP và EVFTA, cam kết RCEP về mua sắm công không bao gồm các cam kết về mở cửa thị trường mua sắm công của nước thành viên cho các nhà thầu nước thành viên khác. Chương 16 về mua sắm công của RCEP chỉ bao gồm các quy định liên quan tới việc minh bạch hóa và hợp tác trong pháp luật và quy trình đấu thầu mua sắm công (giới hạn ở cấp trung ương).

Cụ thể, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải bảo đảm công khai pháp luật, quy trình đấu thầu mua sắm công:

- Các thông tin này bao gồm cả địa chỉ đăng tải thông tin về các gói thầu mua sắm công, nếu có thể;
- Nỗ lực để công khai dưới dạng điện tử và bằng tiếng Anh.

RCEP cũng đòi hỏi các nước thành viên phải nỗ lực hợp tác nhằm tăng cường hiểu biết về hệ thống mua sắm công của nhau, bao gồm:

- Trao đổi thông tin, trong phạm vi có thể, về pháp luật, quy định và quy trình đấu thầu;
- Đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực;
- Chia sẻ thông tin, nếu có thể, về các thông lệ tốt (bao gồm các thông lệ liên quan đến doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa);
- Chia sẻ thông tin, nếu có thể, về các hệ thống đấu thầu điện tử.

RCEP cũng đề nghị khả năng tiếp tục rà soát để nâng cấp các cam kết về mua sắm công trong tương lai.

Các tranh chấp phát sinh liên quan tới các cam kết về mua sắm công trong RCEP được loại trừ khỏi phạm vi Cơ chế giải quyết tranh chấp (nêu tại Chương 19) của RCEP.

➤ RCEP có cam kết gì về mua sắm công?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

RCEP không có cam kết về mở cửa thị trường mua sắm công giữa các nước thành viên mà chỉ gồm một số nội dung nhằm minh bạch hóa thủ tục đấu thầu mua sắm công ở các nước này.

Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không phải lo lắng về việc cạnh tranh với các nhà thầu RCEP trong các gói thầu ở Việt Nam khi RCEP có hiệu lực. Tuy nhiên, theo chiều ngược lại, các doanh nghiệp cũng không thể kỳ vọng tiếp cận thị trường mua sắm công của các nước RCEP.

Về khía cạnh minh bạch, rà soát cho thấy pháp luật Việt Nam hiện đã bảo đảm đầy đủ các yêu cầu liên quan của RCEP, vì vậy suy đoán sẽ không có thay đổi gì trong hệ thống đấu thầu Việt Nam khi thực thi Hiệp định này.



CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

CẠNH TRANH,  
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ,  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA





## RCEP có cam kết gì về cạnh tranh?

Cam kết về cạnh tranh của RCEP được quy định tập trung tại Chương 13, bao gồm các quy định liên quan tới nghĩa vụ của các nước thành viên trong hành động chống các hành vi phản cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật trong các vấn đề về cạnh tranh.

*Về nghĩa vụ áp dụng các biện pháp chống hành vi phản cạnh tranh*, RCEP yêu cầu các nước thành viên (trừ một số ngoại lệ với Brunei, Campuchia, Lào, Myanmar nêu tại các Phụ lục của Chương 13) phải bảo đảm:

- Ban hành và thực thi các quy định ngăn chặn các hành vi phản cạnh tranh (ví dụ các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế trái pháp luật);
- Có cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh hiệu quả, bảo đảm độc lập khi ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;
- Áp dụng pháp luật cạnh tranh không phân biệt đối xử về quốc tịch, quyền sở hữu; mọi miễn trừ, nếu có, phải minh bạch và dựa trên chính sách, lợi ích công cộng;
- Công bố công khai (i) các văn bản quy định về cạnh tranh, các hướng dẫn thực thi liên quan (trừ các quy trình vận hành nội bộ); (ii) các căn cứ/lý do đã sử dụng để ban hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo cách phù hợp với pháp luật nội địa; phải cho phép chủ thể là đối tượng của các biện pháp xử phạt dự kiến có cơ hội bình luận các căn cứ nói trên và cung cấp chứng cứ liên quan; (iii) các bản tóm tắt của các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh phù hợp với pháp luật nội địa;
- Bảo mật thông tin trong vụ việc cạnh tranh;
- Bảo đảm quyền khiếu nại đến cơ quan khác hoặc kháng cáo ra Tòa các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

*Về nghĩa vụ hợp tác*, các nước thành viên RCEP được khuyến khích hợp tác trong các vấn đề liên quan tới thực thi pháp luật cạnh tranh trong phạm vi nguồn lực sẵn có, phù hợp với pháp luật nội địa của mình, đặc biệt trong các khía cạnh sau:

- Thông báo càng sớm càng tốt cho nước liên quan về biện pháp thực thi pháp luật cạnh tranh có thể ảnh hưởng tới lợi ích quan trọng của nước đó;
- Thảo luận giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực thi pháp luật cạnh tranh gây ảnh hưởng đáng kể tới lợi ích quan trọng của nước khác nếu họ có yêu cầu;
- Trao đổi, chia sẻ thông tin để nâng cao hiểu biết, tạo điều kiện thực thi hiệu quả pháp luật cạnh tranh giữa các nước;

## ➤ RCEP có cam kết gì về cạnh tranh?

- Phối hợp trong các hành động thực thi trong các vụ việc cạnh tranh tương tự hoặc có liên quan với nhau nếu được yêu cầu;
- Hợp tác trong các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực về cạnh tranh;
- Việc hợp tác chia sẻ thông tin mật trong lĩnh vực cạnh tranh giữa các nước thành viên được thực hiện theo cách thức mà các bên tự thống nhất, phù hợp với pháp luật của bên chia sẻ; bên yêu cầu chia sẻ thông tin mật phải nêu rõ mục đích, cách thức sử dụng thông tin mật khi yêu cầu, và nếu được cung cấp thì phải bảo đảm bảo mật, chỉ sử dụng thông tin đúng mục đích, không dùng làm bằng chứng trong tố tụng.

**Liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng**, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải duy trì và thực thi các quy định cấm các hành vi gây hiểu nhầm, mô tả sai lệch/gây hiểu lầm cho người tiêu dùng trong hoạt động thương mại.

Tranh chấp liên quan tới các cam kết về cạnh tranh của RCEP được loại trừ khỏi phạm vi Cơ chế giải quyết tranh chấp (nêu tại Chương 19) của Hiệp định này.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết về cạnh tranh trong RCEP cơ bản phù hợp với pháp luật và hệ thống thực thi pháp luật về cạnh tranh hiện hành của Việt Nam. Do đó, dự báo sẽ không có thay đổi nào về đáng kể về chính sách, pháp luật liên quan ở Việt Nam khi thực thi Hiệp định.

Tuy nhiên, RCEP có nhiều cam kết về hợp tác giữa các cơ quan cạnh tranh của các nước thành viên ở nhiều khía cạnh, trong đó có hợp tác xử lý các vụ việc cạnh tranh có đặc điểm tương đồng hoặc có liên quan với nhau (ví dụ các vụ tập trung kinh tế của các công ty đa quốc gia, các hành vi phản cạnh tranh ở quy mô khu vực...). Do đó, doanh nghiệp cạnh tranh quốc tế cần chú ý tới khía cạnh này để có thể bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của mình nếu bị thiệt hại bởi các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các đối tác, hoặc để điều chỉnh hoạt động cạnh tranh cho phù hợp, tránh những thiệt hại khi bị cáo buộc/xử lý.



## RCEP có cam kết gì về thương mại điện tử?

Thương mại điện tử là một nội dung mới so với các FTA ASEAN+, được quy định trong Chương 12 RCEP. Các cam kết về thương mại điện tử trong RCEP tập trung vào các khía cạnh đang nhận được sự quan tâm lớn hiện nay như tạo môi trường thuận lợi cho thương mại điện tử hay thúc đẩy thương mại điện tử qua biên giới.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết về thương mại điện tử đáng chú ý trong RCEP:

### Các cam kết nhằm tạo thuận lợi, bảo đảm an toàn trong thương mại điện tử

Trong RCEP, các nước thành viên cam kết tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho thương mại điện tử thông qua việc:

- Nỗ lực chấp nhận cho phép các thủ tục, giấy tờ hành chính được nộp dưới dạng điện tử và ghi nhận hiệu lực pháp lý tương đương thủ tục, giấy tờ bằng văn bản;
- Không từ chối giá trị pháp lý của chữ ký điện tử trừ khi pháp luật nội địa có quy định khác;
- Cho phép các bên tham gia giao dịch điện tử tự quyết định về công nghệ, hình thức giao dịch điện tử của mình, cho các bên cơ hội chứng minh giao dịch của họ phù hợp pháp luật nội địa;
- Bảo vệ người tiêu dùng trên mạng thông qua việc (i) ban hành quy định bảo vệ người tiêu dùng trước các hành vi gian lận, lừa đảo gây/có thể gây thiệt hại trên mạng; (ii) đăng công khai các quy định về cơ chế bảo vệ người tiêu dùng để họ biết mà sử dụng khi cần và để doanh nghiệp tuân thủ;
- Bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng bằng việc (i) tham khảo các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ thông tin cá nhân khi soạn thảo các quy định về vấn đề này; (ii) đăng công khai các quy định về cơ chế bảo vệ thông tin cá nhân; (iii) khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức công khai chính sách bảo vệ thông tin cá nhân cho người dùng của mình lên mạng;
- Ban hành và thực thi các quy định chống tin nhắn rác, ít nhất là phải (i) yêu cầu bên gửi tin nhắn phải xin phép và được sự chấp thuận của người nhận, hoặc cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn, hoặc hình thức khác để hạn chế tối đa tin nhắn rác không mong muốn; (ii) có cơ chế để khởi kiện người phát tán tin nhắn rác không tuân thủ các quy định nói trên.

 RCEP có cam kết gì về thương mại điện tử?

### Các cam kết nhằm thúc đẩy thương mại điện tử qua biên giới

Liên quan tới thương mại điện tử qua biên giới, RCEP yêu cầu các nước phải bảo đảm:

- Không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải sử dụng hoặc đặt máy chủ/thiết bị lưu trữ dữ liệu trên lãnh thổ nước sở tại như là điều kiện để thực hiện kinh doanh trên lãnh thổ nước mình trừ khi nhằm thực hiện chính sách công hoặc để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu;
- Không áp dụng thuế đối với việc truyền dữ liệu điện tử xuyên biên giới;
- Không ngăn cản việc chuyển các dữ liệu điện tử qua biên giới nếu là để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh giữa các nước RCEP trừ khi nhằm thực hiện chính sách công hoặc để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu.

Để phù hợp với tình trạng của các nước thành viên, đối với một số nghĩa vụ cụ thể về thúc đẩy thương mại điện tử qua biên giới, một số nước được bảo lưu lộ trình thực thi dài hơn, ví dụ:

- Campuchia, Lào, Myanmar bảo lưu 5 năm đối với cam kết ban hành và thực thi quy định bảo vệ thông tin cá nhân, bảo lưu 5 năm có thể gia hạn thêm 3 năm với cam kết không bắt buộc phải đặt máy chủ tại nước sở tại...;
- Việt Nam bảo lưu 5 năm với cam kết về việc đặt máy chủ tại nước sở tại và cam kết về chuyển dữ liệu qua biên giới.

**Chú ý:** Liên quan tới phạm vi áp dụng của các cam kết về thương mại điện tử, RCEP ghi nhận nhiều ngoại lệ/loại trừ, ví dụ:

- Các cam kết về thương mại điện tử trong RCEP sẽ không áp dụng đối với mua sắm công hay các thông tin mà cơ quan Chính phủ nắm giữ;
- Trường hợp có khác biệt giữa cam kết về thương mại điện tử với các cam kết liên quan trong Chương 8 (thương mại dịch vụ) và Chương 10 (đầu tư) thì ưu tiên áp dụng các quy định của Chương 8 và 10.

Các tranh chấp phát sinh từ việc thực thi các cam kết về thương mại điện tử trong Chương 12 RCEP này cần được xử lý thông qua tham vấn, nếu không thành công thì đưa ra Ủy ban hỗn hợp RCEP để xem xét. Mặc dù có quy định không sử dụng Cơ chế tranh chấp của RCEP (quy định tại Chương 19) để giải quyết các tranh chấp này, RCEP cũng đề nghị khả năng các nước thành viên xem xét việc áp dụng Cơ chế này trong tương lai.

➤ RCEP có cam kết gì về thương mại điện tử?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Khả năng nhiều các cam kết về thương mại điện tử trong RCEP đã được thực hiện trong pháp luật và thực tiễn nhiều nước (đặc biệt là các cam kết về việc bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử, chặn tin nhắn rác...). Tuy nhiên, với cam kết trong RCEP, các quy định pháp luật nội địa liên quan sẽ trở thành chuẩn tối thiểu bắt buộc thực hiện ở các nước thành viên.

Ngoài ra, một số cam kết trong RCEP được kỳ vọng sẽ giúp tạo ra mặt bằng chung thống nhất giữa các nước RCEP cho hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới được thực hiện một cách thuận lợi, ổn định và có thể dự đoán trước giữa các nước (ví dụ cam kết về tự do chuyển thông tin, không áp thuế đối với giao dịch chuyển dữ liệu qua biên giới...).

Về phía Việt Nam, các cam kết về thương mại điện tử trong RCEP có nội dung gần tương đồng với cam kết của Việt Nam trong CPTPP hay EVFTA và pháp luật Việt Nam hiện đã bảo đảm tuân thủ. Do đó, khi RCEP có hiệu lực, về nguyên tắc hệ thống pháp luật về thương mại điện tử của Việt Nam sẽ không phải thay đổi để tuân thủ các cam kết RCEP.



## RCEP có cam kết gì về SME?



Doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi chung là SME) là chủ đề mới, rất được quan tâm trong RCEP. Ngoài các cam kết về SME được nêu rải rác trong nhiều Chương cụ thể (mà phần lớn là nhằm thúc đẩy hợp tác trong hỗ trợ SME ở khía cạnh cụ thể liên quan), RCEP dành một Chương để cam kết riêng về SME (Chương 14).

Trong Chương này, RCEP yêu cầu các nước thành viên phải thúc đẩy việc thông tin về Hiệp định cho các SME thông qua việc thiết lập một nền tảng thông tin cho phép công chúng tiếp cận các thông tin chính xác và cập nhật về:

- Toàn văn Hiệp định RCEP;
- Các luật và quy định liên quan đến thương mại và đầu tư liên quan đến SME;
- Các thông tin bổ sung liên quan đến kinh doanh hữu ích cho SME trong tận dụng các cơ hội từ RCEP.

RCEP cũng yêu cầu các nước thành viên phải hợp tác trong các hoạt động nhằm hỗ trợ SME, trong đó đáng chú ý có các khía cạnh sau:

- Thực hiện hiệu quả các quy định về minh bạch và tạo thuận lợi thương mại;
- Cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SME (trong đó có thúc đẩy và tạo điều kiện cho quan hệ đối tác giữa các doanh nghiệp);
- Thúc đẩy SME sử dụng thương mại điện tử;
- Khuyến khích đổi mới và sử dụng công nghệ;
- Thúc đẩy SME hiểu và sử dụng hiệu quả hệ thống sở hữu trí tuệ;
- Chia sẻ các thông lệ tốt nhất về nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

➤ RCEP có cam kết gì về SME?

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

RCEP yêu cầu các nước thành viên hợp tác chặt chẽ trong nhiều khía cạnh liên quan tới việc tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, xây dựng năng lực cạnh tranh cho các SME, đặc biệt trong các xu hướng, khía cạnh kinh doanh rất tiềm năng cho các SME.

Mặc dù không ràng buộc cụ thể về thời gian, cách thức, mức độ hợp tác nhưng các cam kết này của RCEP dự kiến sẽ được các nước thành viên ưu tiên thực thi một cách linh hoạt. Là đối tượng hưởng tới chủ yếu của các chương trình hợp tác này, các SME được khuyến nghị nên chú ý tìm hiểu thông tin, chủ động tham gia với tư cách đối tượng thụ hưởng trực tiếp của các chương trình hợp tác mà mình quan tâm (ví dụ các chương trình hỗ trợ SME về thương mại điện tử, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu...).

Cẩm nang doanh nghiệp

**TÓM LƯỢC**  
**HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)**

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc - Tổng Biên tập NXB  
Nguyễn Minh Huệ

Biên tập  
Nguyễn Thị Thanh Thảo

Trình bày  
Thaidung85@gmail.com

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

In 1200 cuốn, khổ 19x26 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia  
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3664-2021/CXBIPH/05-184/CT  
Số Quyết định xuất bản: 310A/QĐ-NXBCT ngày 27 tháng 10 năm 2021  
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2021  
Mã số ISBN: 978-604-311-791-2

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84-24-35771458

Email: [banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)

Website: [www.trungtamwto.vn](http://www.trungtamwto.vn)/[www.chongbanphagia.vn](http://www.chongbanphagia.vn)/[www.aecvcci.vn](http://www.aecvcci.vn)